BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7BK1 **Ngành: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: 1012 */QĐ-TĐHHN, ngày* 05 *tháng* 03 *năm 2021)*

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phát triển đô thị bền vững	Đánh giá Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Năng lượng và phát triển bền vững	Con người và môi trường	Thực tập tin học ứng dụng	Khí hậu đại cương	Lập và phân tích dự án biến đổi khí hậu	Khí tượng cơ sở	Kinh tế học biến đổi khí hậu	Kỹ năng mềm	Xác suất thống kê	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Sinh thái học nhân văn	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	3						
1	1711041001	Cung Quốc	Chính	25/04/1999	3.0	3.0	2.0		3.5	4.0	4.0	3.5	3.0	3.5	3.5				3.0	4.0	28	**3.38**	118	**2.87**		
2	1711040062	Nguyễn Mạnh	Đức	25/11/1999	2.0	2.0			2.5		2.0		2.0		1.5			2.0		3.0	18	**2.17**	99	**2.00**		
3	1711040072	Đỗ Thanh	Hải	20/09/1999	2.5	2.0			3.5		2.5	3.0	3.0		3.0					3.5	18	**2.89**	110	**2.20**		
4	1711041528	Vũ Thị	Hải	24/04/1997	3.0	2.0			3.0		2.5		2.5		2.5					3.0	16	**2.66**	118	**2.25**		
5	1711040476	Lê Hồng	Hạnh	22/01/1999	3.0	3.5			3.5		3.0		4.0		4.0					4.0	16	**3.56**	118	**2.92**		
6	1711040506	Hoàng Văn	Hiếu	25/11/1999	3.0	2.5			3.5	3.5	3.0	3.5	3.5	3.0	3.5					3.5	23	**3.24**	118	**2.57**		
7	1711041491	Nguyễn Tiến	Hưng	11/12/1999	3.5	3.5	2.0		4.0	4.0	3.0	3.5	3.0	3.5	3.0			2.0		3.0	27	**3.17**	111	**2.60**		
8	1711040642	Trần Phương	Linh	03/06/1999	3.0	3.5			3.5		4.0	4.0	4.0		4.0					3.5	18	**3.69**	118	**2.61**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phát triển đô thị bền vững	Đánh giá Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Năng lượng và phát triển bền vững	Con người và môi trường	Thực tập tin học ứng dụng	Khí hậu đại cương	Lập và phân tích dự án biến đổi khí hậu	Khí tượng cơ sở	Kinh tế học biến đổi khí hậu	Kỹ năng mềm	Xác suất thống kê	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Sinh thái học nhân văn	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	3						
9	1711041497	Trần Vũ	Linh	18/05/1999	2.0	2.0			3.0	3.5	3.5	3.0	3.0	3.0	2.5			4.0	3.0	3.5	28	**3.04**	107	**2.26**		
10	1711040162	Đoàn Thị Hà	Ngân	08/11/1999	3.5	3.0			3.5		4.0	3.5	4.0		4.0					4.0	18	**3.72**	118	**2.93**		
11	1711040008	Nguyễn Thành	Nguyên	04/07/1999	2.0	2.0			3.5		3.0		3.5		4.0					3.0	16	**3.00**	118	**2.36**		
12	1711040262	NguyễN Linh	Phương	19/10/1999	4.0	4.0			3.5		4.0		3.5		4.0					4.0	16	**3.88**	118	**3.44**		
13	1711041577	Nguyễn Mai	Phương	11/12/1999	2.0	4.0			3.5		3.0		3.5		3.0					4.0	16	**3.31**	118	**2.86**		
14	1711040689	Phạm Phương	Thảo	01/08/1999	2.5	2.0			3.0		2.5		3.0		2.5			2.0		3.0	18	**2.58**	118	**2.26**		
15	1711041545	Phạm Thị	Trang	26/07/1999	3.5	1.5			3.0		2.0		3.0		3.0				2.0	3.5	19	**2.66**	100	**2.21**		
16	1711040266	Đinh Gia	Tú	29/01/1999	3.0	2.5	1.5		3.0		3.0		3.0		2.0					3.5	18	**2.75**	114	**2.35**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 16 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)
(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7C1 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Công nghệ XML và JSON	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Xử lý ảnh	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển ứng dụng mạng	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Giải tích 1	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
1	1711060692	Đặng Xuân	Anh	28/02/1999				4.0		1.5			2.0	3.0	3.0	3.0		2.5				17	2.82	120	**2.51**		
2	1711060884	Nguyễn Duy	Anh	06/08/1999				2.5		1.5			2.0	2.0	2.0	3.0		1.0				17	2.03	106	**1.94**		
3	1711060339	Nguyễn Đức	Anh	26/07/1999				4.0		4.0			3.0	2.5	3.5	3.5	4.0	2.0				19	3.32	118	**2.56**		
4	1711060388	Nguyễn Phan Duy	Anh	03/03/1999				4.0		2.0			3.0	3.0	3.5	3.0		3.0	3.5			19	3.18	115	**2.23**		
5	1711060520	Phạm Thị Lan	Anh	24/07/1999				4.0		4.0			3.0	3.5	4.0	4.0		3.5				17	3.74	120	**2.91**		
6	1711060224	Trương Thụy	Anh	11/09/1999			2.0	4.0		1.0		0	3.0	2.0	3.0	3.0		3.0	2.0			23	2.39	107	**2.03**		
7	1711060364	Vũ Thế	Anh	15/02/1999			3.0	4.0		1.0			3.0	3.0	4.0	3.0		4.0	4.0			21	3.29	110	**2.59**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Công nghệ XML và JSON	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Xử lý ảnh	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển ứng dụng mạng	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Giải tích 1	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
8	1711061278	Hoàng Gia	Bảo	15/08/1999				4.0		4.0			3.5	3.5	4.0	3.5		4.0				17	3.79	110	**2.97**		
9	1711060382	Phạm Văn Thành	Công	26/04/1999	0			3.5		1.0			3.0	3.0	4.0	3.5		4.0				19	2.87	116	**2.50**		
10	1711060410	Nguyễn Tiến	Dũng	28/08/1999				3.5		2.0			3.5	3.0	4.0	3.5		2.5	4.0			19	3.29	118	**2.45**		
11	1711060305	Nguyễn Quý Sơn	Dương	09/11/1999				4.0		2.0			3.5	3.5	4.0	3.5		3.0				17	3.44	120	**2.60**		
12	1711060413	Nguyễn Thùy	Dương	05/01/1999				4.0		4.0			3.5	3.5	4.0	4.0		4.0				17	3.85	120	**3.15**		
13	1611061801	Trần Văn	Dương	24/07/1998				4.0		4.0			3.0	0	3.0	3.0		2.0				17	2.65	91	**2.46**		
14	1711060180	Nguyễn Công	Đạt	09/05/1999				4.0		2.5			3.0	3.0	3.0	4.0		3.0	4.0			19	3.32	113	**2.45**		
15	1711060951	Nguyễn Hà	Đạt	18/06/1999				2.0		1.0			2.0	2.0	1.5	3.0		2.0				17	1.91	97	**1.96**		
16	1711060700	Nguyễn Đình Hải	Đăng	08/10/1999				4.0		1.0			3.0	3.0	4.0	3.0		3.5				17	3.18	118	**2.40**		
17	1711060540	Nguyễn Duy	Đức	29/09/1999				4.0		3.5			3.0	3.0	3.5	3.5		2.5				17	3.32	114	**2.21**		
18	1711061103	Nguyễn Trí	Đức	07/03/1999				3.5		2.5	2.0		2.5	3.0	3.0	3.0		2.0	2.5			21	2.74	97	**1.97**		
19	1711060943	Ngô Trường	Giang	17/08/1999				4.0		4.0			4.0	3.5	4.0	4.0		4.0				17	3.91	118	**2.95**		
20	1711060145	Phạm Thanh	Hiệp	25/11/1999				4.0		3.0			3.0	3.0	4.0	3.5		3.5	3.0	1.5		21	3.24	118	**2.49**		
21	1711061384	Dương Bá Minh	Hiếu	09/12/1999				1.5		1.5			2.0	2.5	2.0	3.0		2.0				17	2.06	99	**1.89**		
22	1711060299	Nguyễn Trung	Hiếu	21/11/1999				4.0		3.0			3.5	4.0	4.0	3.5		4.0				17	3.76	120	**2.71**		
23	1711060355	Trịnh Minh	Hiếu	23/05/1999				3.5		2.0			4.0	3.0	3.5	3.0	3.0	3.0				19	3.16	120	**2.46**		
24	1711060372	Nguyễn Thị	Hòa	05/12/1999				4.0		1.0			3.0	3.0	3.5	3.5		2.5				17	3.03	120	**2.38**		
25	1711060322	Kim Thúy	Hoàn	09/11/1999			2.5	4.0		3.0			3.0	3.0	3.0	3.5		2.0				19	3.05	120	**2.54**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Công nghệ XML và JSON	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Xử lý ảnh	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển ứng dụng mạng	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Giải tích 1	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
26	1711060261	Lê Việt	Hoàng	26/04/1999				4.0		3.5			3.0	4.0	4.0	3.5	4.0	3.0				19	3.68	118	**2.62**		
27	1711060788	Nguyễn Văn	Huy	12/12/1999				2.5		1.0			3.0	3.0	3.5	3.5	3.0	1.5				19	2.68	116	**2.37**		
28	1711061377	Hà Hoàng	Long	28/07/1999				4.0		2.0			3.0	3.0	3.0	3.0		1.0				17	2.82	113	**2.17**		
29	1711060171	Trần Thủy	Mai	05/02/1999		0		2.5	3.0	2.0	1.0		3.5	2.5	2.5	3.0		2.0	0		3.0	29	2.19	95	**2.05**		
30	1711060864	Đỗ Nguyễn Trung	Nguyên	02/10/1999				3.0		1.0			2.5	3.5	3.5	3.0	3.0	3.0		2.0		21	2.81	115	**2.33**		
31	1711060285	Đoàn Minh	Quang	01/09/1999				4.0		4.0			4.0	4.0	4.0	4.0		4.0				17	4.00	118	**3.11**		
32	1711061034	Nguyễn Mạnh	Quân	20/08/1999				4.0		4.0			3.5	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0				19	3.89	108	**2.84**		
33	1711060351	Vũ Văn	Quyền	07/08/1999				4.0		4.0			4.0	3.5	4.0	4.0		4.0				17	3.91	120	**2.78**		
34	1711060405	Trịnh Thị Thanh	Tâm	17/02/1999				2.5		2.0			3.0	2.5	3.0	3.0	3.0	2.5				19	2.68	120	**2.40**		
35	1711060684	Mai Trọng	Tấn	22/05/1999			2.0	3.0		3.0			2.5	3.5	3.0	3.0		3.5	3.0	3.5		23	3.02	108	**2.27**		
36	1711060576	Vũ Minh	Thành	24/08/1999				3.0		1.5			3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	0				19	2.53	118	**2.22**		
37	1711060219	Đặng Việt	Thắng	07/06/1999				4.0		4.0	2.0		3.5	2.0	3.0	3.0	3.0	3.5	4.0			23	3.17	110	**2.20**		
38	1711060356	Đỗ Mạnh	Tiến	12/04/1999				3.5		4.0			3.0	3.0	3.5	3.5		4.0				17	3.47	120	**2.50**		
39	1711060470	Đỗ Thị Kiều	Trang	20/10/1999				4.0		4.0			4.0	3.5	3.5	4.0		3.5				17	3.76	120	**2.74**		
40	1711060567	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/08/1999				4.0		4.0			3.0	4.0	4.0	3.5		3.0				17	3.71	120	**3.03**		
41	1711060198	Lê Việt	Tùng	19/07/1999				3.0		2.5			2.5	3.0	4.0	3.0		1.5				17	2.88	118	**2.22**		
42	1711060609	Hồ Dương Linh	Tuyên	21/04/1999				4.0		4.0	1.5		3.0	3.5	4.0	4.0		4.0		3.5	3.5	24	3.54	120	**2.57**		
43	1711060659	Nguyễn Thị	Uyên	30/05/1999				4.0		2.0			3.0	3.0	3.5	3.0		3.0	2.0	2.0		21	2.93	107	**2.45**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Công nghệ XML và JSON	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Xử lý ảnh	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển ứng dụng mạng	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Giải tích 1	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3						
44	1711060656	Phạm Thị	Xuân	20/02/1999				4.0		4.0			3.0	3.5	4.0	4.0		4.0				17	3.79	120	**2.74**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7C2 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Giải tích 2	Vật lý đại cương	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Đại số	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3						
1	1711060897	Bùi Tiến	Anh	30/03/1999				4.0	4.0	1.5	3.0		4.0	4.0	3.5	4.0	3.5		21	3.57	115	**2.63**		
2	1711060475	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	11/01/1999				3.5	3.5		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.62	120	**2.39**		
3	1711060617	Phạm Thị Quỳnh	Anh	01/10/1999				4.0	3.5		3.5		4.0	3.5	3.0	3.5			17	3.62	109	**2.30**		
4	1711060804	Lê Kiên	Cường	12/10/1999				4.0	3.0		3.0		4.0	4.0	3.0	3.5			17	3.59	120	**2.38**		
5	1711060910	Hoàng Anh	Dũng	16/10/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.76	120	**3.07**		
6	1711060593	Trương Văn	Dương	02/02/1998				4.0	3.0	1.5	3.0		3.0	3.0	3.0	3.5			19	3.05	112	**2.37**		
7	1711060811	Phạm Tiến	Đạt	13/12/1999			3.0	3.0	3.0		2.0	2.0	3.5	4.0	3.0	2.0		3.5	26	2.96	94	**2.35**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Giải tích 2	Vật lý đại cương	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Đại số	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3						
8	1711060481	Vương Thành	Đạt	19/12/1999				3.0	3.5	2.0	3.0		4.0	4.0	3.0	3.5			19	3.32	117	**2.50**		
9	1711060451	Nguyễn Hải	Đăng	19/02/1999				3.0	2.5		2.0		3.0	3.0	3.0	1.0			17	2.59	111	**2.07**		
10	1711061435	Nguyễn Anh	Đức	20/03/1999				2.5	3.5		2.0		2.0	3.0	3.0	2.0			17	2.56	107	**2.11**		
11	1711060761	Nguyễn Huỳnh	Đức	12/07/1999				4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.88	120	**2.62**		
12	1711060834	Đỗ Hữu	Hải	23/02/1999		3.0		4.0	3.0		3.0		4.0	3.0	3.0	3.0		3.0	22	3.27	115	**2.37**		
13	1711060873	Phạm Văn	Hân	31/05/1999				4.0	4.0		3.5		4.0	3.5	3.0	4.0			17	3.74	120	**3.03**		
14	1711060809	Vũ Ngọc	Hiển	26/04/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.76	120	**2.67**		
15	1711060558	Phạm Vũ	Hiệp	23/08/1999				3.0	3.0		2.0		3.5	3.0	3.0	2.0			17	2.85	120	**2.17**		
16	1711060657	Nguyễn Thị	Hiếu	07/12/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.76	120	**2.98**		
17	1711060669	Nguyễn Thị	Hoa	30/07/1999				4.0	3.5		3.5		3.5	3.5	3.0	4.0			17	3.59	120	**2.88**		
18	1711060917	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	04/04/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.82	120	**2.85**		
19	1711060722	Phan Thúc	Huỳnh	05/10/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.82	120	**2.82**		
20	1711060154	Nguyễn Chung	Hữu	15/04/1999				4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.94	120	**3.02**		
21	1711060138	Nguyễn Thực	Khải	07/02/1999				4.0	4.0		3.5		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.88	120	**2.78**		
22	1711060848	Nguyễn Quang	Linh	03/11/1999				4.0	3.0		3.0		2.0	2.5	3.0	2.5			17	2.85	110	**2.36**		
23	1711060404	Nguyễn Thị Phương	Linh	18/12/1999				4.0	3.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.65	120	**2.95**		
24	1711060407	Trần Khánh	Linh	19/09/1999				3.0	3.5		3.0		4.0	3.5	3.0	4.0			17	3.44	120	**2.52**		
25	1711060908	Nguyễn Đắc Hoàng	Long	31/03/1999				4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.88	120	**2.51**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Giải tích 2	Vật lý đại cương	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Đại số	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3						
26	1711060507	Nguyễn Tiến	Mạnh	22/07/1999				3.0	2.5		2.5		3.5	3.5	3.0	2.0			17	2.94	118	**2.23**		
27	1711060703	Lê Bá Nhật	Minh	15/05/1999				3.0	3.0		2.0		3.0	2.0	2.5	1.0			17	2.41	111	**2.03**		
28	1711060488	Nguyễn Công	Minh	16/12/1999				3.5	3.5	2.0	3.0		3.0	3.0	3.0	3.5	2.5		21	3.02	114	**2.49**		
29	1711060541	Lê Thị Anh	Ngân	14/05/1999				3.5	3.5		3.0		3.5	4.0	3.0	4.0			17	3.53	120	**2.92**		
30	1711060578	Đào Thị Hồng	Nhung	07/02/1999	4.0			3.0	3.0		3.0		3.0	3.0	2.5	2.0	2.0		22	2.91	118	**2.16**		
31	1711060446	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/01/1999				4.0	3.5		4.0		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.88	120	**2.73**		
32	1711060585	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/09/1999				3.5	3.0		3.0		4.0	3.5	3.0	4.0			17	3.47	120	**2.61**		
33	1711060109	Trịnh Thị	Phương	28/09/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0	3.0		19	3.68	120	**2.76**		
34	1711060568	Vũ Bích	Phương	21/12/1999	4.0			3.5	3.0		3.0		4.0	3.5	3.0	3.5			20	3.50	120	**2.45**		
35	1711060309	Đỗ Vinh	Quang	05/10/1999				4.0	4.0		3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.76	120	**2.59**		
36	1711060500	Trần Phạm Ngọc	Quang	22/02/1999				3.5	3.5		3.0		3.5	3.5	3.0	4.0			17	3.44	120	**2.36**		
37	1711060650	Nguyễn Văn	Thanh	16/11/1999				3.5	3.0		2.0		3.0	3.0	2.5	3.5			17	2.97	118	**2.26**		
38	1711060665	Nguyễn Viết	Tiến	31/10/1999				4.0	3.5		2.5		3.5	4.0	3.0	3.0			17	3.44	112	**2.58**		
39	1711060534	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/02/1999				4.0	3.0		3.5		3.5	3.0	3.0	4.0			17	3.44	120	**2.68**		
40	1711060505	Nguyễn Văn	Trình	12/05/1999				4.0	4.0		3.5		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.82	120	**2.96**		
41	1711060487	Lưu Thanh	Vân	05/10/1999				4.0	3.0		3.0		4.0	3.5	3.0	3.0			17	3.44	120	**2.31**		
42	1711060620	Ngô Minh	Việt	01/09/1999				3.0	2.0		2.5		3.5	3.0	2.5	1.0			17	2.62	94	**1.85**		
43	1711060530	Lê Thị	Yến	11/12/1999				3.5	2.5	2.0	3.0		3.0	3.0	3.0	2.0			19	2.82	110	**2.42**		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Giải tích 2	Vật lý đại cương	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Tiếng Anh 3	Quản lý dự án phần mềm	Đại số	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3						

Tổng hợp: Tổng số SV: 43 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)
(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7C3 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2						
1	1711061123	Đinh Nguyên	An	17/08/1999		4.0	4.0	3.5		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.88	120	**2.55**		
2	1711060840	Hồ Trung	Anh	28/02/1999		3.5	2.0	2.5		4.0	3.5	3.0	3.0		0	19	2.84	108	**2.45**		
3	1711061007	Nguyễn Bá	Anh	08/06/1999	1.0	2.0	0	2.5	0	3.0	2.0	0	3.0			21	1.62	93	**1.72**		Cảnh báo học tập mức 1
4	1711060733	Phạm Đình	Công	23/11/1999		4.0	3.0	3.0		4.0	3.5	3.5	3.5			17	3.56	120	**2.81**		
5	1711061045	Phạm Mạnh	Cường	03/08/1999		4.0	3.5	3.0		4.0	4.0	3.0	4.0			17	3.71	120	**2.52**		
6	1711060962	Phạm Duy	Đạt	24/06/1999	1.5	3.0	2.0	2.5	0	3.0	3.0	1.5	3.0			21	2.29	108	**2.25**		
7	1711060727	Đồng Thị	Hải	16/10/1999		3.0	3.5	3.0		3.0	3.5	3.0	3.0			17	3.15	115	**2.45**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2						
8	1711061006	Nguyễn Tuấn	Hải	01/05/1999		4.0	3.0	3.0		3.5	4.0	3.0	4.0			17	3.56	120	**2.48**		
9	1711061220	Nguyễn Ngọc Trần	Hoàn	21/07/1999		3.0	2.5	2.5		3.0	3.0	2.0	3.0			17	2.76	112	**2.04**		
10	1711061213	Phạm Thanh	Hoàng	20/11/1999		3.0	2.0	3.0		3.5	3.0	3.0	3.0			17	2.97	116	**2.14**		
11	1711060817	Nguyễn Thị	Huệ	03/04/1999		3.5	3.0	2.5		4.0	3.0	4.0	3.0			17	3.32	120	**2.69**		
12	1711061190	Trương Minh	Hùng	23/05/1999		4.0	3.5	3.5		4.0	4.0	4.0	4.0			17	3.88	120	**2.92**		
13	1711061105	Trần Duy	Hưng	01/10/1999		4.0	4.0	3.5		4.0	4.0	4.0	3.5			17	3.88	120	**2.78**		
14	1711060949	Phú Quốc	Khánh	28/09/1999	2.0	4.0	3.5	3.5		3.0	4.0	4.0	4.0		3.0	21	3.48	105	**2.32**		
15	1711061226	Lê Thị Mỹ	Linh	22/07/1999		4.0	4.0	3.5		3.5	4.0	3.0	3.5			17	3.68	120	**2.78**		
16	1711060967	Ngô Thị	Loan	03/01/1999		3.0	2.0	3.5		3.0	3.0	3.5	3.5			17	3.06	117	**2.84**		
17	1711060701	Nguyễn Thị	Mai	16/01/1999		4.0	3.5	3.0		4.0	3.0	3.5	3.5			17	3.53	120	**2.71**		
18	1711061177	Hoàng Khắc	Mạnh	18/04/1999		4.0	4.0	3.0		4.0	4.0	4.0	3.5			17	3.82	120	**2.79**		
19	1711060931	Nguyễn Tiến	Mạnh	18/08/1999		4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0			17	4.00	120	**2.76**		
20	1711061002	Nguyễn Thị	Mận	05/10/1999		3.5	3.5	4.0		3.5	3.0	4.0	3.5			17	3.53	120	**2.87**		
21	1711060833	Lê Tuấn	Minh	14/06/1999		4.0	2.5	3.0		4.0	4.0	4.0	3.0	0		19	3.21	118	**2.44**		
22	1711060929	Lý Thị	Ngoan	15/03/1999		3.5	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	3.5			17	3.85	120	**2.98**		
23	1711060781	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	24/09/1999		4.0	3.0	3.0		4.0	3.0	4.0	3.5		3.0	19	3.47	118	**2.49**		
24	1711060785	Đinh Thị	Nhung	15/07/1998		4.0	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0	3.5			17	3.62	120	**2.45**		
25	1711060900	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1999		4.0	3.5	3.0		4.0	3.0	4.0	3.5		3.0	19	3.53	120	**2.58**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2						
26	1711061161	Phạm Thị Thu	Phương	30/11/1999		3.0	4.0	3.5		3.5	3.5	4.0	3.5			17	3.53	116	**2.53**		
27	1711060704	Nguyễn Thị	Phượng	15/06/1999		4.0	3.0	3.0		4.0	4.0	3.5	4.0			17	3.71	120	**3.00**		
28	1711060737	Trần Văn	Quân	28/12/1998		3.0	2.0	2.5		3.5	3.0	3.0	3.0		2.0	19	2.82	114	**2.17**		
29	1711060845	Nguyễn Văn	Quyền	15/05/1998		4.0	2.5	3.0		4.0	3.0	3.0	3.0		2.0	19	3.16	120	**2.70**		
30	1711060855	Lã Lưu Trường	Sa	22/02/1999		3.0	1.0	3.0		3.0	3.0	3.0	3.0			17	2.76	114	**2.40**		
31	1711061236	Nguyễn Quang	Thành	17/06/1999		4.0	4.0	3.0		4.0	4.0	4.0	3.5			17	3.82	120	**2.88**		
32	1711060318	Hoàng Chiến	Thắng	06/07/1999		4.0	3.5	3.0		4.0	3.5	4.0	3.0			17	3.62	118	**2.47**		
33	1711060831	Vũ Thị	Thu	07/02/1999		3.0	4.0	3.0		3.5	3.0	4.0	3.5			17	3.38	120	**2.70**		
34	1711060881	Đào Xuân	Tiến	10/09/1999		4.0	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0	3.5			17	3.62	120	**2.76**		
35	1711060870	Vũ Đức	Tiến	18/09/1999		4.0	3.0	2.5		4.0	3.5	3.0	3.0			17	3.38	120	**2.36**		
36	1711060879	Đoàn Kiều	Trang	23/09/1999		3.5	2.5	3.0		3.5	3.0	4.0	3.0	0		19	2.89	110	**2.47**		
37	1711060342	Vũ Quốc	Trung	26/10/1999		4.0	2.5	2.5		4.0	3.5	4.0	3.0			17	3.44	115	**2.16**		
38	1711060863	Nguyễn Quang	Tuấn	24/08/1999		2.0	2.0	3.0		3.0	3.0	1.5	3.0			17	2.53	120	**2.13**		
39	1711060859	Trần Thanh	Tùng	25/04/1999		2.5	2.0	2.5		3.0	3.0	2.0	3.0			17	2.62	102	**2.02**		
40	1711060730	Hoàng Quốc	Việt	25/02/1998		3.0	2.5	2.5		3.5	3.5	3.0	3.5			17	3.12	120	**2.48**		
41	1711060927	Nguyễn Thị	Vui	16/05/1999		2.5	3.0	3.0		3.5	3.5	3.5	3.0	2.0		19	3.03	120	**2.48**		
42	1711060768	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/04/1999		3.5	3.0	3.0		4.0	3.5	3.0	3.5			17	3.41	120	**2.71**		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2						

Tổng hợp: Tổng số SV: 42 Số SV bị cảnh báo mức 1: 1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7C4 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Kỹ năng mềm	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
1	1711061467	Hoàng Thế	Anh	26/08/1999	1.0		4.0	3.5		4.0		4.0	4.0	3.0	4.0				19	3.53	113	**2.40**		
2	1711061254	Nguyễn Thị	Bình	23/08/1999			4.0	3.5		4.0		3.5	4.0	3.0	4.0				17	3.74	120	**2.58**		
3	1711061273	Trần Đức	Chương	21/07/1999			3.5	3.0		3.5		3.5	3.0	3.0	2.0				17	3.12	113	**2.13**		
4	1611061957	Kiều Anh	Cường	08/08/1998			3.5	3.0		2.5		2.5	3.0	2.5	0	2.0			19	2.47	94	**2.22**		
5	1711061267	Nguyễn Thị Ô	Đan	15/07/1999			3.0	3.0		2.5		3.0	3.0	3.0	2.5				17	2.88	118	**2.38**		
6	1711061483	Nguyễn Văn	Đức	22/08/1999			4.0	4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				19	4.00	120	**2.77**		
7	1711061421	Nguyễn Thị	Hiền	07/11/1999			4.0	3.5		3.5		3.0	3.5	3.5	3.5				17	3.50	120	**2.53**		
8	1711060295	Lê Mạnh	Hùng	27/11/1999			4.0	3.0		3.5		3.5	3.5	4.0	4.0				17	3.65	120	**2.77**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Kỹ năng mềm	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
9	1711061298	Phan Huy	Hùng	01/09/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				17	4.00	120	**2.76**		
10	1711061272	Nguyễn Quang	Huy	19/08/1999			3.5	3.5		3.5		3.5	3.5	3.0	2.5		2.0		19	3.18	105	**2.33**		
11	1711060210	Trần Quốc	Huy	14/08/1998			3.5	0		2.5		2.5	2.0	2.0	0				17	1.94	81	**1.76**		
12	1711060390	Dương Ngọc	Hưng	11/08/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				17	4.00	120	**3.06**		
13	1711061446	Đái Trinh	Lợi	19/11/1999	2.0		3.5	3.5		3.5		4.0	4.0	3.0	3.0				19	3.39	110	**2.09**		
14	1711061345	Nguyễn Minh	Ngọc	01/02/1999			4.0	4.0		4.0		3.0	4.0	4.0	4.0				17	3.82	120	**2.83**		
15	1711061547	Lê Thị	Nhung	12/07/1999			3.5	3.5		3.0		3.0	3.5	3.5	3.5				17	3.35	120	**2.73**		
16	1711061403	Nguyễn Văn	Phương	16/04/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				17	4.00	120	**2.99**		
17	1711061413	Trịnh Thu	Phương	10/05/1999			4.0	3.5		3.5		4.0	4.0	3.5	4.0				17	3.82	120	**2.74**		
18	1711060269	Vũ Thị	Phương	11/09/1999			4.0	3.5		4.0		4.0	4.0	3.5	4.0				17	3.88	120	**2.75**		
19	1711061050	Phùng Thị Lan	Phượng	08/09/1999			4.0	3.5		4.0		3.5	4.0	3.0	4.0				17	3.74	120	**2.63**		
20	1711061388	Nguyễn Xuân	Quả	07/12/1999			3.0	3.0		3.0		3.0	3.5	2.0	0				17	2.62	102	**2.06**		
21	1711061440	Nguyễn Mạnh	Quang	08/05/1999	0		3.0	3.0		3.5		3.0	3.5	2.0	1.0				19	2.50	111	**2.06**		
22	1711061379	Đồng Đức	Quý	23/06/1999			3.5	3.0		3.5		3.0	3.5	3.0	2.5		3.0		19	3.16	115	**2.08**		
23	1711061044	Trần Thanh	Sơn	14/06/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				17	4.00	120	**2.96**		
24	1711061313	Giàng Văn	Thái	11/07/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	3.5				17	3.94	120	**3.01**		
25	1711060163	Trịnh Thị	Thái	07/05/1999			3.5	3.0		4.0		3.5	4.0	3.0	3.5				17	3.53	118	**2.36**		
26	1711060783	Đỗ Đức	Thắng	26/11/1999			3.5	2.5		2.5		2.5	3.0	2.0	1.5				17	2.59	115	**1.94**		
27	1711061111	Nguyễn Đức	Thắng	11/12/1999			3.5	3.0		3.0		3.0	3.0	3.0	3.0			2.5	19	3.03	118	**2.28**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Quản lý dự án phần mềm	Xử lý ảnh	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Kỹ năng mềm	Phát triển ứng dụng mạng	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Kỹ thuật vi xử lý	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
28	1711060194	Lê Văn	Thịnh	16/09/1999			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				17	4.00	120	**2.80**		
29	1711061284	Hồ Thị Diệu	Thúy	19/12/1999			4.0	4.0		4.0		3.5	4.0	4.0	4.0				17	3.91	120	**3.04**		
30	1711061214	Đoàn Thị	Thư	29/07/1999			4.0	3.5		2.5		3.0	3.0	3.5	1.5				17	3.06	120	**2.57**		
31	1711061328	Bùi Minh	Toàn	17/08/1999	1.0		3.5	2.0		3.5	1.5	3.0	3.0	3.0	2.5			1.5	23	2.54	118	**1.94**	Cảnh báo học tập mức 1	
32	1711060227	Nguyễn Thanh	Tú	27/11/1998		3.5	3.5	2.0		3.0		3.5	3.5	3.0	1.5	2.5		2.5	23	2.93	107	**2.45**		
33	1711061348	Nguyễn Minh	Tuấn	22/04/1999			3.5	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	2.0				17	3.68	113	**2.73**		
34	1711060948	Tạ Thanh	Tuấn	26/01/1999			4.0	3.0		3.5		3.0	3.5	3.5	2.5				17	3.32	120	**2.43**		
35	1711060953	Trần Bá	Tuấn	23/04/1999	3.0		4.0	3.5		4.0		4.0	2.5	3.0	4.0				19	3.50	115	**2.83**		
36	1711060961	Nguyễn Hoa	Văn	28/09/1999			4.0	3.0		3.0		3.5	2.5	3.0	3.0				17	3.18	117	**2.47**		
37	1711061173	Trần Đỗ Thành	Văn	15/09/1999			4.0	3.0		4.0		3.5	4.0	4.0	2.0				17	3.56	118	**2.85**		
38	1711061325	La Thị	Vinh	28/07/1999			3.0	3.0		3.5		3.0	3.5	3.0	4.0				17	3.26	120	**2.38**		
39	1711061047	Nguyễn Văn	Vinh	05/03/1999			4.0	3.5		4.0		3.5	4.0	3.0	4.0				17	3.74	120	**2.33**		
40	1711061415	Bùi Thị Ngọc	Vui	12/09/1999			4.0	3.5		3.0		4.0	3.0	3.5	3.5				17	3.53	120	**2.68**		
41	1711060996	Nguyễn Thị	Yến	20/09/1999			4.0	3.5		3.5		3.0	3.5	3.5	3.0				17	3.44	120	**2.69**		
42	1711061412	Nguyễn Thị	Yến	17/08/1999			4.0	3.5		3.5		4.0	3.0	3.0	4.0				17	3.59	120	**2.74**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 42 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7C5 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	Xây dựng hệ thống nhúng	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	Công nghệ XML và JSON	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Hệ thống tích hợp ứng dụng tài nguyên môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quản lý dự án phần mềm	Tiếng Anh 3	Xử lý ảnh	Hệ quản trị Linux	Phát triển ứng dụng mạng	Quản lý mạng máy tính	Giải tích 1	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Trí tuệ nhân tạo	Truyền dữ liệu	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2						
1	1711061046	Ngô Tuấn	Anh	07/10/1997			3.5					2.0		3.5			3.0	4.0	3.0						3.0	17	3.21	120	**2.35**		
2	1611060484	Nguyễn Đình Việt	Anh	12/01/1998			3.0					2.0		3.0			3.0	4.0	3.5						2.0	17	3.00	100	**1.94**		
3	1711060932	Nguyễn Ngọc	Anh	29/08/1999			3.5					3.5		3.0			4.0	4.0	4.0						3.0	17	3.62	120	**2.62**		
4	1711061098	Vũ Ngọc	Bảo	29/01/1999			2.0					3.0		3.0			3.0	3.0	3.0						3.0	17	2.82	101	**2.15**		
5	1711060246	Nguyễn Minh	Chiến	31/01/1999			4.0				0	2.5		3.0			3.0	4.0	3.0	2.5					2.5	21	2.86	112	**2.21**		
6	1711060327	Đỗ Văn	Dũng	09/03/1999			4.0					2.0		3.0			3.5	4.0	4.0						3.0	17	3.44	118	**2.55**		
7	1711060315	Nguyễn Văn	Dự	20/04/1999			4.0					3.5		4.0			4.0	4.0	4.0						3.0	17	3.82	120	**2.87**		
8	1711060256	Mai Minh	Đạt	21/05/1999			3.5		3.0			1.5		3.5		1.0	4.0	3.0	3.5						3.0	22	2.98	116	**2.13**		
9	1711060885	Nguyễn Hữu	Đức	11/12/1999			2.5				3.0	2.0		3.0			3.0	4.0	2.0						2.0	19	2.76	117	**2.25**		
10	1711061187	Đỗ Thu	Hiền	11/03/1999			3.0					2.0		3.0			3.0	4.0	3.0						2.5	17	3.00	120	**2.27**		
11	1711061339	Đào Hữu	Hiệp	22/10/1999			3.5					2.0		3.0			3.0	3.0	3.5	4.0					3.0	19	3.13	95	**2.14**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	Xây dựng hệ thống nhúng	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	Công nghệ XML và JSON	Phát triển ứng dụng trên nền Web	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Hệ thống tích hợp ứng dụng tài nguyên môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quản lý dự án phần mềm	Tiếng Anh 3	Xử lý ảnh	Hệ quản trị Linux	Phát triển ứng dụng mạng	Quản lý mạng máy tính	Giải tích 1	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Kỹ thuật vi xử lý	Xác suất thống kê	Trí tuệ nhân tạo	Truyền dữ liệu	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2						
12	1711060271	Nguyễn Đức	Hiếu	09/12/1999			4.0					3.0		3.5			4.0	4.0	4.0						3.0	17	3.71	120	**2.84**		
13	1711061093	Đỗ Xuân	Hinh	14/10/1999			2.0			1.0		2.5		3.0			2.0	3.0	3.0						3.0	19	2.42	111	**2.05**		
14	1711060357	Phạm Việt	Hoàng	06/05/1999			2.5					2.0		3.0			3.5	3.5	2.5						3.0	17	2.91	118	**2.13**		
15	1711060808	Nguyễn Văn	Huỳnh	01/10/1999			3.0					3.5		3.0			3.0	4.0	2.5						2.5	17	3.12	120	**2.43**		
16	1711060940	Phạm Văn	Khá	02/02/1999			2.0					2.5		3.0			3.0	3.0	3.0						3.0	17	2.76	101	**2.17**		
17	1711060197	Đinh Công	Minh	06/07/1999			2.0	4.0	3.0			2.0		3.0		0	3.0	3.0	1.5						2.0	24	2.42	111	**1.89**		
18	1711061250	Nguyễn Tiến	Minh	17/08/1998			2.0					1.0		3.0			2.0	2.0	1.5						2.0	17	1.94	80	**1.67**	Cảnh báo học tập mức 2	Cảnh báo học tập mức 1
19	1711061410	Phạm Ngọc	Minh	25/12/1999			2.0					2.0	4.0	3.0	0	1.0	4.0	3.0	3.0		0			0	2.5	29	2.14	110	**1.82**	Cảnh báo học tập mức 2	Cảnh báo học tập mức 1
20	1711061165	Phạm Thị	Nga	30/09/1999			3.5			3.5		4.0		3.0			4.0	3.0	2.5						2.5	19	3.29	116	**2.72**		
21	1711061126	Trần Thị	Ngọc	26/12/1999			3.5			3.0		4.0		3.0			4.0	4.0	3.0						3.5	19	3.55	120	**2.62**		
22	1711060682	Vương Tất	Oai	06/08/1999			2.5					2.0		3.5			2.0	3.5	2.0						2.0	17	2.53	95	**1.88**	Cảnh báo học tập mức 2	Cảnh báo học tập mức 1
23	1711060521	Đỗ Khắc	Phong	15/01/1996			3.0			3.5		3.0		2.5			3.0	4.0	4.0				1.5		3.0	21	3.10	110	**2.27**		
24	1611062003	Trần Kim	Quân	29/04/1997		1.0	2.0	2.0				1.0					2.0		4.0		2.5				1.5	19	2.03	78	**2.08**		
25	1711060778	Nguyễn Quang	Sáng	09/02/1999	1.5		3.5					2.0		4.0			4.0	4.0	3.5						2.0	20	3.10	117	**2.35**		
26	1711061131	Đỗ Thị	Thắm	15/04/1998			3.5			2.5		3.0		3.0			4.0	3.5	3.5						2.5	19	3.26	117	**2.54**		
27	1711061136	Nguyễn Trung	Thắng	22/08/1999			3.0					3.0		3.0			4.0	4.0	4.0						2.5	17	3.41	117	**2.68**		
28	1711060346	Lã Minh	Trí	27/03/1999			2.5					1.0		3.0			0	3.5	3.0						2.0	17	2.12	74	**1.80**	Cảnh báo học tập mức 1	
29	1711060639	Vũ Đình	Trường	21/04/1999			0					0		0			0	0	0						0	17	0	72	**2.09**		Cảnh báo học tập mức 2
30	1711060787	Nguyễn Nam	Viết	12/09/1999			3.5					3.5		3.5			4.0	4.0	2.5						3.0	17	3.50	120	**2.61**		
31	1711061370	Nguyễn Tiến	Võ	29/07/1999			3.0			0		1.5		2.0			3.0	2.5	2.0			1.0			2.0	21	2.02	106	**1.75**		Cảnh báo học tập mức 1

Tổng hợp: Tổng số SV:31 Số SV bị cảnh báo mức 1:4 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7K **Ngành: Khí tượng và khí hậu học** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực hành dự báo số trị	Khí tượng nhiệt đới	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thông về khí tượng thủy văn	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Phân tích và dự báo thời tiết	Vật lý đại cương	Khí tượng cơ sở 2	Dự báo khí hậu	Khí tượng động lực 2	Giải tích 1	Xác suất thống kê	Niên luận	Thực hành dự báo thời tiết	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	2	2	3	2						
1	1711021619	Hoàng Việt	Anh	01/08/1999	2.5	2.5		3.0		2.0			2.0				3.0	3.0	17	**2.56**	95	**1.92**		
2	1711011331	Mai Thị Vân	Anh	02/07/1999	2.0	2.5		3.0		2.0	4.0		2.5			3.0	3.0	3.0	22	**2.80**	96	**2.00**		
3	1611022072	Nguyễn Ngọc	Anh	15/07/1998	2.0	3.0		3.0		2.0			3.0				4.0	3.0	17	**2.88**	94	**2.53**		
4	1711020559	Nguyễn Mạnh	Chiến	11/1999	4.0	3.0		2.5		3.0		2.5	4.0		4.0		4.0	4.0	22	**3.39**	114	**2.58**		
5	1711020453	Phùng Thị Ngọc	Chuyên	04/01/1999	2.0	3.0		3.0		3.0			3.0				3.5	4.0	17	**3.09**	117	**2.53**		
6	1711021179	Nguyễn Tiến	Điệp	27/11/1999	2.5	3.5		2.5		3.0		2.0	3.0	2.5			3.5	3.0	23	**2.85**	112	**2.40**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực hành dự báo số trị	Khí tượng nhiệt đới	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thông về khí tượng thủy văn	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Phân tích và dự báo thời tiết	Vật lý đại cương	Khí tượng cơ sở 2	Dự báo khí hậu	Khí tượng động lực 2	Giải tích 1	Xác suất thống kê	Niên luận	Thực hành dự báo thời tiết	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	2	2	3	2						
7	1711041259	Lê Minh	Đức	05/12/1999	2.5	3.0		3.0		2.0			2.5	2.5			3.0	3.0	20	**2.68**	100	**2.20**		
8	1711021488	Phạm Hương	Giang	16/09/1998	2.0	3.0		2.5		3.0			3.0	2.5			3.0	4.0	20	**2.88**	117	**2.39**		
9	1711021035	Trần Thị Quỳnh	Giang	17/09/1999	2.0	3.0		3.0		2.5		2.5	2.5	2.0			3.0	2.5	23	**2.57**	114	**2.18**		
10	1711020090	Nguyễn Thu	Hà	24/07/1999	2.0	3.0	3.0	3.0		2.5			2.5				3.0	4.0	19	**2.87**	114	**2.35**		
11	1711020955	Đoàn Thị Thu	Hằng	16/09/1999	2.5	3.0		2.0		3.0			3.0				3.0	2.5	17	**2.76**	114	**1.96**		
12	1711020028	Trần Thị Thanh	Hằng	12/09/1999	2.5	2.0		3.0		3.5			3.0				3.5	4.0	17	**3.06**	114	**2.48**		
13	1711020040	Vũ Thị	Hậu	19/06/1999	2.0	3.0		3.0		2.5		1.5	2.5	2.5			3.0	2.5	23	**2.50**	112	**2.07**		
14	1711020239	Khúc Duy	Hưng	27/11/1999	4.0	3.0		3.0		2.5			3.0				3.0	4.0	17	**3.15**	105	**1.96**		
15	1711021524	Nguyễn Hồng	Ly	20/11/1999	2.0	1.5		2.0	0.0	2.5			1.5	2.5	3.0		3.0	3.0	24	**2.15**	110	**1.91**		
16	1711020070	Phạm Hải	Nam	19/12/1998	4.0	3.0		3.0		3.0			3.0				4.0	3.5	17	**3.35**	113	**2.28**		
17	1711020614	Triệu Thúy	Ngân	26/02/1999	4.0	3.0		3.0		3.0			4.0				4.0	4.0	17	**3.53**	117	**2.93**		
18	1711021448	Nguyễn Kiều	Oanh	06/11/1999	2.5	4.0		2.5		3.0			3.0				3.5	3.5	17	**3.21**	117	**2.67**		
19	1711021062	Lê Văn	Phong	23/04/1999	4.0	3.5		3.0		3.0			4.0				4.0	4.0	17	**3.62**	117	**2.76**		
20	1711020047	Lê Trường	Phước	23/10/1999	3.0	2.5		2.5		2.5		2.5	3.0	2.0	3.5		3.0	3.0	25	**2.70**	110	**2.10**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực hành dự báo số trị	Khí tượng nhiệt đới	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thông về khí tượng thủy văn	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Phân tích và dự báo thời tiết	Vật lý đại cương	Khí tượng cơ sở 2	Dự báo khí hậu	Khí tượng động lực 2	Giải tích 1	Xác suất thống kê	Niên luận	Thực hành dự báo thời tiết	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	2	2	3	2						
21	1711020025	Đào Thị	Tâm	23/08/1999	2.0	3.0		2.5		3.0			3.0				3.0	4.0	17	**2.94**	117	**2.38**		
22	1711020131	Nguyễn Thị	Thu	14/05/1999	4.0	3.0		3.0		3.0			3.0				3.5	3.0	17	**3.21**	117	**2.60**		
23	1711021132	Trần Thu	Uyên	18/10/1999	4.0	3.5		2.5		2.5			3.0				3.5	4.0	17	**3.26**	117	**2.88**		
24	1711021158	Lê Đức	Việt	13/08/1999	4.0	3.0		3.5		2.5		3.0	4.0				3.5	4.0	20	**3.35**	117	**2.52**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 24 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7T **Ngành: Thủy văn học** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ứng dụng viễn thám và GIS trong tính toán và dự báo thủy văn	Giải tích 2	Dự báo thủy văn	Tiếng Anh 1	Dự báo hạn	Tiếng Anh 3	Niên luận	Tiếng Anh 2	Thủy văn nước dưới đất ứng dụng	Truyền thông về thủy văn	Đồ án Dự báo thủy văn	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	4	3	2	2	4	3	3	2	2						
1	1711031199	Nguyễn Hoàng	Dương	11/12/1998	2.5	0.0	3.0		2.0	0.0	3.5	3.0	3.0	3.0	3.0	27	**2.50**	104	**2.41**		
2	1711030604	Vũ Thị Thanh	Huyền	02/05/1999	3.5		4.0		3.5		4.0		3.5	4.0	4.0	20	**3.80**	120	**3.24**		
3	1711030373	Đặng Xuân	Sơn	15/08/1999	2.0		3.5	2.0	3.5	1.0	3.5		2.5	3.0	3.5	25	**2.78**	111	**2.42**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 3 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QB **Ngành: Quản lý biển** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	An toàn và an ninh trên biển	Toán cao cấp 2	Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Hóa học đại cương	Đánh giá tác động môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	3	3	3	3	2	3	3	3	2	2						
1	1711120034	Hoàng Việt	Anh	19/03/1999		3.5		4.0	3.0	3.5		3.5	2.0		4.0		3.5		3.0	23	3.33	118	**2.33**		
2	1711120045	Trịnh Thị	Ánh	18/09/1999	3.5	3.5	2.5	4.0	4.0	4.0	3.0		2.5		2.5		4.0		3.0	27	3.30	115	**2.49**		
3	1711121238	Trần Văn	Hùng	04/11/1999		3.0		4.0	3.0	4.0					3.0		3.5		3.0	17	3.38	118	**2.51**		
4	1711120067	Nguyễn Quang	Khải	20/12/1998		3.5		4.0	3.0	4.0					4.0		4.0		2.5	17	3.65	118	**2.53**		
5	1711120086	Mai Duy	Khoa	15/04/1999		3.5		4.0	4.0	4.0		4.0	2.0		2.0	3.5	3.0		3.0	26	3.25	118	**2.29**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	An toàn và an ninh trên biển	Toán cao cấp 2	Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Hóa học đại cương	Đánh giá tác động môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	3	3	3	3	2	3	3	3	2	2						
6	1611120312	Nguyễn Hồng	Nhung	05/08/1998		4.0	3.0	4.0	4.0	4.0				3.0	3.0		3.0		4.0	21	3.52	116	**2.54**		
7	1711050847	Phạm Anh	Quân	13/03/1999		3.5	3.0	4.0	4.0	3.5		4.0	2.0		4.0		3.0		3.5	25	3.42	118	**2.64**		
8	1711120023	Nguyễn Thị Huyền	Trang	16/08/1999		4.0		4.0	3.0	4.0		4.0		2.5	2.5		4.0		3.0	22	3.48	118	**2.33**		
9	1711121513	Phí Linh	Trang	22/11/1999	3.0	3.0		3.5	3.5	4.0	3.5		2.5		2.5		3.0		3.5	25	3.18	103	**2.42**		
10	1711050060	Tằng Minh	Tuấn	01/04/1999		3.0		4.0	3.0	3.0					3.0		3.0	2.0	3.5	19	3.05	118	**2.32**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 10 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KS **Ngành: Kỹ thuật địa chất** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực tập sản xuất	Giám đốc điều hành mỏ khoáng sản	Cấp phép trong hoạt động khoáng sản	Chủ nhiệm đề án địa chất	Địa chất khai thác mỏ	Pháp luật về khoáng sản	Luyện kim	Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản	Tiếng Anh 3	Đại số	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	3						
1	1711081616	Trần Thị	Anh	30/05/1999	3.5	2.5	4.0	2.5	1.0	4.0	4.0	3.5			4.0			21	3.31	95	2.79		
2	1711080225	Lương Trần Trọng	Dũng	25/11/1995	3.0	2.5	3.5	2.0	1.5	4.0	3.0	3.0						18	2.83	102	2.68		
3	1711080083	Thạch Hồng	Duy	08/05/1999	3.5	3.0	3.0	2.0	1.5	4.0	4.0	3.5						18	3.14	102	2.60		
4	1711080010	Hoàng Tiến	Đạt	03/02/1999	3.0	2.0	3.5	2.0	2.0	4.0	2.5	4.0						18	2.86	102	2.32		
5	1711080096	Nguyễn Mạnh	Hà	11/10/1995	3.5	3.0	2.5	2.5	1.0	3.5	4.0	3.0					4.0	21	3.12	99	2.50		
6	1711081521	Nguyễn Minh	Hiếu	28/05/1998	2.5	2.0	3.0	2.0	1.5	4.0	3.0	3.0	3.0			2.5	3.5	25	2.76	95	2.44		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực tập sản xuất	Giám đốc điều hành mỏ khoáng sản	Cấp phép trong hoạt động khoáng sản	Chủ nhiệm đề án địa chất	Địa chất khai thác mỏ	Pháp luật về khoáng sản	Luyện kim	Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản	Tiếng Anh 3	Đại số	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	2	3						
7	1711080426	Nông Văn	Hoàng	23/09/1998	3.0	2.0	3.0	2.5	0.0	3.0	3.0	3.0						18	2.50	77	1.92		
8	1711080153	Trần Tùng	Lâm	02/08/1999	3.5	2.5	4.0	2.0	2.0	4.0	4.0	3.5						18	3.25	102	3.06		
9	1711081081	Nguyễn Thái	Mạnh	25/10/1999	3.5	3.0	4.0	2.5	1.0	4.0	4.0	3.0						18	3.19	102	2.79		
10	1711080141	Nguyễn Đại	Nghĩa	09/01/1999	3.5	2.5	3.5	2.0	2.5	4.0	3.5	4.0						18	3.22	102	2.65		
11	1711080069	Nguyễn Đương Kim Nhân	Tâm	04/09/1998	3.0	3.0	3.5	2.5	1.0	4.0	3.5	3.5						18	3.03	102	2.42		
12	1711080095	Roãn Thị	Thúy	18/06/1999	3.0	2.0	3.5	2.0	0.0	4.0	3.0	3.0		2.5			3.5	24	2.71	96	2.50		

Tổng hợp: Tổng số SV:12 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:(

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE1 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2							
1	1711010144	Đặng Lan	Anh	02/05/1999	3.5	2.0	3.0	4.0	3.0	3.0	2.0					19	2.95	118	2.57			
2	1711010257	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	30/08/1999	4.0	3.0	3.0	4.0	3.5	3.0	2.5					19	3.29	118	2.62			
3	1711011253	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/12/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	3.5	3.0					19	3.24	118	2.92			
4	1711010229	Nguyễn Thị	Ánh	16/08/1999	2.5	3.0	3.0	4.0	4.0	2.5	2.0					19	3.08	115	2.36			
5	1711010212	Trần Linh	Chi	07/09/1999	2.5	2.5	2.5	4.0	2.5	3.0	2.0					19	2.76	116	2.43			
6	1711010150	Bạch Hương	Giang	31/05/1999	2.5	3.0	3.5	4.0	2.5	4.0	2.5					19	3.21	118	2.95			
7	1711010255	Cấn Thị Hải	Hà	06/11/1999	2.5	3.0	3.0	3.5	3.0	4.0	2.0					19	3.08	118	2.96			
8	1711010101	Trần Thúy	Hằng	14/08/1999	2.0	3.5	3.5	4.0	3.0	3.5	2.0					19	3.18	118	2.76			
9	1711010170	Nguyễn Thị Thu	Hòa	09/10/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	3.5	2.0					19	3.13	118	2.82			
10	1711010128	Nguyễn Thị	Huyền	23/07/1999	3.0	3.5	3.5	4.0	4.0	3.0	2.0					19	3.37	118	3.02			
11	1711010156	Nguyễn Thị Minh	Huyền	14/05/1999	3.0	3.5	2.5	4.0	3.0	3.0	2.0					19	3.05	118	2.64			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2						
12	1711010182	Phạm Thị	Huyền	18/11/1999	3.0	2.5	3.0	4.0	3.0	4.0	2.5					19	3.18	118	2.49		
13	1711010222	Nguyễn Thị	Hương	09/07/1999	3.0	2.5	3.5	4.0	3.0	2.0	2.0					19	2.89	118	2.62		
14	1711010166	Trần Thị Xuân	Hương	20/06/1999	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0	4.0	3.0					19	3.82	118	3.11		
15	1711010173	Trịnh Thị	Hương	25/03/1999	3.5	2.5	3.0	4.0	2.5	2.0	2.0					19	2.79	118	2.61		
16	1711010134	Trần Tiểu	Lan	01/03/1999	3.0	4.0	4.0	4.0	3.5	4.0	2.5					19	3.66	118	3.27		
17	1711010113	Bùi Diệu	Linh	08/09/1999	3.0	2.5	4.0	4.0	3.0	3.0	3.0	3.0				22	3.20	118	2.67		
18	1711010100	Bùi Khánh	Linh	04/04/1999	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0					19	4.00	118	3.61		
19	1711010265	Nguyễn Thị Hiền	Lương	19/06/1999	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0					19	3.95	118	3.72		
20	1711010203	Lê Thị Thảo	Ly	16/06/1999	3.0	3.5	3.0	4.0	4.0	4.0	3.0					19	3.55	118	2.87		
21	1711010122	Nguyễn Thảo	Ly	10/08/1999	2.5	2.0	3.0	4.0	2.5	2.5	2.5					19	2.74	118	2.64		
22	1711010137	Nguyễn Thị Lưu	Ly	09/12/1999	3.0	2.0	3.0	4.0	2.5	2.0	3.0		1.0	2.5		23	2.59	118	2.41		
23	1711010111	Chu Thị Ngọc	Mai	11/09/1999	2.5	2.0	3.0	4.0	2.5	3.0	2.0					19	2.76	118	2.56		
24	1711010157	Bùi Thị Hồng	Ngọc	21/09/1999	3.5	2.5	3.5	4.0	2.0	3.0	3.0					19	3.05	118	2.74		
25	1711010172	Nguyễn Thị	Ngọc	02/10/1999	2.0	2.5	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0					19	2.97	118	2.98		
26	1711010167	Tạ Bích	Ngọc	17/12/1999	3.5	3.0	3.5	3.5	4.0	4.0	2.5					19	3.47	118	2.75		
27	1711010221	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/01/1999	3.0	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.0					19	3.24	118	2.77		
28	1711010213	Nguyễn Vũ Vân	Nhi	22/02/1999	3.5	2.0	1.0	4.0	1.5	2.5	2.5					19	2.37	118	2.20		
29	1711010103	Nguyễn Thị	Phương	29/12/1999	3.0	3.0	4.0	4.0	3.0	4.0	3.0					19	3.47	118	3.08		
30	1711010237	Trịnh Thị	Phương	23/11/1999	4.0	2.5	2.5	4.0	2.5	3.0	1.5					19	2.87	118	2.62		
31	1711010104	Phạm Như	Quỳnh	04/09/1999	3.0	3.5	4.0	4.0	2.5	4.0	3.5					19	3.53	118	3.32		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	3	2	2	2						
32	1711010204	Nguyễn Thị Phương	Thanh	30/10/1999	3.0	3.0	3.0	3.5	3.0	4.0	2.0					19	3.13	118	2.91		
33	1711010228	Hoàng Thị Phương	Thảo	30/11/1999	3.0	4.0	3.0	3.0	2.5	4.0	2.0					19	3.13	109	2.55		
34	1711010278	Lê Phương	Thảo	10/03/1999	3.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	3.5					19	3.84	118	3.39		
35	1711010286	Nguyễn Thị Thương	Thương	25/02/1999	3.0	2.5	3.0	3.5	2.0	3.0	3.0					19	2.84	118	2.59		
36	1711010258	Nguyễn Hà	Trang	23/06/1999	3.0	4.0	3.5	4.0	3.5	4.0	2.5					19	3.58	118	2.90		
37	1711010102	Nguyễn Thị	Trang	03/05/1998	3.0	3.5	3.0	4.0	2.5	4.0	2.0					19	3.21	118	2.54		
38	1711011061	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/01/1999	3.0	4.0	4.0	4.0	3.5	4.0	2.5					19	3.66	118	2.85		
39	1711010623	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	30/04/1999	4.0	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0	3.0					19	3.82	118	3.28		
40	1711011371	Nguyễn Thị Thu	Trang	07/06/1999	3.0	1.5	2.0	3.5	3.0	3.0	2.0			2.0		21	2.52	116	2.17		
41	1711011427	Nguyễn Thu	Trang	18/10/1999	2.5	3.0	2.0	4.0	2.5	3.0	2.0					19	2.76	116	2.56		
42	1711010233	Phạm Hà	Trang	19/12/1999	3.5	2.0	3.0	3.0	2.5	2.5	2.0		2.5	3.0		23	2.65	114	2.45		
43	1711010601	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	30/06/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	3.5	4.0	2.5					19	3.34	118	3.01		
44	1711011502	Phan Thị Thu	Uyên	08/06/1999	2.0	3.5	3.5	4.0	3.5	3.0	3.0					19	3.29	118	3.19		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE2 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Kế toán máy	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Kế toán quốc tế	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2						
1	1711010442	Lê Thu	An	24/08/1999	3.0	3.0	4.0	4.0		3.0		3.5		3.0						19	3.39	118	2.60		
2	1711010425	Nguyễn Thị Phương	Anh	29/05/1999	4.0	2.0	3.5	4.0		4.0		4.0		3.0						19	3.50	118	3.03		
3	1711010465	Đỗ Quang	Duy	17/10/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	2.5	2.5		3.5		2.5						22	3.20	115	2.54		
4	1711010399	Nguyễn Quốc	Duy	17/02/1999	3.0	3.0	3.0	4.0		2.5		3.5		2.5						19	3.11	118	2.75		
5	1711011466	Đào Thị	Duyên	08/11/1999	3.5	3.0	2.5	4.0		4.0		4.0		3.0						19	3.45	118	3.00		
6	1711010353	Lưu Thuỳ	Dương	29/04/1999	3.5	3.0	3.0	4.0		3.0		2.5		3.0						19	3.13	118	2.58		
7	1711010392	Nguyễn Minh	Đức	20/10/1999	3.0	3.0	4.0	4.0		3.5		3.0		2.5						19	3.34	118	2.64		
8	1711010469	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/09/1999	3.5	3.5	3.5	4.0		3.5		4.0		3.0						19	3.61	118	3.20		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Kế toán máy	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Kế toán quốc tế	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2						
9	1711010345	Đặng Minh	Hằng	08/06/1999	3.5	3.5	3.0	4.0		3.0		3.5		2.0						19	3.26	118	2.70		
10	1711011411	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	12/03/1999	4.0	2.5	3.5	4.0		4.0		4.0		3.5						19	3.63	118	3.18		
11	1711010312	Lương Thị	Hiền	31/07/1998	3.5	2.5	3.0	4.0		2.5		3.0		3.0						19	3.05	118	2.52		
12	1711010334	Vũ Thị	Hoa	18/05/1999	4.0	3.0	3.0	4.0		3.0		3.5		3.0						19	3.34	118	2.86		
13	1711010326	Lê Thị	Hoài	30/10/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0		3.5		3.0						19	3.61	118	2.83		
14	1711010431	Phạm Tiến	Hoàng	12/11/1999	3.5	3.0	3.5	4.0		3.5		3.5	0.0	3.5						21	3.17	118	2.86		
15	1711011390	Phạm Thị Minh	Huế	22/09/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		3.0		4.0		2.0						19	3.42	118	2.79		
16	1711010424	Dương Thị Như	Hương	16/07/1999	2.5	3.0	3.5	4.0		3.0		2.5		2.0						19	3.00	118	2.47		
17	1711011419	Nguyễn Thu	Hương	17/06/1998	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0		3.0		3.0						19	3.53	118	2.61		
18	1711010391	Lại Kim	Hường	13/06/1999	4.0	3.0	4.0	4.0		3.5		4.0		3.0						19	3.66	118	3.03		
19	1711010294	Nguyễn Thị	Lan	03/02/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0		3.0		3.0						19	3.53	118	2.83		
20	1711010433	Nguyễn Thị Mai	Linh	28/11/1999	4.0	3.0	3.5	4.0		3.0		3.0		3.0		2.5				21	3.26	118	2.67		
21	1711010394	Trần Thị Ngọc	Linh	13/04/1999	4.0	4.0	4.0	4.0		3.5		4.0		4.0						19	3.92	118	3.36		
22	1711010189	Đào Thị Hoa	Mai	02/08/1999	3.0	3.0	3.5	4.0		4.0		3.5		3.5						19	3.53	118	2.74		
23	1711010416	Nguyễn Thị Trà	Mi	05/12/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		3.0		4.0		2.5						19	3.47	118	2.81		
24	1711010308	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/11/1999	3.0	3.0	3.0	4.0		4.0		3.0		3.0					2.0	21	3.19	114	2.50		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Kế toán máy	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Kế toán quốc tế	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2						
25	1711010429	Nguyễn Thị Lan	Phương	10/03/1999	3.5	3.0	3.5	4.0		3.5		3.5		2.5						19	3.39	118	2.63		
26	1711010337	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/10/1999	3.0	2.5	3.5	4.0		2.5		2.0		2.5						19	2.87	118	2.30		
27	1711010483	Nguyễn Thu	Phương	05/03/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0		2.5		2.0						19	3.34	118	2.72		
28	1711010436	Nguyễn Thị	Phượng	11/04/1999	3.0	3.5	4.0	4.0		4.0		2.5		4.0						19	3.58	118	3.03		
29	1711010324	Phùng Thị	Thà	16/04/1999	3.5	3.0	4.0	3.5		4.0		3.0		2.0					4.0	21	3.40	115	2.61		
30	1711010389	Đỗ Thị Thanh	Thảo	30/11/1999	3.0	3.0	3.5	4.0		3.5		4.0		3.0						19	3.47	118	2.89		
31	1711010457	Nguyễn Phương	Thảo	15/05/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		3.0		4.0		3.5						19	3.58	118	3.07		
32	1711010463	Nguyễn Thị	Thoan	18/10/1999	3.5	3.5	4.0	4.0		3.5		3.5		3.0						19	3.61	118	2.96		
33	1711010380	Phan Như	Thủy	05/07/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0	3.5	3.0		3.0				3.0		25	3.46	118	2.56		
34	1511012207	Đặng Thị	Trang	13/11/1997	3.5	3.5	3.5	4.0		3.0		3.0		4.0	3.5		3.0			24	3.42	51	3.15		
35	1711010490	Đậu Thị Huyền	Trang	25/06/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	3.5	4.0		3.0		3.5		3.5				24	3.56	118	2.61		
36	1711010423	Hoàng Sơn	Trang	15/07/1999	2.5	2.5	4.0	4.0		3.0		4.0		2.5						19	3.29	118	2.75		
37	1711010458	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	26/10/1999	3.5	3.5	3.5	4.0		4.0		3.0		3.0						19	3.53	118	2.71		
38	1711010361	Phùng Thị Thu	Trang	26/06/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0		3.5		3.0		3.0				21	3.55	118	2.85		
39	1711010474	Trần Thị Hà	Trang	16/06/1999	3.5	3.0	4.0	4.0		3.0		3.0		3.0						19	3.37	118	2.69		
40	1711010332	Nguyễn Hoài Đức	Trọng	12/06/1999	2.5	3.0	3.5	4.0		3.0		4.0		2.0						19	3.24	118	2.63		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Kế toán máy	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Kế toán quốc tế	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3	3	2						
41	1711010384	Bùi Công	Văn	01/07/1999	3.5	3.5	4.0	4.0		3.5		3.0		3.0						19	3.53	115	2.66		
42	1711010215	Nguyễn Tường	Vi	24/03/1999	2.5	2.5	3.0	4.0		3.0		3.0		2.5						19	2.97	101	2.16		

Tổng hợp: Tổng số SV: 42 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE3 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Kinh tế vi mô	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kế toán quản trị 1	Thương mại điện tử	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
1	1711010495	Nguyễn Thị Diệp	Anh	31/10/1999	2.0	1.5		4.0	2.0	4.0	3.0				2.5		2.5		3.0						24	2.77	115	2.19		
2	1711010528	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	13/09/1999	1.0	3.0		3.5	3.0	3.0	2.0						3.0								19	2.71	118	2.35		
3	1711010632	Vũ Thị	Anh	02/04/1999	2.0	2.5		3.0	3.0	4.0	1.0						3.0								19	2.66	115	2.46		
4	1711010590	Nguyễn Thị	Dung	30/10/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	4.0	3.0						3.5								19	3.53	118	3.11		
5	1711010645	Nguyễn Thị Thùy	Dung	27/09/1999	4.0	3.0		3.5	4.0	4.0	4.0						2.5								19	3.61	118	3.31		
6	1711010635	Phạm Thị Thuỳ	Dương	12/08/1999	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0	4.0						4.0								19	3.92	118	3.30		
7	1711010566	Đồng Thị Anh	Đào	11/10/1999	3.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						4.0								19	3.89	118	3.37		
8	1711010612	Kiều Thị	Giang	27/04/1999	3.5	4.0		4.0	3.0	4.0	3.0						2.5								19	3.47	118	3.16		
9	1711010532	Nông Thị Hồng	Hạnh	05/06/1999	1.5	3.0		3.0	3.0	3.5	2.0	3.0					3.0		3.5						25	2.88	115	2.23		
10	1711010706	Vũ Thị Hồng	Hạnh	07/05/1999	4.0	3.5		4.0	4.0	4.0	4.0						4.0								19	3.92	118	3.32		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Kinh tế vi mô	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kế toán quản trị 1	Thương mại điện tử	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
11	1711010565	Đào Thị Thúy	Hằng	07/05/1999	4.0	2.5		3.5	3.5	4.0	4.0						2.0								19	3.39	115	2.47		
12	1711010690	Vũ Thị Thu	Hiền	27/12/1999	2.5	2.0		3.5	3.0	4.0	2.0						3.0				1.0	3.5			23	2.76	118	2.40		
13	1711010516	Phạm Thị	Hoa	21/12/1999	3.0	2.5		4.0	3.0	4.0	2.5						2.0								19	3.05	118	2.77		
14	1711010658	Nguyễn Khánh	Huyền	01/10/1999	1.5	2.5		4.0	2.5	4.0	2.0						2.5								19	2.79	116	2.31		
15	1711010672	Nguyễn Thị	Huyền	16/08/1999	3.5	1.5		4.0	3.0	4.0	2.5						3.0								19	3.05	118	2.71		
16	1711010596	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	12/03/1999	2.5	2.0		3.5	3.0	4.0	3.0						3.0								19	3.03	118	2.45		
17	1611011710	Phạm Thị Thanh	Huyền	22/02/1998	3.0	2.0		4.0	3.0	4.0	2.5						3.5								19	3.13	118	2.89		
18	1711010547	Đặng Vân	Hương	29/12/1999	3.5	3.0		4.0	3.0	4.0	4.0						4.0								19	3.63	118	3.27		
19	1711011404	Đinh Thị	Len	14/08/1999	2.0	2.0		4.0	3.0	4.0	2.0						2.0			4.0		3.0			23	2.91	113	2.39		
20	1711010616	Nguyễn Thị Phương	Liên	06/09/1999	3.0	1.0		4.0	3.0	4.0	3.0						3.5								19	3.05	118	2.47		
21	1711011424	Hoàng Bích	Linh	14/09/1999	1.5	2.0		4.0	3.5	4.0	2.5						2.0								19	2.89	115	2.71		
22	1711010581	Nguyễn Phương	Linh	09/10/1999	2.0	2.0		3.5	2.5	4.0	3.0						3.5								19	2.95	118	2.62		
23	1711010654	Vũ Thị Diệu	Linh	17/04/1999	3.0	1.5		4.0	3.5	4.0	3.0						3.5								19	3.21	118	2.97		
24	1711010538	Lương Thị	Lưu	30/10/1999	3.0	2.5		4.0	3.5	4.0	3.0						3.5								19	3.37	118	2.65		
25	1611011064	Phạm Khánh	Ly	31/03/1998	4.0	3.0	3.0	3.0	4.0	3.5	2.5					3.5	2.0	3.0				3.5		3.0	30	3.17	80	2.63		
26	1711010675	Hoàng Thị Bích	Ngọc	14/07/1999	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0	3.5						2.5								19	3.68	118	2.93		
27	1711010582	Lê Thị	Ngọc	11/10/1999	2.5	3.0		4.0	4.0	4.0	2.0						2.5								19	3.21	118	2.73		
28	1611010500	Nguyễn Ánh	Ngọc	08/05/1998	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0	4.0					3.0	2.5								21	3.69	114	3.02		
29	1711010549	Nguyễn Thị	Ngọc	28/03/1999	2.5	3.0		3.0	3.0	3.0	2.0		3.0				2.0				3.0				24	2.75	118	2.35		
30	1711010605	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	27/06/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						3.0								19	3.89	118	2.84		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Kinh tế vi mô	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kế toán quản trị 1	Thương mại điện tử	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						
31	1711010685	Hoàng Thị Bích	Phương	14/06/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	3.5	2.0						2.0								19	3.13	118	2.45		
32	1711010572	Hồ Thu	Phương	20/08/1999	3.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						3.5								19	3.84	118	3.65		
33	1711010648	Lê Thu	Phương	20/03/1999	3.0	2.5		4.0	3.0	3.5	2.5						2.0								19	2.97	118	2.29		
34	1711010676	Lưu Thị Bích	Phương	02/03/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						3.5								19	3.95	118	3.42		
35	1711010634	Mai Thị Thu	Phương	28/09/1999	2.5	3.5		4.0	3.5	4.0	2.5			4.0			2.0								22	3.34	118	2.61		
36	1711010608	Vũ Thị Thu	Phương	02/06/1999	4.0	3.0		3.5	4.0	4.0	3.5						2.0								19	3.47	118	2.88		
37	1711010611	Nguyễn Thị Phương	Thanh	31/03/1999	2.0	3.0		1.0	3.5	4.0	2.0						2.0								19	2.55	118	2.22		
38	1711010498	Nguyễn Thanh	Thủy	27/12/1999	2.5	3.5		3.0	3.5	4.0	2.5						2.5						3.0		21	3.12	118	2.33		
39	1611010862	Trần Thị Minh	Thư	04/04/1998	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						3.5								19	3.95	118	3.59		
40	1711010638	Vũ Thanh	Thư	04/08/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	4.0	2.0	3.0					3.0								22	3.27	118	2.43		
41	1711010499	Đào Minh	Trang	15/08/1999	3.0	3.5		3.0	4.0	4.0	3.0						2.5								19	3.34	118	2.39		
42	1711010705	Hoàng Thị Thùy	Trang	27/03/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0	4.0						3.0								19	3.89	118	3.29		
43	1711010589	Nguyễn Thùy	Trang	27/08/1999	2.5	3.5		3.5	3.0	4.0	2.5						2.5								19	3.13	118	2.58		
44	1711010678	Phạm Thị	Trang	29/05/1999	4.0	4.0		3.5	3.0	4.0	3.0						3.0								19	3.50	118	2.67		
45	1711010493	Trần Thị Nhật	Trang	04/07/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0	2.5						2.0								19	3.21	118	2.81		
46	1711010681	Lê Tuyết	Trinh	30/07/1999	2.5	4.0		3.0	3.0	4.0	2.0						2.0								19	3.00	118	2.65		
47	1711010183	Nguyễn Việt	Trinh	09/07/1999	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0	3.0						2.5								19	3.61	118	3.19		
48	1711010626	Phan Thị Phương	Uyên	20/04/1999	4.0	3.5		3.5	3.5	4.0	3.5						3.5								19	3.63	118	2.90		
49	1711010281	Nguyễn Thị Bích	Vân	25/11/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0	2.5						2.5								19	3.26	118	2.84		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Kinh tế vi mô	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kế toán quản trị 1	Thương mại điện tử	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				2	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2						

Tổng hợp: Tổng số SV: 49 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE4 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Nguyên lý định giá	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2						
1	1711010751	Bùi Thị Vân	Anh	07/06/1999	2.5	3.0	4.0	4.0	4.0		3.5	3.5					19	3.55	118	3.01		
2	1711010740	Đỗ Thị Lan	Anh	15/05/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0					19	3.47	118	2.89		
3	1711010709	Lê Thị Lan	Anh	25/10/1999	2.5	2.0	3.5	4.0	4.0		4.0	4.0					19	3.45	118	3.09		
4	1711010856	Lương Thị Quế	Anh	25/07/1999	3.0	2.5	2.5	4.0	3.5		2.5	3.0					19	3.00	114	2.38		
5	1711010779	Nguyễn Hải	Anh	11/09/1999	3.0	3.0	3.5	4.0	3.0		3.5	3.5					19	3.37	118	2.58		
6	1711010896	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/03/1999	2.5	3.0	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0			2.0		21	3.29	118	2.44		
7	1711010764	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/02/1999	2.5	2.5	3.0	3.5	3.0		4.0	3.5					19	3.16	118	2.66		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Nguyên lý định giá	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2						
8	1711010755	Trần Hà	Cường	10/12/1999	2.5	2.0	3.0	4.0	3.0		2.5	3.0					19	2.87	107	2.11		
9	1711010905	Lê Thị	Diệp	15/01/1999	2.5	3.5	4.0	4.0	3.0		4.0	4.0					19	3.61	115	2.81		
10	1711010806	Phạm Thị	Dinh	26/06/1999	2.5	2.0	3.5	4.0	3.5		4.0	3.0					19	3.26	118	2.67		
11	1711010924	Phan Thế	Dũng	10/06/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0	3.0	4.0	3.0					21	3.43	116	2.78		
12	1711010763	Kiều Ánh	Dương	20/10/1999	3.0	3.5	3.5	4.0	3.5		4.0	3.0					19	3.55	118	2.82		
13	1711010916	Bùi Thị Thu	Hà	29/11/1999	2.0	2.5	3.5	4.0	3.5		3.5	3.0					19	3.21	118	2.97		
14	1711010894	Lương Thị	Hạnh	09/11/1999	3.0	3.0	4.0	3.0	4.0		4.0	3.0					19	3.47	118	2.84		
15	1711010814	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	26/10/1999	2.5	3.5	4.0	4.0	4.0		4.0	3.0					19	3.66	118	3.03		
16	1711010752	Bùi Minh	Hiền	27/02/1998	3.0	3.0	4.0	4.0	4.0		4.0	3.0					19	3.63	118	3.11		
17	1711010857	Phạm Thị	Hoà	27/06/1999	2.5	3.5	3.0	4.0	4.0		3.5	3.0					19	3.42	118	2.81		
18	1711010798	Trần Thùy	Linh	25/04/1999	2.5	2.0	3.0	3.5	2.0		2.5	2.0					19	2.53	107	2.00		
19	1711010926	Vũ Thị	Loan	02/09/1999	2.5	3.0	3.5	4.0	3.0		2.5	3.0					19	3.11	118	2.45		
20	1711010746	Lê Thị	Mai	19/09/1999	3.0	3.0	3.5	4.0	3.0		3.0	2.5					19	3.18	118	2.69		
21	1711011401	Lê Thị Quỳnh	Mai	12/01/1999	2.5	3.0	3.0	3.0	3.0		2.5	3.0					19	2.87	114	2.32		
22	1711011397	Nguyễn Trà	My	09/12/1999	3.0	3.5	2.5	3.5	4.0	3.0	3.0	3.0			3.5		23	3.24	115	2.54		
23	1711011455	Cao Thị	Ngân	20/11/1999	2.0	2.5	2.5	4.0	3.0		2.5	3.0					19	2.82	118	2.23		
24	1711010792	Đỗ Thị	Ngọc	27/10/1999	3.0	2.5	3.5	4.0	3.0		3.0	3.0					19	3.16	118	2.50		
25	1711011363	Lương Gia	Nhi	20/12/1999	2.0	2.5	3.0	4.0	3.0		3.0	3.0					19	2.97	118	2.34		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Nguyên lý định giá	Kế toán máy	Kế toán chi phí	Tiếng Anh 3	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2						
26	1711010871	Lê Như	Quỳnh	01/03/1999	3.0	2.0	3.5	4.0	4.0		3.5	3.5					19	3.37	118	2.73		
27	1711010731	Phạm Ngọc	Thành	14/12/1999	3.5	3.0	3.0	3.0	4.0		3.0	3.0					19	3.21	118	2.61		
28	1711010749	Hán Thị Thu	Thảo	25/08/1999	3.0	3.5	3.5	4.0	4.0		4.0	3.0					19	3.63	118	2.85		
29	1711010816	Lê Phương	Thảo	11/09/1999	3.0	3.5	4.0	3.0	3.5		3.5	4.0					19	3.50	118	2.64		
30	1711010803	Vũ Thị	Thương	15/10/1999	3.0	3.0	4.0	4.0	3.5		4.0	3.5					19	3.61	115	2.98		
31	1711010819	Trần Thị	Trà	27/12/1999	3.5	1.5	4.0	4.0	3.5		4.0	3.5					19	3.42	118	2.95		
32	1711010728	Đỗ Thùy	Trang	23/08/1999	3.0	2.5	3.0	4.0	3.0		3.0	2.0	3.0				21	2.98	97	2.26		
33	1711010756	Hoàng Mai	Trang	17/12/1999	3.0	3.0	4.0	4.0	3.5		4.0	4.0					19	3.66	118	3.15		
34	1711010732	Lê Thị Huyền	Trang	19/05/1999	2.5	3.0	4.0	4.0	3.5		4.0	3.0					19	3.50	118	2.88		
35	1711010793	Trần Thị Phương	Trinh	28/03/1999	3.0	3.0	4.0	3.5	3.5		3.0	3.5					19	3.37	118	2.77		
36	1711010889	Hoàng Thị	Tuyền	10/03/1998	3.0	3.5	4.0	4.0	4.0		4.0	4.0					19	3.82	118	2.67		
37	1711010790	Phạm Thị Tú	Uyên	20/12/1999	2.5	3.0	4.0	3.5	4.0		3.5	3.0					19	3.42	115	2.66		
38	1711010815	Vũ Thị Thảo	Vi	04/07/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0		3.5	3.5					19	3.45	118	2.65		
39	1711010747	Đỗ Hoàng	Yến	17/12/1999	3.0	3.5	3.0	3.5	4.0		4.0	3.0					19	3.47	118	2.75		
40	1711010112	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/12/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	4.0		3.0	3.5					19	3.58	118	2.79		
41	1711010874	Phạm Thị Hải	Yến	14/03/1999	3.0	3.5	4.0	4.0	4.0		4.0	4.0					19	3.82	118	3.21		

Tổng hợp: Tổng số SV: 41 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE5 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Thương mại điện tử	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	2						
1	1711010930	Lê Trung	Anh	21/05/1999	2.0	2.0	2.5	3.0	3.0	2.5		1.5							19	2.42	118	2.18		
2	1711010964	Nguyễn Ngọc	Anh	07/02/1999	2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	4.0		2.0							19	2.95	118	2.36		
3	1711011025	Nguyễn Thị Lan	Anh	24/01/1999	3.0	3.0	4.0	4.0	3.5	3.0		1.5							19	3.24	118	2.63		
4	1711011004	Nguyễn Thị Mai	Anh	03/07/1999	2.0	3.5	2.0	4.0	3.5	4.0		2.0							19	3.11	118	2.98		
5	1711011013	Phạm Minh	Anh	14/11/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0	3.0		2.0							19	3.21	118	2.72		
6	1711011074	Hà Ngọc	Ánh	17/06/1999	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0		3.5							19	3.95	118	3.46		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Thương mại điện tử	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	2						
7	1711010979	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	22/08/1999	3.0	2.5	3.0	4.0	4.0	3.0		2.0							19	3.13	118	2.75		
8	1711011101	Nguyễn Kim	Chi	06/10/1999	3.5	3.0	3.5	4.0	4.0	4.0		3.0							19	3.61	118	3.23		
9	1711011118	Phạm Thùy	Diệp	19/08/1999	2.0	3.0	2.0	4.0	3.5	3.0		2.0							19	2.87	118	2.59		
10	1711011041	Bùi Thị	Duyên	11/01/1999	3.0	2.0	3.5	4.0	3.5	2.5		2.0							19	2.97	118	2.60		
11	1711011037	Lê Thuỳ	Dương	07/04/1999	3.0	4.0	3.0	4.0	4.0	3.5		2.0							19	3.45	118	3.04		
12	1711011012	Đỗ Hồng	Hạnh	17/06/1999	2.0	2.0	2.5	3.0	3.5	3.0		1.5							19	2.58	118	2.35		
13	1711010977	Phạm Thị Thúy	Hiên	18/07/1999	2.0	2.0	3.0	3.0	4.0	2.5		1.0							19	2.61	118	2.28		
14	1711011127	Phạm Thu	Hoài	24/08/1999	2.0	2.0	3.0	3.0	3.5	3.5		2.0							19	2.79	118	2.68		
15	1711010974	Nguyễn Thị	Huế	10/01/1999	2.0	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0		2.5							19	3.55	118	2.63		
16	1711010207	Chu Ngọc	Huyền	05/10/1999	3.0	2.5	3.5	4.0	3.5	2.5		1.5							19	3.00	110	2.38		
17	1711011069	Tô Thu	Huyền	28/04/1999	2.0	2.0	3.0	3.5	3.5	2.5		2.0							19	2.71	115	2.35		
18	1711011014	Văn Thị Mai	Huyền	19/10/1999	3.0	2.0	3.5	3.0	3.0	4.0		2.0							19	2.97	118	2.47		
19	1711010984	Vũ Thị	Huyền	20/08/1999	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0		4.0							19	4.00	118	3.32		
20	1711010954	Nguyễn Trung Thanh	Hường	02/04/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0	3.0		3.0							19	3.32	118	2.67		
21	1711010952	Đào Thị Mai	Khanh	31/08/1999	1.5	0.0	2.5	2.0	4.0	0.0		2.0							19	1.71	112	2.31		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Thương mại điện tử	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	2						
22	1711011096	Doãn Thùy	Linh	15/11/1999	4.0	2.0	3.5	3.0	3.5	4.0		2.5							19	3.21	118	2.67		
23	1711010978	Đào Thuỳ	Linh	08/07/1999	3.0	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5		2.0							19	3.53	118	2.86		
24	1711011122	Thiều Ánh	Linh	27/10/1999	2.5	2.5	3.0	4.0	3.0	3.0		3.0							19	3.03	118	2.78		
25	1711011031	Vương Thị	Ly	23/11/1999	3.5	2.0	4.0	3.5	4.0	4.0		2.0							19	3.34	118	2.92		
26	1711010950	Đỗ Thị Thanh	Mai	09/07/1999	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0		4.0							19	4.00	118	3.47		
27	1711011133	Đỗ Thị Minh	Nguyệt	19/06/1999	2.5	2.0	3.5	3.0	4.0	4.0		2.5							19	3.13	118	2.83		
28	1711010989	Nguyễn Thị	Nhung	12/10/1999	3.0	3.0	2.0	3.5	4.0	4.0		2.0							19	3.13	118	2.47		
29	1711011428	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/06/1999	2.0	2.5	1.5	3.0	4.0	3.0		2.0		2.5					21	2.62	118	2.25		
30	1711011496	Nguyễn Thị	Phương	02/10/1999	3.0	3.0	2.5	4.0	4.0	2.0		2.5							19	3.03	118	2.62		
31	1711011088	Phan Thị Thu	Phương	18/02/1999	2.5	2.5	3.5	3.5	4.0	4.0		2.0							19	3.24	118	2.71		
32	1711011135	Trần Thị	Phượng	16/01/1999	3.5	2.0	3.0	4.0	4.0	3.0		2.5	3.5					3.0	24	3.19	115	2.37		
33	1711010933	Bùi Thị	Quỳnh	31/08/1999	2.5	3.0	2.0	4.0	3.5	3.5		1.5			3.5	0.0	2.5		26	2.75	105	2.45		
34	1711011082	Hoàng Thị	Thanh	28/06/1999	3.5	2.0	3.5	3.5	4.0	3.0		3.0							19	3.21	118	2.83		
35	1711011053	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/11/1999	2.5	2.0	2.5	3.5	4.0	3.0		2.5							19	2.89	118	2.59		
36	1711011071	Trần Thị	Thu	19/10/1999	2.0	2.0	2.5	3.0	3.0	3.0		2.0					3.0		21	2.60	118	2.32		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Thuế và kế toán thuế	Phân tích kinh doanh	Kế toán công	Kế toán máy	Thương mại điện tử	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	2						
37	1711010958	Nguyễn Thu	Thuỷ	03/01/1999	2.5	2.5	3.5	2.5	4.0	3.0		2.0							19	2.92	114	2.32		
38	1711011554	Lê Thị	Thuý	10/05/1999	3.5	2.5	2.5	4.0	4.0	2.0		2.0							19	2.95	116	2.78		
39	1711010980	Nguyễn Thanh	Thủy	05/05/1999	2.5	3.0	2.5	3.0	3.0	1.5		2.0							19	2.53	118	2.18		
40	1711011003	Trịnh Thị	Trà	13/10/1999	3.5	3.0	2.5	3.0	4.0	4.0		2.5		3.0	3.5				24	3.25	118	2.42		
41	1711010972	Đinh Thị Hà	Trang	07/01/1999	2.5	2.5	2.5	3.5	3.0	2.0		2.0							19	2.61	118	2.25		
42	1711011398	Đỗ Thị Thùy	Trang	14/10/1999	3.0	2.5	2.0	3.0	4.0	2.0		2.0				2.5			21	2.64	100	2.27		
43	1711010995	Hoàng Mai	Trang	14/10/1999	3.0	3.0	4.0	4.0	4.0	4.0		2.5							19	3.58	118	2.61		
44	1711011017	Hồ Thị	Trang	09/10/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0							19	0.00	93	2.84		Cảnh báo học tập mức 2
45	1711011113	Khuất Thị Huyền	Trang	05/11/1999	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0		4.0							19	3.95	118	3.56		
46	1711011024	Lã Thị Thùy	Trang	30/08/1999	3.5	4.0	3.5	3.5	3.5	4.0		2.0							19	3.50	118	2.91		
47	1711011144	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/1999	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0	4.0		2.0							19	3.37	118	2.83		
48	1711010991	Kim Thu	Yến	21/05/1999	2.5	2.0	2.0	4.0	4.0	2.5		2.0							19	2.76	115	2.14		

Tổng hợp: Tổng số SV: 48 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KE6 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế vĩ mô	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh 1	Kế toán máy	Tin học đại cương	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	3	2	3						
1	1711011333	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/08/1999	2.5	2.0		3.0	3.5	3.0			3.0			3.0				2.5		21	2.83	115	2.21		
2	1711011326	Đào Thị	Chinh	28/11/1999	3.0	3.5		4.0	4.0	4.0			3.0			4.0						19	3.66	118	3.26		
3	1711011163	Lê Thị Ngọc	Chinh	29/07/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	3.0			4.0			3.5		2.5				21	3.36	118	2.38		
4	1711011311	Lường Thị	Chinh	01/05/1998	2.5	3.5		4.0	4.0	3.0			4.0			3.0						19	3.50	118	2.86		
5	1711011327	Phạm Thị	Dung	02/08/1999	3.0	1.5		3.5	3.0	3.0			2.5			2.5						19	2.71	115	2.26		
6	1711011180	Nguyễn Hương	Giang	29/11/1999	2.5	3.0		3.0	3.0	3.0	3.5		3.0			2.5						22	2.98	118	2.48		
7	1711011194	Nguyễn Thị	Hằng	05/01/1999	3.5	3.0		4.0	3.5	3.0	3.5		3.0			3.0				2.0		24	3.21	118	2.57		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế vĩ mô	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh 1	Kế toán máy	Tin học đại cương	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	3	2	3						
8	1711011195	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	18/07/1999	3.0	3.5		4.0	3.5	3.0			4.0			2.5						19	3.42	118	2.94		
9	1711011265	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	04/03/1999	3.5	2.5		4.0	3.0	3.0			3.0			3.0						19	3.13	118	2.66		
10	1711011189	Lê Thị Thu	Hiền	07/05/1999	3.5	2.5		3.5	3.0	1.5	3.5		3.0			2.5						22	2.86	118	2.47		
11	1711011336	Ngô Thị Ngọc	Hương	07/05/1999	3.0	2.0		4.0	3.5	3.5			3.5			3.5						19	3.29	118	2.86		
12	1711011172	Phạm Thị	Hường	03/09/1999	2.5	3.5		4.0	3.5	3.0			4.0			3.0						19	3.42	118	2.63		
13	1711011241	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	26/12/1999	3.0	2.0		4.0	3.0	3.5			4.0			3.0						19	3.24	118	2.97		
14	1711011202	Nguyễn Ngọc	Lan	06/12/1995	2.5	3.0		2.5	3.0	3.0			3.5			1.5						19	2.79	118	3.30		
15	1711011185	Nguyễn Diệu	Linh	07/11/1999	2.5	2.0		4.0	4.0	3.5			4.0			3.5						19	3.39	118	2.83		
16	1711011246	Nguyễn Thị	Linh	06/02/1999	3.5	4.0		4.0	2.5	3.0			3.0			2.5						19	3.24	118	2.81		
17	1711011299	Tống Khánh	Linh	17/10/1999	3.0	2.5		3.0	3.0	3.0			3.0			3.0	3.5			3.5		24	3.04	118	2.52		
18	1711011204	Trần Nhật	Linh	18/07/1999	3.0	3.0		4.0	3.0	2.5		2.0	2.5			2.5					1.5	25	2.66	116	2.49		
19	1711011302	Nguyễn Thị Hương	Ly	16/09/1999	3.0	2.0		3.0	3.0	3.0			3.0			3.0						19	2.84	118	2.94		
20	1711011296	Phùng Thị Tuyết	Mai	17/01/1999	3.5	4.0		4.0	3.0	3.5			3.5			3.0						19	3.53	118	3.02		
21	1711011263	Vũ Thị	Miến	22/04/1999	3.0	2.0		3.5	2.5	2.0			3.5			3.0						19	2.76	112	2.16		
22	1711011211	Trần Thị	Minh	20/11/1999	3.5	2.5		3.0	3.5	3.0			2.5	3.0		2.5						21	2.93	118	2.39		
23	1711011188	Phạm Thị	Mỹ	20/08/1999	3.0	2.0		4.0	3.5	2.5			3.0			3.0				3.0		21	3.00	118	2.36		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế vĩ mô	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh 1	Kế toán máy	Tin học đại cương	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	3	2	3						
24	1711011206	Hà Thị	Nga	19/05/1999	3.5	3.0		4.0	4.0	4.0			4.0			3.5						19	3.74	118	2.94		
25	1711011291	Lê Hải	Ngọc	27/09/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0			3.5			3.0						19	3.47	118	3.27		
26	1711011240	Vũ Bích	Ngọc	23/06/1999	3.5	3.5		4.0	3.0	3.0			3.5			3.5		3.0				21	3.38	116	2.53		
27	1711011268	Bùi Thị Hồng	Nhung	10/06/1999	3.0	3.0		3.5	3.0	4.0			3.5			3.0						19	3.32	118	2.84		
28	1711011166	Hà Thị	Nhung	18/09/1999	3.5	3.0		3.0	3.0	2.5	3.0		3.0			2.5						22	2.93	118	2.28		
29	1711011310	Ngô Thị	Ninh	09/07/1999	3.5	3.0		4.0	3.0	3.5			3.5			3.0						19	3.37	118	2.75		
30	1711011243	Cao Thị Thu	Phương	16/12/1999	2.0	2.0		3.0	2.5	2.5			2.0			3.0	3.5			2.5		24	2.56	77	2.32		
31	1711011295	Đỗ Thị	Phương	13/07/1999	3.5	3.0		4.0	4.0	4.0			4.0			3.5						19	3.74	118	3.12		
32	1711011178	Đỗ Thị	Thảo	20/08/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0			4.0			3.0						19	3.55	118	2.81		
33	1711011337	Hà Phương	Thảo	01/03/1999	3.5	3.5		4.0	3.0	2.5			3.5			3.0						19	3.29	118	3.11		
34	1711011198	Phạm Phương	Thảo	04/11/1999	3.0	3.0		3.5	3.5	2.5	3.0		3.0			3.0						22	3.07	118	2.46		
35	1711011332	Bùi Thị Ánh	Thoa	04/04/1999	3.5	2.5		4.0	3.0	2.0			4.0			3.0						19	3.13	118	2.53		
36	1711011281	Đoàn Thị	Thơ	25/05/1999	3.0	3.0		3.5	3.0	3.0			3.0			2.5						19	3.03	118	2.50		
37	1711011218	Lê Thị Thanh	Thủy	28/07/1998	3.0	3.5		4.0	3.0	3.5			3.0			3.0						19	3.32	118	2.81		
38	1711011316	Nguyễn Thu	Thủy	11/11/1999	4.0	3.0		3.5	3.0	3.0			3.0			3.0						19	3.18	118	2.80		
39	1711011169	Nguyễn Thị	Thúy	11/12/1999	3.0	3.0		4.0	3.5	4.0			3.5			3.5						19	3.53	118	2.78		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán	Kinh tế vĩ mô	Thuế và kế toán thuế	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh 1	Kế toán máy	Tin học đại cương	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Kế toán chi phí	Toán cao cấp	Thống kê doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	3	2	3						
40	1711011279	Bùi Thương	Thương	13/11/1999	3.0	3.0		4.0	3.0	2.0			3.5			2.5		3.0				21	3.02	118	2.30		
41	1711011306	Cao Linh	Trang	19/05/1999	3.0	3.0	4.0	3.5	2.5	2.0	2.0		3.0			2.5						25	2.84	109	2.34		
42	1711011162	Nguyễn Thùy	Trang	04/10/1999	3.0	4.0		4.0	2.5	3.0			4.0			3.0						19	3.39	118	2.55		
43	1711010252	Phạm Thùy	Trang	22/11/1999	3.5	2.0		3.0	3.0	2.5			4.0		3.5	3.0			2.5			24	2.96	118	2.35		
44	1711011164	Vũ Thị Thu	Trang	19/05/1999	3.0	3.5		4.0	3.0	3.0			4.0			3.0						19	3.39	118	2.68		
45	1711011232	Nguyễn Thị Hồng	Vân	16/04/1999	3.5	2.0		4.0	3.0	1.5			3.0			2.5						19	2.76	118	2.31		
46	1711011193	Nguyễn Thị Phương	Vi	05/11/1999	3.0	3.0		3.5	3.0	1.0			2.0			3.0				2.5		21	2.60	118	2.26		
47	1711011154	Lê Thị	Yến	04/03/1999	3.5	1.0		4.0	3.0	3.0			3.0			2.0						19	2.79	118	2.50		
48	1711011242	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/08/1999	3.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0			3.5						19	3.84	118	3.29		

Tổng hợp: Tổng số SV: 48 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KN **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hệ thống thông tin kế toán	Kế toán ngân hàng	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Tin học đại cương	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Kiểm toán môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2						
1	1711010571	Đoàn Thị Mai	Anh	13/02/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	4.0	3.0					3.5	18	3.58	118	3.17		
2	1711010862	Phạm Lê Đức	Anh	26/01/1999	2.5	3.0		3.0	3.5	3.0					1.0	16	2.75	116	2.04		
3	1711011381	Phạm Thị Vân	Anh	06/10/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	2.5					3.0	16	3.28	118	2.70		
4	1711010711	Tạ Thị Châu	Anh	01/11/1999	4.0	3.0		4.0	4.0	3.0					2.0	16	3.44	118	2.91		
5	1711011372	Trần Thị Minh	Anh	17/02/1998	4.0	3.5		4.0	4.0	4.0					2.5	16	3.75	118	3.33		
6	1711010677	Nguyễn Thị	Ánh	20/07/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0					3.0	16	3.88	118	3.19		
7	1711010805	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/03/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	3.0					2.0	16	3.25	118	2.60		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hệ thống thông tin kế toán	Kế toán ngân hàng	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Tin học đại cương	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Kiểm toán môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2						
8	1711010514	Đỗ Ngọc	Bích	23/07/1999	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0					3.5	16	3.84	118	3.14		
9	1711010352	Nguyễn Hòa	Bình	26/02/1999	2.0	3.5		4.0	3.5	2.5	3.5	2.5			2.0	20	2.95	118	2.53		
10	1711011373	Phạm Thị Thanh	Bình	27/11/1999	3.0	3.5		3.5	4.0	3.0			3.0		2.0	18	3.19	116	2.40		
11	1711011409	Đinh Thùy	Chi	30/10/1999	2.0	3.5		4.0	4.0	3.0					2.5	16	3.19	118	2.87		
12	1711011365	Vũ Anh	Chi	12/10/1999	1.5	2.5		3.0	2.5	3.0					1.5	16	2.38	112	2.16		
13	1711010982	Nguyễn Duy	Chiến	17/07/1999	3.0	2.5		4.0	3.0	3.0					2.0	16	3.00	118	2.89		
14	1711010882	Hoàng Quốc	Đạt	04/11/1999	3.0	3.5		3.5	3.0	4.0					1.0	16	3.09	114	2.29		
15	1711010651	Đào Minh	Đức	15/03/1999	3.5	4.0		4.0	1.5	3.5					2.0	16	3.09	118	2.67		
16	1711010240	Lê Tất	Đức	13/03/1999	3.5	3.0		3.5	3.5	3.5					1.5	16	3.19	95	2.72		
17	1711011355	Lý Thanh	Hải	17/08/1999	3.0	3.0		3.0	3.0	2.5				2.5	1.0	18	2.64	109	2.37		
18	1711010427	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	25/04/1999	3.5	4.0		3.5	3.5	4.0					2.0	16	3.47	118	2.95		
19	1711010296	Nguyễn Phượng	Hiền	10/12/1999	3.5	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5				3.0	3.0	20	3.60	118	3.08		
20	1711010555	Phạm Khánh	Huyền	01/03/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0					4.0	16	4.00	118	3.66		
21	1711011091	Vũ Thị Thu	Huyền	27/09/1999	4.0	3.0		4.0	3.0	3.0					3.0	16	3.38	118	2.69		
22	1711011029	Hồ Thị Vân	Kiều	30/05/1999	4.0	3.0		4.0	3.0	3.0					2.5	16	3.31	118	2.75		
23	1711010655	Lê Cẩm	Ly	24/10/1999	4.0	4.0		4.0	3.5	2.5					2.5	16	3.44	109	2.49		
24	1711010126	Lê Ngọc	Ly	21/03/1999	4.0	4.0		4.0	3.0	4.0					3.5	16	3.75	118	3.42		
25	1711011010	Hoàng Lê Hải	Mi	03/02/1998	3.5	3.0		4.0	4.0	4.0					3.5	16	3.72	118	2.78		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hệ thống thông tin kế toán	Kế toán ngân hàng	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán công	Phân tích kinh doanh	Kế toán máy	Tin học đại cương	Thống kê doanh nghiệp	Nguyên lý thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	Kiểm toán môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2						
26	1711010443	Trần Thị Kim	Ngân	25/03/1999	4.0	4.0		4.0	2.5	4.0					3.5	16	3.66	118	3.01		
27	1711010314	Lương Thảo	Nguyên	27/02/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	3.0					3.5	16	3.75	118	2.95		
28	1711011386	Trần Thị Hồng	Nhung	23/11/1999	3.5	4.0		4.0	4.0	4.0					4.0	16	3.91	118	3.25		
29	1711010956	Lê Thị Thu	Như	04/03/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0					3.5	16	3.94	118	3.40		
30	1711010439	Bùi Thị	Oanh	14/03/1999	4.0	4.0		4.0	4.0	3.5					4.0	16	3.91	118	3.31		
31	1711010151	Nguyễn Thị Minh	Phượng	04/04/1999	3.5	4.0		4.0	3.5	4.0					3.0	16	3.69	118	3.06		
32	1711010519	Đặng Thanh	Tâm	31/01/1999	3.0	3.5		4.0	3.5	1.5					3.0	16	3.06	116	2.45		
33	1711011420	Nguyễn Thị	Thảo	24/06/1999	3.0	3.0		3.5	3.0	2.5					3.0	16	3.00	118	2.61		
34	1711011392	Lê Thị	Thiết	15/06/1999	4.0	3.5		4.0	4.0	3.5					2.0	16	3.59	118	3.11		
35	1711010118	Đào Thanh	Thủy	04/09/1998	4.0	3.5		4.0	3.5	4.0					2.5	16	3.66	118	2.68		
36	1711010319	Nguyễn Thị	Thương	19/02/1999	3.0	3.0		4.0	4.0	3.5					3.0	16	3.47	118	2.77		
37	1711010186	Ngô Kiều	Trang	26/09/1999	3.0	2.5		4.0	4.0	3.5					3.0	16	3.41	118	2.96		
38	1711011434	Trần Thị Ánh	Tuyết	15/10/1999	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0					3.0	16	3.78	118	3.33		

Tổng hợp: Tổng số SV: 38 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KTTN1 **Ngành: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kinh tế vĩ mô	Tiếng Anh 1	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	Kinh tế tài nguyên II	Tin học đại cương	Kỹ năng mềm	Hạch toán quản lý môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	Kiến tập 1	Toán cao cấp	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					5	3	2	3	3	2	4	2	2	3	2	2	3	4	3	3						
1	1611130764	Phạm Ngọc	Anh	25/06/1998							4.0			3.5		3.5	3.5		3.5		15	3.63	88	3.28		
2	1711131509	Vũ Anh	Bình	26/10/1996	3.0						3.0			3.0		3.0			3.5		17	3.09	118	2.39		
3	1711130438	Trần Tuấn	Dương	26/11/1999	2.5						3.0			2.5	3.0	3.5			3.5		19	2.92	118	2.43		
4	1711131354	Hà Minh	Đạt	04/05/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			3.5		17	3.09	116	2.37		
5	1611130225	Trần Tuấn	Đạt	29/10/1998	2.5						3.0			3.0		3.0			2.0		17	2.68	58	2.15		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kinh tế vĩ mô	Tiếng Anh 1	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	Kinh tế tài nguyên II	Tin học đại cương	Kỹ năng mềm	Hạch toán quản lý môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	Kiến tập 1	Toán cao cấp	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					5	3	2	3	3	2	4	2	2	3	2	2	3	4	3	3						
6	1711131239	Nguyễn Minh	Đức	04/04/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			3.5		17	3.09	118	2.57		
7	1711131176	Nguyễn Thị	Hằng	27/04/1999	3.0						3.5			3.5		3.0			3.5		17	3.29	118	2.73		
8	1711130697	Đinh Phương	Hiền	06/06/1999	3.0						3.5			3.0		4.0			3.5		17	3.32	118	2.69		
9	1711130245	Lê Thu	Hiền	23/01/1999	3.0						3.0			2.0		3.0			4.0		17	3.00	118	2.49		
10	1711131067	Phạm Thị	Hoa	01/09/1999	3.5						3.0			3.0		3.0			3.5		17	3.24	118	2.72		
11	1711131378	Phạm Đan Thu	Hoài	02/12/1999	3.0						3.0		2.0	2.5	2.0	3.0			2.0		21	2.60	115	2.48		
12	1711131138	Đỗ Thị	Huyền	07/02/1999	4.0						3.0			3.0		3.0			3.0		17	3.29	118	2.64		
13	1711131137	Lê Minh	Hương	13/05/1999	3.5		2.0	0.0	3.0		3.0	4.0		3.0	3.0	3.5			4.0		29	2.91	111	2.51		
14	1611131938	Vũ Thị	Hường	28/01/1998	3.5						4.0			4.0					3.5		15	3.73	82	3.38		
15	1711131431	Đỗ Thị Kim	Lan	09/05/1998	3.0						3.5			3.5		3.0			3.5		17	3.29	118	2.70		
16	1711130300	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	28/09/1999	4.0						4.0			3.5		3.5			4.0		17	3.85	118	3.17		
17	1711131249	Kiều Phương	Linh	25/12/1999	3.0						3.5			3.0		3.0			4.0		17	3.29	118	2.93		
18	1711130205	Trần Thị Khánh	Linh	30/12/1999	3.5						3.0			3.0		3.0			2.5		17	3.06	118	2.77		
19	1711130302	Vũ Tú	Linh	15/08/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			3.0		17	3.00	118	2.72		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kinh tế vĩ mô	Tiếng Anh 1	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	Kinh tế tài nguyên II	Tin học đại cương	Kỹ năng mềm	Hạch toán quản lý môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	Kiến tập 1	Toán cao cấp	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					5	3	2	3	3	2	4	2	2	3	2	2	3	4	3	3						
20	1711130484	Kiều Nhật	Long	19/10/1999	3.0	3.5				3.5	3.0			2.0		3.0			3.0		22	2.98	116	2.49		
21	1711130554	Nguyễn Ngọc	Minh	02/09/1999	3.0						3.0			2.5		3.0			2.5		17	2.82	116	2.22		
22	1711130376	Nguyễn Thị Lệ	My	23/05/1999	3.0						3.0			1.5		3.0			3.0		17	2.74	118	2.60		
23	1711130496	Bùi Thị	Nga	29/11/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			2.0		17	2.82	118	2.53		
24	1711130185	Lê Hồng	Nhung	19/04/1999	3.5						3.0			4.0		4.0			3.5		17	3.53	118	3.14		
25	1711131142	Nguyễn Hồng	Phúc	25/03/1999	2.0						3.0			3.0		3.5		4.0	2.5		21	2.93	107	2.21		
26	1711131399	Đỗ Hà	Phương	25/07/1999	3.0						3.0			1.5		3.0			2.0		17	2.56	118	2.16		
27	1711131583	Phạm Như	Quỳnh	02/10/1999	3.0						3.0		3.0	2.5	2.5	3.0			2.0		21	2.74	118	2.42		
28	1711131508	Nguyễn Minh	Sơn	11/05/1999	3.0						2.0			3.0		3.0			3.0		17	2.76	104	2.03		
29	1711131329	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/02/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			2.5		17	2.91	118	2.35		
30	1711131438	Nguyễn Duy	Thắng	10/04/1999	4.0						3.0			3.5		3.0			3.0		17	3.38	118	2.61		
31	1711131237	Nguyễn Văn	Thuận	08/12/1999	3.5						3.0			2.0		3.0			3.0		17	2.97	118	2.43		
32	1711130464	Lê Thị	Thủy	15/01/1999	3.0						3.0			3.0		3.0			3.5		17	3.09	118	2.58		
33	1711130217	Nguyễn Thu	Thủy	04/11/1999	3.5						3.5			4.0		3.0			3.0		17	3.44	118	3.00		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kinh tế vĩ mô	Tiếng Anh 1	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	Kinh tế tài nguyên II	Tin học đại cương	Kỹ năng mềm	Hạch toán quản lý môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	Kiến tập 1	Toán cao cấp	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					5	3	2	3	3	2	4	2	2	3	2	2	3	4	3	3						
34	1711130963	Vũ Quyết	Tiến	11/01/1999	3.0						4.0			3.0		3.0			4.0		17	3.41	118	2.92		
35	1711131276	Đào Thị	Trang	27/09/1999	4.0						2.5			3.5		3.0			3.0		17	3.26	116	2.75		
36	1711131563	Trần Quỳnh	Trang	12/01/1999	3.0						3.0			1.5		3.5			3.0		17	2.79	118	2.66		
37	1711130838	Nguyễn Đức	Trọng	24/12/1999	3.5						3.0			2.5		3.0			3.0	3.0	20	3.05	116	2.40		
38	1711131389	Hoàng Nam	Trường	27/12/1999	2.0						3.0			3.0	2.5	3.5			2.5		19	2.66	105	2.43		
39	1711130428	Trần Quang	Trường	07/01/1999	2.5						2.5			2.5		3.0			3.0		17	2.65	99	1.95		
40	1711130619	Vũ Anh	Tuấn	11/02/1999	3.0						3.0			3.0		3.5			3.0		17	3.06	118	2.71		
41	1711131353	Nguyễn Việt	Tùng	19/02/1999	4.0						4.0			3.5		3.5			3.5		17	3.76	118	3.37		

Tổng hợp: Tổng số SV: 41 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QTDL1 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý đại lý lữ hành	Kinh tế vi mô	Tin học đại cương	Văn hóa ẩm thực	Đạo đức nghề nghiệp	Du lịch bền vững	Quản trị điểm đến du lịch	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2						
1	1711140595	ĐặNg Phương	Anh	18/10/1999	3.5			4.0	4.0		3.0				3.0		4.0		16	**3.66**	118	**3.15**		
2	1711140485	Hà Thị Vân	Anh	05/11/1999	3.0			3.0	3.5		3.5				2.5		3.0		16	**3.09**	118	**2.89**		
3	1711140602	Vũ Thị Vân	Anh	01/07/1999	3.0			3.5	3.0		3.5				2.5		3.5		16	**3.19**	118	**2.61**		
4	1711141418	Lê Thanh	Bình	03/08/1999	3.0		4.0	3.5	4.0		2.0				2.0		3.5		18	**3.22**	118	**2.61**		
5	1711140140	Vũ Thị Hồ	Diệu	29/05/1999	3.0	2.0		3.5	3.5		3.0				2.0		3.0		19	**2.89**	118	**2.54**		
6	1711140923	Nguyễn Minh	Dũng	17/04/1999	3.0			3.0	4.0		2.5				1.0		2.5	2.0	18	**2.69**	113	**2.09**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý đại lý lữ hành	Kinh tế vi mô	Tin học đại cương	Văn hóa ẩm thực	Đạo đức nghề nghiệp	Du lịch bền vững	Quản trị điểm đến du lịch	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2						
7	1711140220	Tạ Linh	Đan	20/05/1999	2.0			4.0	3.5		2.0				2.0		3.5		16	**2.94**	118	**2.77**		
8	1711140588	Đào Hương	Giang	23/03/1999	3.0			3.0	4.0		3.0		3.5		3.0		3.0		18	**3.22**	112	**2.30**		
9	1711140369	Trần Thị	Hạnh	09/02/1999	3.5			3.5	3.5		2.0				2.0		3.0		16	**3.03**	118	**3.02**		
10	1711140238	Vũ Thị	Hảo	02/09/1999	4.0			3.0	4.0		3.0	3.0			2.0		3.0		19	**3.21**	118	**2.37**		
11	1711140277	Kiều Thanh	Hằng	15/08/1999	3.5			3.5	3.5		3.0				3.0		2.5		16	**3.19**	118	**2.61**		
12	1711141341	Đinh Quang	Hiếu	21/10/1999	2.0			3.0	3.5		2.5				2.0		3.0		16	**2.72**	108	**2.36**		
13	1711140123	Mai Xuân	Hiếu	21/01/1999	3.0			3.5	4.0		4.0				3.0		3.5		16	**3.50**	118	**3.04**		
14	1711140208	Ngô Minh	Hiếu	19/11/1999	2.0			2.5	2.5		3.0				1.0		0.0		16	**1.81**	78	**2.07**	Cảnh báo học tập mức 1	
15	1711140922	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	02/02/1999	3.0			3.0	3.5		3.0		3.5		2.5		0.0		18	**2.58**	105	**2.43**		
16	1711140254	Trần Thị	Huệ	05/02/1999	3.5	1.0		3.0	4.0		3.5				1.5		3.0		19	**2.82**	118	**2.63**		
17	1711141464	Chu Thị Thu	Huyền	12/06/1999	3.5			3.5	3.5		3.0			3.0	2.5		2.5		19	**3.11**	94	**2.44**		
18	1711140587	Nguyễn Ngọc	Huyền	17/10/1999	3.5			3.0	3.5		3.0				2.0		3.0		16	**3.06**	118	**2.75**		
19	1711140450	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/02/1999	3.5			3.5	4.0		3.5				3.0		3.0		16	**3.44**	118	**2.60**		
20	1711140643	Nguyễn Phú	Hưng	13/11/1999	2.5			3.5	3.5		3.0				1.5	3.0	3.0		19	**2.92**	116	**2.29**		
21	1711141051	Trần Thị Thu	Hương	15/07/1999	3.0			3.0	3.5		2.0		3.5		2.5		2.5		18	**2.89**	107	**2.37**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý đại lý lữ hành	Kinh tế vi mô	Tin học đại cương	Văn hóa ẩm thực	Đạo đức nghề nghiệp	Du lịch bền vững	Quản trị điểm đến du lịch	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2						
22	1711141294	Cao Sỹ	Lân	03/12/1998	2.5			3.5	3.5		3.0				1.5		3.5	2.5	18	**2.94**	118	**2.47**		
23	1711140273	Vũ Thị	Len	22/01/1999	4.0			4.0	3.5		2.0				3.0		3.0		16	**3.34**	118	**2.59**		
24	1711140178	Hà Thị	Loan	07/04/1999	3.0			3.5	3.0		2.0				3.0		3.5		16	**3.06**	118	**3.02**		
25	1711141244	Lê Nhật	Long	18/07/1999	0.0			0.0	0.0		0.0				0.0		0.0		16	**0**	90	**2.14**		Cảnh báo học tập mức 2
26	1711140570	Dương Thị	Lý	17/10/1999	3.0			4.0	3.0		3.5				3.0		3.5		16	**3.34**	118	**3.22**		
27	1711140851	Nguyễn Ngọc	Mai	17/08/1999	3.0			3.5	4.0		3.0				2.0		2.5		16	**3.06**	118	**2.53**		
28	1711140155	Trịnh Hà	My	28/02/1999	3.5			3.0	4.0	3.0	3.0				3.0		3.0		19	**3.24**	118	**2.45**		
29	1711141139	Trần Thị Thu	Ngân	18/06/1999	3.0			3.0	3.5		3.0				1.5		3.5		16	**3.00**	118	**2.89**		
30	1711140292	Dương Thị Tuyết	Nhung	03/12/1999	4.0			3.5	4.0		3.0				2.0		3.0		16	**3.34**	118	**2.67**		
31	1711140363	Lê Yến	Nhung	29/07/1999	4.0			4.0	3.5		3.5				1.5		4.0		16	**3.53**	118	**2.83**		
32	1711140434	Nguyễn Tấn	Phong	02/11/1999	2.0			3.0	3.5		2.5				2.0		0.0		16	**2.16**	110	**2.18**		
33	1711140274	Phạm Thị	Phương	19/05/1999	3.5			3.5	4.0		3.5				2.0		3.0		16	**3.31**	118	**2.67**		
34	1711140592	PhạM Thu	Phương	06/10/1999	3.5			4.0	4.0		3.0				3.0		4.0		16	**3.66**	118	**3.15**		
35	1711140419	Quách Thu	Phương	28/07/1999	2.0			3.5	4.0		3.5				1.5		3.0		16	**2.97**	118	**2.34**		
36	1711140536	Nguyễn Thị Minh	Thu	20/01/1999	3.5			4.0	3.0		2.0				2.0		4.0		16	**3.22**	118	**2.92**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý đại lý lữ hành	Kinh tế vi mô	Tin học đại cương	Văn hóa ẩm thực	Đạo đức nghề nghiệp	Du lịch bền vững	Quản trị điểm đến du lịch	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2						
37	1711141319	Nguyễn Thị	Thư	24/12/1999	3.0			3.0	4.0		3.5				3.0		3.0		16	**3.25**	112	**2.56**		
38	1711140548	Nguyễn Thị Hoài	Thương	28/10/1999	3.0			4.0	4.0		3.0	3.0			1.5		3.0		19	**3.16**	115	**2.41**		
39	1711140192	Bùi Minh	Trang	19/09/1999	3.0			3.5	4.0		3.5				3.5		3.5		16	**3.50**	118	**3.05**		
40	1711140622	Đỗ Mai Hà	Trang	08/07/1999	3.0			3.0	3.5		3.0				1.0		3.0		16	**2.84**	116	**2.64**		
41	1711140447	Nguyễn Huyền	Trinh	27/02/1999	4.0			4.0	4.0		3.0				3.0		3.5		16	**3.66**	118	**2.98**		
42	1711141351	Đỗ Mạnh	Tùng	10/10/1999	3.5			3.5	3.5		3.5				3.0		3.0		16	**3.34**	118	**2.42**		
43	1711140367	Nguyễn Anh	Tùng	04/02/1999	2.0			2.5	2.5		2.0				1.0	3.0	2.5		19	**2.29**	113	**2.21**		
44	1711140184	Phạm Lê Chiến	Tuyến	05/12/1999	3.5			4.0	4.0		3.5				3.0		3.5		16	**3.63**	118	**2.51**		
45	1711140226	Trần Thị	Yến	28/02/1999	3.0			3.5	4.0		1.0				2.5		3.0		16	**2.97**	118	**2.58**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 45 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QTDL2 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Tâm lý khách hàng du lịch	Văn hóa ẩm thực	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	4	2	3	2	2						
1	1711140966	Đinh Xuân Đức Anh	26/08/1999	2.5		3.0	2.0	2.5					2.0		2.0						16	**2.34**	100	**1.99**		
2	1711140618	Đỗ Thị Ngọc Anh	22/12/1999	4.0		3.5	4.0	3.0					3.0		3.0						16	**3.47**	118	**3.19**		
3	1711140944	Nguyễn Phương Anh	31/07/1999	3.0		3.0	2.0	3.0					2.5		4.0						16	**2.94**	118	**2.40**		
4	1711140886	Phạm Thị Minh Anh	10/08/1999	4.0		4.0	4.0	3.5					2.0		4.0						16	**3.69**	118	**2.96**		
5	1711140624	Nguyễn Thị Bích	21/03/1999	3.5		3.5	3.0	3.5					3.0		3.5						16	**3.34**	116	**2.77**		
6	1711140667	Đặng Uyên Chi	17/08/1999	4.0		4.0	4.0	3.5					3.0		3.5						16	**3.72**	115	**2.73**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Tâm lý khách hàng du lịch	Văn hóa ẩm thực	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	4	2	3	2	2						
7	1711140739	Trần Lương	Dũng	29/10/1999	2.5		3.0	3.5	3.0					2.5		2.0	4.0					20	**3.00**	118	**2.29**		
8	1711140707	Chu Bá	Dương	31/03/1999	3.0		3.0	3.5	3.0					2.0		3.0				2.0		18	**2.86**	118	**2.15**		
9	1711140687	Lê Thùy	Dương	08/07/1999	3.0		3.5	3.0	3.5					2.5		3.0						16	**3.09**	118	**2.61**		
10	1711140903	Trương Minh	Đức	21/04/1999	3.5		4.0	4.0	4.0					2.5		3.0				3.5		18	**3.53**	115	**2.40**		
11	1711140913	Hoàng Thị Trúc	Giang	22/07/1999	3.5		3.0	4.0	3.5					3.0		4.0						16	**3.53**	115	**3.10**		
12	1711140726	Đoàn Hải	Hà	22/07/1999	3.0		3.0	3.5	4.0					2.5		3.0					3.0	18	**3.14**	115	**2.50**		
13	1711140898	Bùi Minh	Hiền	18/07/1999	3.5		3.0	4.0	3.5					3.0		3.0						16	**3.34**	118	**2.57**		
14	1711140935	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	23/08/1999	3.5		4.0	4.0	3.0					2.0		3.0						16	**3.34**	118	**3.06**		
15	1711140869	Vũ Thị Bích	Huệ	02/11/1999	4.0		3.5	4.0	4.0					2.5		4.0						16	**3.72**	118	**2.91**		
16	1711140823	Vũ Lê	Huy	06/01/1999	3.5		3.0	4.0	3.5					2.0		2.5						16	**3.13**	118	**2.51**		
17	1711140362	Lưu Thị Thu	Huyền	07/09/1999	3.0		3.0	4.0	4.0					2.0		3.0						16	**3.19**	118	**2.19**		
18	1711140169	Mai Tân	Huyền	23/09/1999	3.0		3.0	4.0	3.0					2.0		2.5						16	**2.97**	118	**2.66**		
19	1711140868	Nguyễn Đình	Huỳnh	10/08/1999	3.0		3.0	3.5	3.5					2.0		4.0						16	**3.22**	118	**2.54**		
20	1711140782	Đỗ Thị	Hương	28/07/1999	3.0		3.0	4.0	3.5					2.0		3.0						16	**3.13**	118	**2.56**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Tâm lý khách hàng du lịch	Văn hóa ẩm thực	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	4	2	3	2	2						
21	1611141877	Đào Trọng	Khôi	23/11/1998	4.0	2.5	3.5	3.0	4.0	4.0				2.5	2.0	2.5		3.5	4.0			30	**3.22**	94	**2.47**		
22	1711140627	Lê Thị Nhật	Lệ	25/05/1999	3.5		3.5	3.0	3.0					3.0		3.5			3.5		1.0	21	**3.10**	116	**2.49**		
23	1711140780	Vũ Thị	Liễu	11/03/1999	3.5		3.0	3.0	3.5					3.0		3.0						16	**3.16**	118	**3.26**		
24	1711140610	Hoàng Thị Huyền	Linh	24/02/1999	3.0		2.5	4.0	3.5					3.0		4.0						16	**3.34**	115	**2.38**		
25	1711140802	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	19/05/1999	3.0		3.0	3.0	3.0					3.0		3.5						16	**3.09**	113	**2.45**		
26	1711140849	Phan Thị Yến	Ly	21/08/1999	3.0		3.0	3.5	3.5					3.5		4.0						16	**3.41**	115	**2.66**		
27	1711140794	Nguyễn Đăng	Minh	06/02/1999	3.5		4.0	3.0	3.5					2.5		3.0						16	**3.28**	115	**2.77**		
28	1711140633	Nguyễn Văn	Nam	20/10/1999	3.0		3.0	3.5	3.0				3.5	2.0		3.0						18	**3.03**	116	**2.22**		
29	1711140666	Nguyễn Thanh	Ngân	17/11/1999	3.0		3.0	3.0	3.0					2.5		2.5					2.5	18	**2.81**	115	**2.38**		
30	1711140774	Phạm Thị	Ngọc	13/11/1999	3.0		3.0	3.5	3.5					2.0		4.0						16	**3.22**	118	**2.61**		
31	1711140907	Phạm Thị Hồng	Ngọc	22/12/1999	3.0		3.5	3.5	3.5					3.0		3.0						16	**3.25**	115	**2.86**		
32	1711140858	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	03/10/1999	2.0		4.0	4.0	3.5					2.0		3.0						16	**3.13**	115	**2.80**		
33	1711140839	Bùi Lan	Phương	19/01/1999	2.5		3.5	4.0	3.5					3.0		2.5						16	**3.16**	118	**2.72**		
34	1711140583	Ngô Diễm	Quỳnh	06/11/1999	2.0		3.0	3.0	3.0					1.5		3.0					3.5	18	**2.72**	99	**1.93**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Lý thuyết kế toán	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Tâm lý khách hàng du lịch	Văn hóa ẩm thực	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	4	2	3	2	2						
35	1711140694	Dương Thanh	Thùy	16/08/1999	4.0		3.5	4.0	3.5					3.0		3.0					4.0	18	**3.58**	118	**3.20**		
36	1711140904	Nguyễn Thị	Thư	28/04/1999	3.5		3.0	3.5	3.5		4.0			2.0		3.0						19	**3.26**	115	**2.64**		
37	1711140744	Bùi Thị Kiều	Trang	25/11/1999	3.5		3.0	4.0	3.0					3.0		3.0			4.0		3.5	21	**3.40**	115	**2.58**		
38	1711140800	Nguyễn Thị Kiều	Trang	01/04/1999	3.0		3.5	4.0	3.0					2.5		3.0						16	**3.22**	115	**2.81**		
39	1711140440	Trần Huyền	Trinh	08/06/1999	3.0		3.5	4.0	3.0					3.0		3.0						16	**3.28**	115	**2.77**		
40	1711140664	Đặng Thanh	Tùng	10/04/1999	3.5		3.0	3.5	4.0					2.0		3.0						16	**3.19**	118	**2.55**		
41	1711140641	Nguyễn Thị Tú	Uyên	19/05/1999	2.5		3.0	3.5	3.5					2.0		3.0						16	**2.94**	118	**2.41**		
42	1711140698	Trần Thị Thu	Uyên	28/07/1999	3.0		3.5	4.0	3.5					3.0		3.0					3.0	18	**3.31**	118	**3.14**		
43	1711140837	Trần Thị	Yến	15/09/1999	3.5		3.0	4.0	3.5					2.0		3.0						16	**3.22**	118	**3.13**		
44	1711140223	Vũ Hải	Yến	04/10/1999	3.0		3.0	4.0	3.0					3.0		3.0						16	**3.19**	118	**2.67**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QTDL3 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Kinh tế vĩ mô	Quản trị sự kiện	Quản lý nhà nước về du lịch	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tin học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	4	2							
1	1711141223	Nguyễn Hồng	Anh	16/02/1999	2.5		3.0		3.5	3.0			3.5	3.0	2.5			18	**2.97**	110	**2.31**		
2	1711141078	Vũ Ngọc	Anh	20/05/1999	3.0		3.0		3.5	3.0				2.0	2.0			16	**2.78**	118	**2.42**		
3	1711140997	Bùi Đình	Dũng	31/12/1999	4.0		3.0		4.0	3.0				3.0	3.0			16	**3.38**	118	**2.25**		
4	1711141270	Tô Thị Thùy	Dương	25/01/1999	4.0		3.0		3.5	3.5				2.5	3.0			16	**3.28**	118	**2.39**		
5	1711140971	Nguyễn Hà	Đoàn	25/07/1999	3.0		3.0	2.5	3.5	3.5		3.0		3.0	3.0			20	**3.08**	118	**2.21**		
6	1711141097	Đinh Thị	Hà	19/01/1999	4.0		4.0		4.0	3.5				3.5	2.5			16	**3.59**	118	**2.89**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Kinh tế vĩ mô	Quản trị sự kiện	Quản lý nhà nước về du lịch	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tin học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	4	2						
7	1711141261	Hoàng Thị	Hà	25/10/1999	3.5		4.0		4.0	3.0				3.5	3.0			16	**3.53**	118	**3.01**		
8	1711141129	Nguyễn Mạnh	Hà	14/09/1999	4.0		4.0		3.5	4.0				3.0	3.0			16	**3.59**	118	**2.74**		
9	1711141049	Nguyễn Thúy	Hà	04/09/1999	4.0		3.5		4.0	3.0				3.0	3.5			16	**3.56**	118	**2.93**		
10	1711141000	Trịnh Thị Ngọc	Hà	23/02/1999	4.0		3.0		3.5	4.0				3.0	2.5			16	**3.31**	118	**2.38**		
11	1711141027	Phạm Thị	Hằng	23/05/1999	4.0		4.0		4.0	3.0				3.0	4.0			16	**3.75**	118	**2.72**		
12	1711141256	Vũ Thị Hải	Hậu	21/10/1999	3.5	3.0	3.5		4.0	3.5				2.5	3.0			19	**3.32**	115	**2.60**		
13	1711141116	Nguyễn Thanh	Hiên	13/04/1999	4.0		3.5		3.5	3.0				3.5	3.0			16	**3.44**	118	**2.94**		
14	1711141171	Bùi Thị	Hiền	04/08/1999	4.0		3.0		3.5	3.0				3.0	3.0			16	**3.28**	115	**2.89**		
15	1711141120	Ngô Thị	Hiền	29/05/1999	4.0		3.5		4.0	4.0				3.0	3.5			16	**3.69**	118	**2.81**		
16	1711141210	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	08/04/1999	4.0		4.0		3.5	3.5				3.5	3.0			16	**3.59**	118	**2.95**		
17	1711141264	Vũ Văn	Hiếu	28/03/1998	3.5		3.0		3.5	3.5				2.5	3.5			16	**3.28**	82	**2.66**		
18	1711141108	Ngô Thị	Hoa	09/12/1999	4.0		4.0		4.0	4.0				4.0	3.0			16	**3.81**	118	**2.85**		
19	1711141055	Trần Trung	Hoàng	17/07/1999	4.0		3.5		3.5	4.0				3.0	3.0			16	**3.50**	118	**2.76**		
20	1711140993	Ngô Thị	Huế	10/02/1999	3.0		3.5		4.0	2.0				2.5	3.0			16	**3.09**	115	**2.59**		
21	1711140998	Nguyễn Tiến	Hùng	21/11/1999	4.0		3.5		4.0	4.0				3.0	3.0			16	**3.59**	118	**2.86**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Kinh tế vĩ mô	Quản trị sự kiện	Quản lý nhà nước về du lịch	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tin học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	4	2						
22	1711141219	Nguyễn Quang	Huy	22/01/1999	4.0		3.0		3.5	2.0				3.0	3.0			16	**3.16**	118	**2.44**		
23	1711141110	Phùng Thị	Hường	05/07/1999	4.0		4.0		4.0	2.5				3.5	4.0			16	**3.75**	118	**3.24**		
24	1711140976	Đặng Khánh	Linh	06/09/1999	4.0		4.0		4.0	3.5				3.0	3.5			16	**3.72**	118	**2.94**		
25	1711141201	Phạm Thị Thùy	Linh	15/08/1999	4.0		3.5		4.0	3.5				3.5	4.0			16	**3.78**	118	**2.88**		
26	1711141009	Nguyễn Mỹ	Lộc	27/05/1999	4.0		4.0		4.0	3.5				3.5	3.5			16	**3.78**	118	**3.14**		
27	1711141192	Đào Hải	Ly	19/09/1999	3.5		3.0		4.0	3.0				3.0	3.5			16	**3.38**	118	**2.44**		
28	1711141168	Đỗ Văn	Nam	30/03/1999	3.0		3.0		3.5	3.5				3.0	3.0			16	**3.16**	118	**2.54**		
29	1711141124	Nguyễn Phương	Nam	14/08/1999	3.5		3.0		4.0	4.0				3.0	3.0			16	**3.41**	115	**2.62**		
30	1711141038	Nguyễn Thành	Nam	15/09/1999	3.0	4.0	3.0		3.5	3.0				2.5	2.0			19	**3.03**	110	**2.28**		
31	1711141023	Lê Thùy	Ngân	15/12/1999	4.0		3.0		4.0	3.5				3.0	4.0			16	**3.63**	115	**2.67**		
32	1711141087	Đồng Thị Bích	Ngọc	26/08/1999	3.0		4.0		4.0	4.0				3.5	3.0			16	**3.56**	118	**2.97**		
33	1711141203	Nguyễn Thị	Nhung	04/05/1999	4.0		3.0		4.0	2.5				3.0	3.0			16	**3.31**	118	**2.41**		
34	1711140449	Phạm Minh	Phương	10/10/1999	3.5		3.5		3.5	2.0				3.0	3.0			16	**3.16**	118	**2.64**		
35	1711141060	Lê Phương	Thảo	27/12/1999	4.0		2.5		4.0	3.0				3.5	4.0			16	**3.53**	118	**2.92**		
36	1711141030	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/06/1999	4.0	4.0	2.0		4.0	3.0			4.0	3.0	3.0			21	**3.38**	116	**2.51**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Kinh tế vĩ mô	Quản trị sự kiện	Quản lý nhà nước về du lịch	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Quản lý đại lý lữ hành	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tin học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đạo đức nghề nghiệp	Quản trị điểm đến du lịch	Toán cao cấp	Kinh tế tài nguyên biển	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	3	4	2							
37	1711141160	Nguyễn Phương	Thùy	21/11/1999	4.0		3.0		4.0	3.0				2.5	3.5			16	**3.41**	115	**2.73**		
38	1711140248	Nguyễn Thị Thu	Thùy	20/10/1999	4.0		3.0		4.0	2.5				3.0	3.0			16	**3.31**	118	**2.67**		
39	1711141064	Đào Thị	Thư	09/06/1999	4.0		3.5		4.0	3.0				2.0	3.0			16	**3.34**	115	**2.91**		
40	1711141148	Mai Thị	Thương	12/03/1999	3.5		3.5		3.5	3.0				3.0	3.0			16	**3.28**	118	**3.08**		
41	1711141115	Ngô Văn	Toàn	03/12/1999	3.5		2.0		3.5	3.0				3.0	3.0			16	**3.00**	114	**2.43**		
42	1711140249	Đào Nguyễn Thu	Trang	16/06/1999	4.0		2.5		3.5	2.0				2.0	2.5		2.5	18	**2.81**	115	**2.31**		
43	1711141175	Nguyễn Thị Ngân	Trang	26/01/1999	4.0		3.5		4.0	2.0				3.0	3.5			16	**3.44**	118	**2.55**		
44	1711140821	Trịnh Thùy	Trang	19/09/1999	4.0		4.0		4.0	3.0				3.0	3.5			16	**3.66**	118	**2.90**		
45	1711141073	Trần Thanh	Tùng	21/05/1999	4.0		3.0		3.5	3.0				3.0	3.0			16	**3.28**	118	**3.09**		
46	1711140132	Trần Tú	Văn	29/01/1999	3.0		2.0		3.0	2.0	1.5			2.5	2.5	3.0		23	**2.48**	112	**2.17**		
47	1711141018	Đinh Thị Thanh	Xuân	24/11/1999	4.0		3.0		4.0	1.0				2.5	3.5			16	**3.16**	116	**2.56**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 47 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QTDL4 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Kinh tế vi mô	Quản lý đại lý lữ hành	Tổng quan du lịch	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị học	Quản trị điểm đến du lịch	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	2	3	3	3						
1	1711141285	Nguyễn Quỳnh	Châu	23/09/1999	3.5	4.0	4.0		4.0		2.5			3.5	16	**3.63**	118	**3.02**		
2	1711141465	Nguyễn Quỳnh	Chi	07/06/1999	2.5	3.5	3.5		2.5		2.5			2.5	16	**2.88**	118	**2.22**		
3	1711141301	Trịnh Thị Hồng	Cúc	21/08/1999	3.0	4.0	4.0		3.5		3.0			3.0	16	**3.44**	118	**2.74**		
4	1711141478	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	28/03/1999	3.5	4.0	3.5		4.0		2.0			3.0	16	**3.38**	118	**2.63**		
5	1711141396	Nguyễn Thùy	Dương	15/09/1999	3.0	3.0	3.5		3.5		2.0			2.5	16	**2.94**	115	**2.30**		
6	1711141473	Lê Xuân	Đồng	04/11/1999	3.0	2.5	4.0		3.0		1.5			3.0	16	**2.91**	118	**2.32**		
7	1711141330	Nguyễn Minh	Đức	01/06/1999	3.0	2.5	4.0		3.5		1.5			2.5	16	**2.88**	115	**2.27**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Kinh tế vi mô	Quản lý đại lý lữ hành	Tổng quan du lịch	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị học	Quản trị điểm đến du lịch	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	2	3	3	3						
8	1711141346	Nguyễn Thị	Hà	20/12/1999	4.0	4.0	4.0		4.0		2.0			3.5	16	**3.66**	118	**2.94**		
9	1711141551	Trần Thị Thanh	Hoa	18/08/1999	3.0	4.0	4.0		3.0		2.5			3.5	16	**3.41**	115	**2.52**		
10	1711141405	Nguyễn Thị Thu	Hoài	09/07/1999	3.0	4.0	4.0		3.0		1.0			3.0	16	**3.13**	118	**2.63**		
11	1711141564	Lê Thị	Huế	08/06/1999	4.0	4.0	4.0		3.0		2.5			3.0	16	**3.50**	115	**2.78**		
12	1711140175	Nguyễn Ngọc	Huyền	05/04/1999	4.0	3.5	4.0		3.0		2.0			3.5	16	**3.44**	115	**2.67**		
13	1711141356	Nguyễn Thanh	Huyền	01/04/1999	3.0	4.0	3.5		3.0		2.5			2.0	16	**3.03**	115	**2.55**		
14	1711141277	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/05/1999	3.0	4.0	4.0		3.5		2.0			4.0	16	**3.50**	118	**3.07**		
15	1711141416	Công Khánh	Ly	04/03/1999	3.0	2.5	4.0		4.0		2.0			2.5	16	**3.00**	118	**2.45**		
16	1711140202	Phạm Phương	Nga	27/09/1999	3.5	4.0	3.5		3.0		2.0	2.0		3.0	19	**3.05**	118	**2.63**		
17	1711141283	Trương Thanh	Ngân	09/10/1999	4.0	4.0	4.0		4.0		2.5			3.0	16	**3.63**	118	**2.97**		
18	1711141414	Lê Thị	Ngọc	02/04/1999	3.5	4.0	3.0		3.5		2.0			3.0	16	**3.22**	118	**2.98**		
19	1711141335	Đỗ Thị Hà	Phương	21/09/1999	4.0	4.0	4.0		4.0		2.0			3.0	16	**3.56**	118	**3.27**		
20	1711140533	Nguyễn Thị	Phương	28/07/1999	2.5	3.5	3.5		3.0		1.5			3.0	16	**2.91**	118	**2.18**		
21	1711141275	Phạm Thu	Phương	24/03/1999	3.5	3.5	3.0		4.0		1.5			2.5	16	**3.03**	118	**2.45**		
22	1711141297	Lê Thị	Phượng	17/08/1999	4.0	4.0	4.0		4.0		3.0			3.5	16	**3.78**	115	**3.15**		
23	1711141362	Nguyễn Thị Kim	Thoa	11/08/1999	3.0	3.0	2.5		3.0		1.5			2.5	16	**2.63**	115	**2.08**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thiết kế chương trình du lịch	Quản trị sự kiện	Quản lý điều hành chương trình du lịch	Kinh tế vi mô	Quản lý đại lý lữ hành	Tổng quan du lịch	Đạo đức nghề nghiệp	Marketing du lịch	Quản trị học	Quản trị điểm đến du lịch	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	3	2	3	3	3						
24	1711141387	Đỗ Ngọc Anh	Thư	19/10/1999	3.0	3.5	3.0		4.0		2.0			3.0	16	**3.09**	118	**2.44**		
25	1711141589	Nguyễn Văn	Toàn	12/08/1999	4.0	3.0	3.0		3.0		2.0			2.0	16	**2.88**	115	**2.50**		
26	1711141495	Nguyễn Thùy	Trang	24/01/1999	3.0	3.0	4.0		3.0		2.0			3.0	16	**3.06**	115	**2.47**		
27	1711141556	Trần Thị Ngọc	Trâm	29/01/1999	3.0	3.5	3.0		3.5		2.0			3.0	16	**3.03**	116	**2.64**		
28	1711111227	Nguyễn Văn	Tùng	25/05/1999	3.5	3.5	4.0	3.5	3.5	2.5	2.0		4.0	3.0	25	**3.32**	118	**2.61**		
29	1711141561	Nguyễn Văn	Tùng	09/09/1998	3.0	3.0	3.0		4.0		2.0			2.0	16	**2.81**	110	**2.41**		
30	1711141394	Lê Thị	Vân	25/07/1999	4.0	3.5	3.0		3.5		2.0			3.0	16	**3.22**	118	**2.88**		
31	1711141300	Nguyễn Quốc	Việt	11/09/1999	2.5	3.0	3.0		4.0		2.0			2.0	16	**2.72**	111	**2.19**		
32	1711141318	Nguyễn Xuân	Vinh	29/01/1999	3.0	4.0	2.5		4.0		2.0			3.0	16	**3.09**	115	**2.46**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 32 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7KHĐ **Ngành: Khoa học đất** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Toán cao cấp 2	Phân tích thổ nhưỡng - nông hóa	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất	Thực hành xây dựng bản đồ đất	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Vật lý đại cương	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Công nghệ vi sinh trong nông nghiệp	Tiếng Anh 3	Hóa học đại cương	Nông nghiệp sạch và bền vững	Đánh giá tác động môi trường	Hệ thống thông tin địa lý	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2						
1	1711150043	Nguyễn Quang	Anh	26/12/1999	2.0		4.0	3.5	3.5			3.0	3.5	3.0			2.0	2.0		21	2.93	97	2.45		
2	1711151518	Nguyễn Quang	Anh	08/12/1999	3.0		4.0	3.0	3.5			3.5	3.0	3.0			3.0	3.0		21	3.21	97	2.71		
3	1711150081	Nguyễn Trung Tuấn	Anh	01/06/1999	2.5		4.0	4.0	3.5			3.0	3.5	3.5			2.5	2.0		21	3.14	97	2.58		
4	1711151459	Chử Đức	Dũng	06/11/1999	1.5		4.0	3.0	4.0			3.0	3.5	4.0	3.0		2.5	3.5		23	3.13	95	2.62		
5	1711151612	Dương Đăng	Đức	16/12/1992	2.0	2.0	4.0	3.0	4.0			3.0	3.0	3.0			2.0	2.0	3.5	25	2.84	89	2.54		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Toán cao cấp 2	Phân tích thổ nhưỡng - nông hóa	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất	Thực hành xây dựng bản đồ đất	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Vật lý đại cương	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Công nghệ vi sinh trong nông nghiệp	Tiếng Anh 3	Hóa học đại cương	Nông nghiệp sạch và bền vững	Đánh giá tác động môi trường	Hệ thống thông tin địa lý	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2						
6	1711150046	Nguyễn Khánh	Hà	09/12/1999	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	4.0			3.5	3.5		21	3.90	97	3.24		
7	1711150021	Nguyễn Phương	Linh	03/10/1999	3.0		4.0	3.0	4.0			3.5	4.0	3.0		3.0	3.0	2.0	3.0	25	3.26	93	2.86		
8	1711150059	Hoàng	Long	22/08/1999	2.0	2.0	4.0	4.0	3.5			3.5	3.0	3.0			3.0	3.5		23	3.11	95	2.71		
9	1711151526	Nguyễn Hương	Ly	24/10/1999	3.5		4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	3.0			3.5	3.0		21	3.69	97	3.19		
10	1711150049	Nguyễn Chí Đức	Tài	14/07/1999	3.0	2.5	4.0	3.0	3.5	3.0	3.0	2.0	3.5	3.5	1.0		3.0	2.0		31	2.85	85	2.50		
11	1711151230	Phạm Nhật	Vi	06/06/1999	2.0		4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	3.0		3.5	3.0	3.5	4.0	25	3.52	93	2.75		

Tổng hợp: Tổng số SV: 11 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QĐ1 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Cơ sở dữ liệu đất đai	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quản lý tài nguyên môi trường	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
1	1711110284	Lê Minh	Anh	07/08/1999	3.0				3.5			4.0		3.0	4.0					4.0		16	3.59	118	3.03		
2	1711110133	Nguyễn Quyền	Anh	24/08/1999	3.0				3.0			4.0		3.0	4.0					4.0		16	3.50	118	2.83		
3	1711110275	Nguyễn Việt	Anh	07/02/1999	3.0				2.5			4.0		3.0	4.0					3.0		16	3.28	118	2.55		
4	1711110146	Nguyễn Danh	Dân	08/10/1999	3.0				3.0			4.0		3.0	4.0					3.5		16	3.44	118	2.36		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Cơ sở dữ liệu đất đai	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quản lý tài nguyên môi trường	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
5	1711110119	Trần Phương	Dung	16/08/1999	3.5				3.0			4.0		3.5	4.0						3.5		16	3.59	118	2.71		
6	1711110200	Nguyễn Lê	Dũng	17/01/1999	3.5				3.0			4.0		3.5	4.0						3.5		16	3.59	118	2.62		
7	1711110199	Lê Trường	Giang	03/10/1999	3.0				3.0			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.44	118	2.50		
8	1711110127	Trần Dương Ngọc	Giang	14/03/1999	3.0				3.0			4.0		4.0	4.0		3.5				3.0	2.0	21	3.29	116	2.61		
9	1711110383	Đinh Diệu	Hà	23/03/1999	3.0				3.0		3.0	4.0		3.0	3.0					2.5	3.5	3.0	24	3.13	104	2.12		
10	1711110236	Đỗ Thị Thanh	Hà	07/09/1999	3.5				3.0			4.0		4.0	4.0						4.0		16	3.72	118	2.97		
11	1711110515	Nguyễn Sơn	Hà	16/07/1999	3.0				3.0			4.0		3.0	3.5	3.5					3.5		18	3.36	112	2.16		
12	1711110325	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/06/1999	4.0				2.5			4.0		2.5	4.0						3.0		16	3.41	118	2.64		
13	1711110398	Phạm Thúy	Hà	10/11/1999	3.0				3.0			3.5	2.5	3.0	3.5						3.5		18	3.17	115	2.35		
14	1711110301	Trần Vương	Hải	19/04/1999	3.0				2.0			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.25	116	2.64		
15	1711110193	Trần Minh	Hằng	01/06/1999	4.0				3.0			4.0		4.0	4.0						3.0		16	3.69	118	2.79		
16	1711111417	Vũ Thúy	Hằng	12/09/1999	3.5				3.0			4.0		2.5	3.5						4.0		16	3.44	118	2.50		
17	1711110114	Dương Thanh	Hiền	31/07/1999	4.0				3.0			4.0		3.5	4.0						4.0		16	3.75	118	3.18		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Cơ sở dữ liệu đất đai	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quản lý tài nguyên môi trường	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
18	1711110316	Ngô Thu	Hiền	26/10/1999	3.5	3.0			3.0			3.5		3.0	4.0		3.0				3.5		20	3.35	118	2.80		
19	1711110437	Phạm Thu	Hiền	11/04/1999	4.0				3.0			4.0		4.0	4.0						4.0		16	3.81	118	3.27		
20	1711110181	Trần Bá	Hiệp	02/08/1999	3.5				2.5			4.0		3.0	3.5						3.5		16	3.34	118	2.64		
21	1711110108	Trần Huy	Hoàng	01/09/1999	3.5				2.5			3.5		2.5	4.0						3.0	2.0	19	3.03	113	1.97	Cảnh báo học tập mức 1	
22	1711110797	Trương Mạnh	Hoàng	22/05/1999	3.0				2.5			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.34	115	2.42		
23	1711110115	Nguyễn Đức	Huy	05/08/1999	3.0				3.0			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.44	114	2.51		
24	1711110216	Trần Gia	Huy	12/01/1999	3.5				3.0			4.0		3.0	4.0						2.5		16	3.41	113	2.48		
25	1711110397	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	02/02/1999	4.0				3.0			4.0		3.5	4.0						4.0		16	3.75	118	2.86		
26	1711110320	Nguyễn Thúy	Huyền	19/08/1999	4.0				3.5			4.0		3.0	4.0						2.5		16	3.59	116	2.88		
27	1711110235	Nguyễn Lan	Hương	06/01/1999	3.5				2.5			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.44	118	2.56		
28	1711111429	Vũ Mai	Hương	30/05/1999	3.0				2.5			4.0		3.0	3.5						4.0		16	3.31	118	2.58		
29	1711110174	Ngô Ngọc	Khánh	24/06/1999	3.0				2.5			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.34	114	2.57		
30	1711110304	Đào Duy	Lâm	15/02/1999	3.5				3.0			4.0		3.5	4.0						3.5		16	3.59	114	2.62		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Cơ sở dữ liệu đất đai	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Toán cao cấp 1	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quản lý tài nguyên môi trường	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
31	1711110280	Lê Thị Khánh	Linh	09/03/1999	4.0		3.0		2.5			4.0		3.0	4.0						4.0		19	3.50	118	2.81		
32	1711110374	Nguyễn Hải	Linh	14/06/1999	3.0				3.0			3.5	3.0	3.5	4.0		2.0				3.5		20	3.23	118	2.36		
33	1711110909	Vương Đức	Mạnh	22/08/1996	3.0				2.5			4.0		3.0	4.0						2.5		16	3.22	116	2.31		
34	1711110378	Nguyễn Phan	Minh	05/10/1999	4.0				3.0			4.0		3.5	4.0						4.0		16	3.75	118	3.18		
35	1711111454	Nguyễn Thị	Ngần	30/11/1999	3.0				3.0			3.0	3.0	3.0	3.5						2.0		18	2.97	102	2.09		
36	1711110387	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/01/1999	3.0				3.0			4.0		3.5	4.0						3.5		16	3.50	118	2.60		
37	1711110120	Tống Thùy	Nhung	25/08/1999	3.0			3.5	2.0			3.5	3.0	3.0	4.0						2.0		20	3.03	118	2.35		
38	1711111217	Trần Ngọc	Phong	27/10/1999	2.0				2.5			4.0		2.5	4.0						2.0		16	2.91	116	2.09		
39	1711111539	Lê Thị Phương	Thảo	28/02/1999	3.0				3.5			4.0		3.5	3.5						3.5		16	3.50	118	2.58		
40	1711110116	Hoàng Quốc	Việt	05/11/1999	3.0				2.0			4.0		3.0	4.0						3.5		16	3.25	118	2.45		
41	1711110386	Hoàng Thanh	Xuân	04/05/1999	3.0				3.5			4.0		3.0	3.5						3.0		16	3.38	118	2.84		

Tổng hợp: Tổng số SV: 41 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QĐ2 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thanh tra đất đai và xây dựng	Định giá đất	Tiếng Anh 1	Tin học đại cương	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tiếng Anh 3	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Quản lý thị trường bất động sản	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	3	2	2	2						
1	1711110866	Hoàng Văn	An	24/11/1999	2.5			3.0				4.0		3.0	4.0		3.0	0.0	18	2.92	116	2.64		
2	1711110729	Nguyễn Đức	Anh	09/12/1999	2.5			3.0				3.0		3.5	4.0	3.0	3.0		18	3.14	118	2.59		
3	1711110563	Nguyễn Trung	Anh	30/06/1998	2.5			2.0				3.0		3.0	3.0		2.0		16	2.59	118	2.25		
4	1711110093	Nguyễn Tuấn	Anh	09/03/1999	4.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.63	118	2.37		
5	1711110517	Vũ Việt	Anh	16/10/1999	3.0			3.0				4.0		4.0	4.0		3.0		16	3.50	118	2.65		
6	1711110584	Lý Thị	Châm	12/03/1999	3.5			3.5				4.0		3.0	4.0		2.5		16	3.50	118	2.64		
7	1711110435	Phạm Thị	Doan	04/03/1999	3.0			3.0				4.0		4.0	4.0		2.0		16	3.38	118	2.70		
8	1711110716	Lương Nguyễn Khánh	Dương	19/04/1999	3.5			3.5				3.0		4.0	3.5		3.5		16	3.47	118	2.80		
9	1711110409	Nguyễn Đức	Đào	23/11/1999	3.5			3.0				4.0		2.5	4.0		2.5		16	3.34	118	2.61		
10	1711110832	Nghiêm Thành	Đạt	08/11/1999	3.0			3.5				4.0		3.0	4.0		3.0		16	3.47	118	2.67		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thanh tra đất đai và xây dựng	Định giá đất	Tiếng Anh 1	Tin học đại cương	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tiếng Anh 3	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Quản lý thị trường bất động sản	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	3	2	2	2						
11	1711110822	Trần Quang	Định	12/09/1999	3.0			3.0			3.5	4.0		3.5	4.0		4.0		18	3.56	118	2.48		
12	1711110569	Lê Minh	Đức	01/10/1999	3.0			3.0				4.0		4.0	3.5		3.0		16	3.41	118	2.47		
13	1711110663	Hoàng Văn	Hải	05/11/1999	3.5			4.0				3.0	3.0	4.0	3.5		3.5		18	3.50	118	2.95		
14	1711110448	Vũ Đức	Hải	14/09/1999	3.0			3.0				4.0		4.0	4.0		2.5		16	3.44	115	2.69		
15	1711110523	Lê Vũ Minh	Hiếu	14/07/1999	2.5			2.5				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.25	116	2.60		
16	1711110577	Phạm Thị Minh	Hiếu	02/10/1998	3.5		4.0	3.5				4.0		3.5	4.0		3.5		18	3.72	118	3.03		
17	1711110713	Đinh Quang	Huy	24/11/1999	3.0			3.0				4.0		4.0	4.0		3.5		16	3.56	118	2.77		
18	1711110408	Lương Quang	Huy	20/04/1999	3.0			3.0				3.0		3.5	4.0		2.5		16	3.19	118	2.73		
19	1711110876	Trần Thị	Huyền	21/12/1999	3.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.5		16	3.50	118	2.69		
20	1711110742	Chu Hải	Linh	18/07/1999	3.0			3.0				3.0		3.0	4.0		4.0		16	3.31	118	2.69		
21	1711110775	Lê Thị	Linh	27/10/1999	4.0			3.5				4.0		4.0	4.0		3.0		16	3.78	118	2.69		
22	1711110860	Mai Thùy	Linh	11/10/1999	4.0			3.0				4.0		4.0	4.0		3.5		16	3.75	118	3.56		
23	1711110537	Trần Khánh	Ly	10/04/1999	3.5			3.0				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.53	118	3.01		
24	1711110736	Đào Phương	Mai	22/04/1999	2.5			2.5				4.0		3.0	4.0		4.0		16	3.31	118	2.53		
25	1711110333	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29/12/1999	3.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.5		16	3.50	118	2.90		
26	1711110843	Nguyễn Kim	Oanh	10/09/1998	4.0			3.0				4.0		3.0	4.0		4.0		16	3.69	118	3.05		
27	1711110381	Đinh Văn	Phong	03/03/1999	3.5			3.0				3.5		3.5	3.5		4.0		16	3.47	115	2.54		
28	1711110466	Khổng Tiến	Phúc	15/11/1999	3.5			2.5				3.0		3.0	4.0		2.5		16	3.13	118	2.51		
29	1711110412	Nguyễn Thị	Phương	05/01/1999	4.0			3.5		3.0		4.0		4.0	4.0		3.5		19	3.71	118	2.64		
30	1711110377	Vũ Thị Thu	Phương	05/12/1999	4.0			3.5				4.0		4.0	4.0		4.0		16	3.91	118	3.57		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thanh tra đất đai và xây dựng	Định giá đất	Tiếng Anh 1	Tin học đại cương	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tiếng Anh 3	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Quản lý thị trường bất động sản	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	3	2	2	2						
31	1711110176	Phạm Đăng	Quyền	25/04/1999	3.0			2.5				4.0		4.0	4.0		3.0		16	3.41	118	2.48		
32	1711110477	Nghiêm Đình	Thành	28/04/1999	3.5			3.5	4.0			4.0		3.5	4.0		3.0		18	3.67	118	2.67		
33	1711110628	Nguyễn Hữu	Thành	26/07/1999	4.0			3.0				4.0		4.0	4.0		4.0		16	3.81	118	2.98		
34	1711110826	Nguyễn Khắc	Thành	03/06/1999	3.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.44	118	2.38		
35	1711110714	Hoàng Thị Phương	Thảo	05/08/1999	3.0	3.5		3.0			3.5	4.0		3.5	4.0		3.5		20	3.50	118	2.50		
36	1711110573	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/10/1999	3.0			3.0				4.0		3.0	4.0		4.0		16	3.50	118	2.86		
37	1711110680	Trần Phương	Thảo	02/02/1999	3.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.5		16	3.50	118	2.72		
38	1611110164	Nguyễn Thị	Thu	12/03/1998	3.0			3.0				4.0		3.0	4.0		3.5		16	3.44	118	2.90		
39	1711110525	Lâm Thanh	Tiến	01/12/1999	3.5	2.0		3.0				4.0		3.5	4.0		3.5		18	3.42	110	2.77		
40	1711110723	Lê Đức	Toàn	18/09/1999	2.0			2.0				3.0		2.0	4.0		2.0		16	2.56	115	2.13		
41	1711110776	Đinh Thị Thu	Trang	21/12/1999	3.0			3.0				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.44	115	2.63		
42	1711111619	Nguyễn Minh	Trang	29/08/1999	3.5			3.5				4.0		3.5	4.0		4.0		16	3.75	118	3.20		
43	1711110179	Đỗ Văn	Tuấn	20/07/1999	3.5			4.0				3.0		3.5	4.0		3.5		16	3.59	118	2.73		
44	1711110841	Nguyễn Mạnh	Tuấn	17/02/1999	3.5			3.5				4.0		3.5	4.0		3.0		16	3.63	118	2.57		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QĐ3 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Thanh tra đất đai và xây dựng	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tin học đại cương	Hóa học đại cương	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Kỹ năng mềm	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2						
1	1711111156	Đậu Việt Anh	22/10/1998	2.0				0.0		4.0					2.0		4.0		3.0	16	2.50	107	2.20		
2	1711111008	Đỗ Thị Vân Anh	21/09/1999	3.0				3.0		4.0					4.0		4.0		3.0	16	3.50	118	3.01		
3	1711110973	Nguyễn Thị Lan Anh	20/07/1999	4.0				3.5		4.0					4.0		4.0		3.5	16	3.84	118	3.22		
4	1711111147	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	08/10/1999	2.5				1.5		4.0					3.5		4.0		4.0	16	3.19	118	2.44		
5	1711111114	Nguyễn Thị Vân Anh	07/06/1999	3.0				2.5		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.28	118	2.50		
6	1711110990	Phạm Thị Hồng Anh	04/01/1999	2.0				3.0		4.0					4.0		4.0		4.0	16	3.44	118	2.66		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Thanh tra đất đai và xây dựng	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tin học đại cương	Hóa học đại cương	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Kỹ năng mềm	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2						
7	1711110887	Vũ Thị Lan	Anh	18/01/1999	4.0				2.5		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.47	118	3.16		
8	1711111099	Vũ Tuấn	Anh	18/12/1999	3.0				3.0		4.0					3.5		4.0		3.0	16	3.44	115	2.60		
9	1711110983	Nguyễn Xuân	Bách	31/05/1999	2.5				2.0		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.09	118	2.69		
10	1711111102	Lê Linh	Chi	26/08/1999	3.0				3.0		4.0					4.0		4.0		3.0	16	3.50	118	2.61		
11	1711110942	Phùng Thế	Công	14/07/1999	2.0				2.0		4.0	3.0				3.0		4.0		1.5	18	2.83	118	2.02		
12	1711110987	Lành Tuấn	Cương	23/07/1999	2.5				2.5		4.0					3.0		4.0		2.0	16	3.06	118	2.37		
13	1711111134	Nguyễn Ngọc	Dũng	20/01/1999	2.5				2.5		4.0					3.5		4.0		2.0	16	3.13	118	2.51		
14	1611110725	Khương Thị	Hà	03/12/1998	4.0				3.0		4.0				3.0	3.5		4.0		2.5	18	3.50	118	2.86		
15	1711111234	Trần Thị Thu	Hà	06/02/1999	3.0				4.0		4.0					3.0		4.0		1.5	16	3.38	118	2.67		
16	1711111104	Trịnh Thị	Hạnh	12/07/1999	3.5				3.0	2.0	4.0					3.5		4.0		3.0	19	3.29	118	3.03		
17	1711110939	Nguyễn Mai	Hoa	20/11/1999	3.0				4.0		4.0					3.0		4.0		2.5	16	3.50	118	2.55		
18	1711111186	Phạm Việt	Hoàng	10/12/1999	3.0				2.0		4.0					3.5		4.0		3.0	16	3.25	118	2.62		
19	1711111058	Nguyễn Hà	Huế	27/02/1999	3.5				3.5		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.56	118	2.92		
20	1711111066	Hồ Thị	Huệ	16/03/1999	3.0				2.5		4.0					4.0		4.0		3.0	16	3.41	118	3.01		
21	1711111231	Trương Thị	Huyền	04/07/1999	3.0				3.0		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.38	118	2.78		
22	1711111022	Nguyễn Trung	Kiên	22/09/1999	3.5				2.0		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.28	97	2.68		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Thanh tra đất đai và xây dựng	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tin học đại cương	Hóa học đại cương	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Kỹ năng mềm	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2						
23	1711111048	Nguyễn Thanh	Lam	04/10/1999	3.5				3.0		4.0					3.5		4.0		4.0	16	3.66	118	2.90		
24	1711111057	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/12/1999	2.0				1.5		3.5					2.5		4.0		2.0	16	2.63	115	2.30		
25	1711110919	Vũ Tuấn	Linh	06/04/1999	3.0				2.5		4.0					3.0		4.0		3.5	16	3.34	116	2.29		
26	1711111608	Lê Chí	Luật	13/03/1999	2.5				2.5		3.5					3.0		4.0		2.0	16	2.97	118	2.44		
27	1711111033	Hồ Thị Ngọc	Mai	17/01/1999	2.5				2.0		4.0					3.0		3.5		2.5	16	2.94	116	2.24		
28	1711110877	Nguyễn Tuấn	Mạnh	25/12/1999	2.0				2.0		3.5					2.0		4.0		3.0	16	2.78	118	2.08		
29	1711111159	Phùng Thị	Ngọc	27/06/1998	4.0				3.0		4.0					4.0		4.0		4.0	16	3.81	118	2.94		
30	1711110947	Bùi Thị Minh	Nguyệt	29/06/1999	1.5			2.5	1.5		3.0		1.5			2.0		3.5		1.0	20	2.13	99	1.74		Cảnh báo học tập mức 1
31	1711111107	Đinh Bảo	Phương	09/08/1999	3.0				3.0		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.38	118	2.68		
32	1711111070	Nguyễn Thị Minh	Phương	04/11/1999	3.0				2.5		4.0					4.0		4.0		4.0	16	3.53	118	2.71		
33	1711111076	Nguyễn Thị Thu	Phương	28/10/1999	3.5				2.5		4.0					3.0		4.0		3.5	16	3.44	118	3.12		
34	1711111094	Nguyễn Lan	Phượng	16/01/1999	3.0				2.0		4.0			4.0		4.0		4.0		3.0	18	3.39	118	2.46		
35	1711111151	Ngô Minh	Quang	07/04/1999	2.0				3.0		3.5		3.5			3.0		4.0		3.0	18	3.14	116	2.34		
36	1711111079	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/11/1999	3.0				2.0		4.0					3.5	3.0	3.5		4.0	18	3.25	118	2.58		
37	1711111036	Phạm Thúy	Quỳnh	27/11/1999	2.0				2.5		4.0			3.5		3.5		4.0		3.5	18	3.25	116	2.47		
38	1711110890	Dương Quang	Sáng	17/07/1999	2.0				2.0		4.0					3.5		4.0		3.5	16	3.13	115	2.37		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Thanh tra đất đai và xây dựng	Tiếng Anh 1	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Tin học đại cương	Hóa học đại cương	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Kỹ năng mềm	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2						
39	1711110906	Nguyễn Vũ Thái	Sơn	07/10/1999	2.0				1.5		4.0					2.5		4.0		3.0	16	2.84	118	2.25		
40	1711111125	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/10/1999	4.0				3.0		4.0					4.0		4.0		3.5	16	3.75	118	3.39		
41	1611110161	Nguyễn Ngọc	Thành	26/05/1998	2.5				3.0	2.0	4.0					3.5		4.0		3.5	19	3.18	113	2.65		
42	1711110911	Hoàng Phương	Thảo	17/05/1999	2.5				3.5		4.0					3.5		4.0		3.0	16	3.44	118	2.73		
43	1711111065	Cao Thị	Thắm	02/09/1999	3.0				4.0		4.0					3.5		4.0		3.5	16	3.69	118	2.65		
44	1711110143	Nguyễn Văn	Thắng	26/03/1999	2.0				2.0		4.0					3.5		4.0		2.0	16	2.94	118	2.54		
45	1711110368	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	30/01/1999	3.0				3.0		3.5					3.0		4.0		3.5	16	3.34	118	2.81		
46	1711110160	Nguyễn Thị	Trang	12/06/1999	2.5				3.0		3.0					3.0		4.0		3.0	16	3.09	118	2.72		
47	1711111083	Nguyễn Viết	Tuấn	09/03/1999	2.0				2.5		4.0					3.0		4.0		3.0	16	3.09	118	2.44		
48	1711111072	Trương Thị Hồng	Vân	24/03/1999	3.0				2.5		3.5					3.0		3.5		4.0	16	3.22	108	2.03		
49	1711111208	Đỗ Duy	Vũ	19/01/1999	1.0	2.0	0.0		1.5		3.0			3.5		2.5		4.0	1.0	1.5	25	2.06	106	1.99		
50	1711110291	Trần Lê	Vy	04/09/1999	3.5				3.0		4.0					3.5		4.0		4.0	16	3.66	118	2.76		
51	1711111182	Nguyễn Thị	Yến	11/08/1999	2.5				2.0		3.5					3.0		3.5		3.5	16	2.97	111	2.39		

Tổng hợp: Tổng số SV: 51 Số SV bị cảnh báo mức 1:01 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QĐ4 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Giao đất	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3						
1	1711111489	Nguyễn Đức	Anh	26/08/1999	3.5			3.5		2.5		4.0	3.0		3.0	3.5		2.5		20	3.23	110	2.69		
2	1711111499	Nguyễn Tùng	Anh	06/05/1999	4.0					4.0		4.0			3.0	4.0		4.0		16	3.88	118	3.33		
3	1711111436	Phạm Quang	Bách	03/10/1999	3.5					3.0		4.0			3.5	4.0		3.0		16	3.53	118	2.82		
4	1711111358	Lê Thanh	Bình	17/09/1999	3.0					4.0		4.0		4.0	3.0	4.0		3.0		18	3.61	118	2.81		
5	1711111606	Lê Mạnh	Dũng	21/03/1999	4.0					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	2.79		
6	1711111565	Nguyễn Tấn	Dũng	06/03/1999	2.0					1.5		0.0			0.0	0.0		0.0		16	0.66	79	1.92		Cảnh báo học tập mức 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Giao đất	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3						
7	1711111352	Bùi Thị Thanh	Hằng	18/12/1999	4.0					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	3.05		
8	1711111266	Vũ Đức Hoàng	Hiệp	14/06/1999	3.0	0.0				3.0		4.0			3.0	3.5	1.0	2.5		21	2.55	100	2.51	Cảnh báo học tập mức 1	
9	1711111449	Lê Minh	Hòa	12/01/1999	3.0					3.0		3.0			4.0	3.5		2.5		16	3.16	111	2.42		
10	1711111477	Nguyễn Anh	Hùng	23/12/1996	3.0					3.0		4.0			3.0	3.5		3.0		16	3.28	118	2.27		
11	1711111618	Đỗ Đức	Huy	10/10/1999	4.0					2.5		4.0			3.0	4.0		1.5		16	3.28	118	2.69		
12	1711111575	Trần Đức	Huy	04/01/1999	3.5					3.0		4.0			4.0	4.0		1.5		16	3.41	118	2.62		
13	1711111581	Hà Thị	Lê	02/03/1998	4.0					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	2.80		
14	1711111550	Nguyễn Thị	Liễu	30/09/1999	3.0					3.0		4.0			3.0	4.0		3.0		16	3.38	118	2.44		
15	1711110336	Trương Thùy	Linh	26/02/1999	3.5					3.5		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	2.90		
16	1711111540	Trần Nhật	Minh	30/10/1999	3.0					3.0		4.0			3.0	4.0		3.0		16	3.38	118	2.59		
17	1711111507	Nguyễn Hữu	Nghĩa	13/11/1999	3.0					3.0		4.0			3.5	4.0		2.0		16	3.31	118	2.44		
18	1711111314	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/06/1999	4.0					3.5		4.0			3.0	4.0		4.0		16	3.78	118	2.90		
19	1711110379	Đặng Thị Hồng	Nhung	19/12/1999	3.5					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.59	118	2.61		
20	1711110232	Nguyễn Quỳnh	Nhung	25/04/1999	4.0					3.5		4.0			3.5	4.0		3.5		16	3.78	118	2.98		
21	1711111287	Nguyễn Ngọc Bảo	Phong	07/03/1999	3.5					3.0		4.0			3.5	4.0		3.0		16	3.53	118	2.75		
22	1711111605	Nguyễn Lan	Phương	08/01/1998	3.0					3.0		3.0			3.5	4.0		2.0		16	3.13	115	2.42		
23	1711111368	Nguyễn Thị	Phương	20/08/1999	2.0					3.0	2.0	4.0			2.0	4.0		1.0		19	2.68	118	2.26		
24	1711111461	Trần Thị Bích	Phượng	20/07/1999	3.0	2.0	1.5			3.0		4.0			3.0	4.0		1.0		21	2.81	118	2.20		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Giao đất	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3						
25	1711111552	Phạm Tuấn	Quang	15/08/1999	4.0					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	3.02		
26	1711111599	Vũ Thanh	Sơn	05/09/1994	2.5					3.0		4.0			3.0	4.0		2.0		16	3.16	118	2.84		
27	1711111604	Hoàng Thị	Tâm	26/12/1999	3.0					2.5		4.0			3.0	4.0		3.0		16	3.28	118	2.35		
28	1711111247	Lê Thị Thanh	Tâm	11/03/1999	3.5					3.5		4.0			3.5	4.0		3.0		16	3.63	118	2.78		
29	1711111601	Lưu Đức	Thành	08/04/1999	3.0					2.5		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.41	118	2.66		
30	1711111383	Nguyễn Thị	Thảo	09/11/1999	4.0					3.5		4.0			3.0	4.0		3.0		16	3.66	118	2.56		
31	1711111422	Nguyễn Thị	Thảo	08/09/1999	3.0					2.0		3.0			3.5	4.0		2.5		16	3.00	115	2.47		
32	1711111324	Vũ Thị Phương	Thảo	27/07/1999	4.0					3.5		4.0			4.0	4.0		4.0		16	3.91	118	3.25		
33	1711111406	Hồ Trọng	Thế	11/02/1999	3.0					2.0		4.0			3.5	3.5		2.0	3.5	19	3.11	114	2.44		
34	1711090597	Nguyễn Thanh	Thủy	18/08/1999	3.0				3.0	2.5		4.0	2.0	4.0	3.0	4.0		2.0		22	3.11	109	2.57		
35	1711111490	Phan Minh	Thư	18/08/1999	4.0					3.0		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.69	118	2.86		
36	1711111312	Đỗ Văn	Tình	06/01/1999	2.5			2.5		2.5		4.0			3.0	4.0		2.5		18	3.06	110	2.25		
37	1711111447	Đỗ Quỳnh	Trang	21/07/1999	4.0					3.5		4.0			4.0	4.0		4.0		16	3.91	118	3.13		
38	1711111289	Phạm Huyền	Trang	18/12/1998	3.5					3.0		4.0		4.0	3.0	4.0		2.5		18	3.47	118	2.67		
39	1711111567	Nguyễn Thành	Trung	22/04/1999	3.5					3.0		4.0			3.5	4.0		3.0		16	3.53	118	2.86		
40	1711111317	Nguyễn Hữu	Tuấn	24/05/1999	2.0					2.0		4.0			3.0	4.0		3.0		16	3.00	116	2.39		
41	1711111342	Nguyễn Ánh	Tuyết	15/01/1999	4.0					3.5		4.0			4.0	4.0		3.0		16	3.78	118	3.29		
42	1711111504	Phó Đức	Vượng	14/03/1999	3.0					2.0		4.0			3.5	3.5		2.5		16	3.09	118	2.74		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Đăng ký đất đai	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường	Giao đất	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật đại cương	Thanh tra đất đai và xây dựng	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Dịch vụ công về đất đai	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	Sử dụng đất và kinh tế đất	Quản lý thị trường bất động sản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3						

Tổng hợp: Tổng số SV: 42 Số SV bị cảnh báo mức 1:01 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7M1 **Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường** **Trình độ đào tạo : Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	Đồ án thông tin môi trường	Toán cao cấp 2	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường nước	Vật lý đại cương	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng Anh 1	Kiểm soát an toàn hóa chất và quản lý phòng thí nghiệm	Thông tin môi trường	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng anh 2	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	1	2	2	3	2	3	2	2	2	2	1	3	2							
1	1711070462	Nguyễn Đức	Bảo	04/10/1999	3.0	3.0		3.5		3.0		2.0	3.0	4.0	1.0	3.0			16	2.81	120	2.06		
2	1711070835	Nguyễn Khắc	Cường	09/08/1999	4.0	4.0		4.0		2.5		2.5	4.0	4.0	3.0	4.0			16	3.50	120	2.40		
3	1711070959	Nguyễn Tùng	Dương	18/12/1999	3.5	3.0		3.5		3.0		2.0	2.5	3.5	1.5	2.5			16	2.78	114	2.14		
4	1711070748	Nguyễn Tiến	Đạt	20/10/1999	4.0	4.0		4.0		4.0		3.5	4.0	4.0	3.0	4.0			16	3.81	120	2.90		
5	1711071511	Chu Hồng	Giang	10/08/1999	3.0	3.5		4.0		1.0		3.0	1.5	4.0	1.5	3.5			16	2.69	100	1.89		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	Đồ án thông tin môi trường	Toán cao cấp 2	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường nước	Vật lý đại cương	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng Anh 1	Kiểm soát an toàn hóa chất và quản lý phòng thí nghiệm	Thông tin môi trường	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng anh 2	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	1	2	2	3	2	3	2	2	2	2	1	3	2						
6	1711071562	Chu Thị Hồng	Giang	29/09/1998	4.0	4.0		4.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			16	4.00	120	3.49		
7	1711070892	Đào Việt	Hà	15/01/1999	3.0	4.0		4.0		3.0		3.0	3.5	4.0	2.0	3.5			16	3.28	120	2.73		
8	1711070777	Tống Phương	Hà	08/07/1999	4.0	3.0		4.0	4.0	2.0		3.0	4.0	4.0	2.0	4.0			19	3.42	120	2.40		
9	1711070188	Bùi Trung	Hiếu	24/04/1999	3.0	3.5		4.0		2.0		2.0	2.5	4.0	2.0	4.0			16	2.91	118	2.16		
10	1711070441	Mẫn Bá	Hiếu	14/03/1999	3.0	2.5		3.0		2.0		2.0	3.0	1.5	3.0	2.0			16	2.47	114	2.02		
11	1611070413	Trương Minh	Hiếu	24/08/1998	4.0	4.0		4.0		2.0		2.0	3.0	4.0	2.0	4.0			16	3.13	100	2.12	Cảnh báo học tập mức 1	
12	1711070767	Doãn Việt	Hoàng	10/04/1999	3.0	3.0		3.5		2.5		1.5	1.5	3.5	3.0	2.5			16	2.66	116	1.94		
13	1711070644	Phạm Việt	Hoàng	21/11/1999	3.5	3.0		3.5		2.0		2.5	1.0	3.5	2.0	2.0			16	2.56	103	2.04		
14	1711071592	Phạm Ngọc	Huy	21/02/1999	2.5	2.0		3.0		2.0		2.0	0.0	1.5	1.5	1.0			16	1.75	82	1.93		
15	1711070762	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	16/05/1999	4.0	3.0		4.0		2.0		2.5	2.0	4.0	3.0	3.0			16	3.06	120	2.28		
16	1711070600	Phạm Đức	Linh	09/10/1999	4.0	2.5		3.5		1.5		2.0	2.0	3.5	2.0	3.0			16	2.66	97	2.04		
17	1711070914	Trần Thị Trà	My	30/04/1999	3.0	3.5		3.5		2.0		3.0	3.5	3.0	2.5	3.5			16	3.00	120	2.17		
18	1711071481	Nguyễn Thành	Nam	28/10/1999	2.5	2.0		4.0	2.0	2.0	0.0	1.0	0.0	3.0	2.0	2.0		0.0	24	1.63	92	1.77		Cảnh báo học tập mức 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	Đồ án thông tin môi trường	Toán cao cấp 2	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường nước	Vật lý đại cương	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng Anh 1	Kiểm soát an toàn hóa chất và quản lý phòng thí nghiệm	Thông tin môi trường	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Tiếng anh 2	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	1	2	2	3	2	3	2	2	2	2	1	3	2							
19	1711101149	Nguyễn Văn	Nam	12/02/1999	4.0	3.5		4.0		2.0		3.0	4.0	4.0	2.5	2.5			16	3.31	120	2.71		
20	1711070190	Hồ Thị Kim	Ngân	09/02/1999	4.0	4.0		4.0		2.0		2.5	4.0	4.0	2.0	4.0			16	3.31	120	2.67		
21	1711071043	Nguyễn Huy	Pháp	16/07/1999	3.5	3.0		3.5		1.0		2.5	3.0	4.0	3.0	3.0			16	2.94	118	2.16		
22	1711071095	Vũ Thanh	Phong	05/06/1999	3.5	3.0		3.5	3.0	2.0		2.5	2.0	4.0	2.5	3.0	3.0		22	2.91	118	2.26		
23	1711070535	Nguyễn Phan	Quân	21/07/1999	3.0	4.0	3.0	4.0		1.0		2.0	1.0	4.0	2.0	4.0			18	2.67	118	2.54		
24	1611071053	Nguyễn Vũ Quỳnh	Trang	24/08/1998	4.0	4.0		4.0		3.5		3.5	4.0	4.0	2.0	4.0			16	3.63	120	3.06		
25	1711070307	Vũ Hoài	Trang	12/05/1999	4.0	4.0		4.0		4.0		3.0	2.5	4.0	3.0	4.0			16	3.56	120	2.88		
26	1711070586	Lê Văn Thành	Trung	17/01/1999	4.0	3.5		4.0		1.0		3.0	3.0	4.0	2.5	3.5			16	3.13	120	2.46		
27	1711071019	Nguyễn Quang	Tùng	13/07/1998	4.0	4.0		4.0		2.0		2.5	2.5	3.5	1.0	4.0			16	2.94	120	2.32		
28	1711070757	Nguyễn Sơn	Tùng	28/04/1999	4.0	4.0		3.0		3.5		2.0	2.0	3.0	2.5	3.0			16	2.94	120	2.24		
29	1711070177	Nguyễn Tú	Uyên	25/04/1999	4.0	4.0		4.0		1.5		3.0	2.0	4.0	2.5	3.5			16	3.09	120	2.20		
30	1711070758	Phạm Thanh	Việt	11/11/1999	3.5	4.0		4.0		1.0		2.5	2.0	4.0	1.5	2.0			16	2.69	120	2.13		

Tổng hợp: Tổng số SV: 30 Số SV bị cảnh báo mức 1: 01 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7M2 **Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đồ án xử lý nước cấp	Toán cao cấp 2	Đồ án xử lý nước thải	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Vật lý đại cương	Toán cao cấp 1	Thực tập Công nghệ môi trường	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án mạng lưới cấp thoát nước	Quản lý môi trường	Công trình thu nước - Trạm bơm	Đồ án xử lý khí thải	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Mạng lưới cấp thoát nước	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					1	2	1	2	3	3	2	1	1	2	2	1	2	2	2	3							
1	1711071472	Phạm Lan	Anh	15/11/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	16	3.91	120	3.24		
2	1711070564	Mai Văn	Bình	17/08/1996	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	4.00	120	3.48		
3	1711070560	Đào Nguyên	Cường	24/02/1999	3.5	2.5	4.0	2.0			3.5	4.0	3.5		3.0	4.0	4.0			2.0	18	3.06	113	2.37		
4	1711071196	Đỗ Việt	Cường	24/01/1999	3.0		3.0	0.0			4.0	3.0	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0			3.0	18	2.94	118	2.06		
5	1711071343	Đặng Kim	Dung	11/10/1999	4.0		4.0	2.5			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	3.81	120	2.60		
6	1711071032	Vũ Thị Thùy	Dung	26/11/1999	4.0		4.0	2.5			4.0	4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0	16	3.69	120	2.93		
7	1711071500	Vũ Thị	Duyên	08/03/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	4.00	120	3.08		
8	1711071184	Trương Công	Đạt	26/12/1999	4.0		4.0	2.5			3.5	3.0	3.5	3.5	3.5	4.0	4.0			3.0	18	3.42	112	2.32		
9	1711070366	Nguyễn Minh	Đức	13/01/1998	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	16	3.91	120	2.85		
10	1711070196	Nguyễn Trung	Đức	19/10/1999	3.0		3.0	2.0			4.0	4.0	3.0		3.0	3.0	4.0	2.5		2.5	18	3.03	98	2.17		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đồ án xử lý nước cấp	Toán cao cấp 2	Đồ án xử lý nước thải	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Vật lý đại cương	Toán cao cấp 1	Thực tập Công nghệ môi trường	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án mạng lưới cấp thoát nước	Quản lý môi trường	Công trình thu nước - Trạm bơm	Đồ án xử lý khí thải	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Mạng lưới cấp thoát nước	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					1	2	1	2	3	3	2	1	1	2	2	1	2	2	2	3						
11	1711071167	Lê Thị Hương	Giang	20/06/1999	4.0		4.0	3.0			4.0	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			4.0	16	3.81	120	2.51		
12	1711071474	Đỗ Thị	Hạnh	21/06/1999	4.0		4.0	2.5			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	18	3.83	120	2.50		
13	1711070720	Trần Thị	Hiền	16/06/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			4.0	16	3.94	120	3.06		
14	1711071215	Nguyễn Trung	Hiếu	11/01/1999	3.5		4.0	3.5			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	3.91	120	2.58		
15	1711070921	Bùi Thanh	Hoa	16/02/1999	3.5		3.0	2.5	4.0		4.0	4.0	3.0		3.5	3.5	4.0		3.0	3.0	21	3.43	114	2.21		
16	1711070795	Vũ Thị Thu	Hoài	16/05/1999	4.0		3.5	1.5			4.0	4.0	4.0		4.0	3.5	4.0			4.0	16	3.63	120	2.40		
17	1711070511	Nguyễn Vũ	Hoàng	28/05/1999	4.0		4.0	3.0			4.0	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			4.0	16	3.81	120	3.23		
18	1711070789	Nguyễn Sỹ	Hùng	02/10/1999	4.0		3.0	3.0			4.0	4.0	3.5		4.0	4.0	4.0			3.0	16	3.59	120	2.36		
19	1711111084	Nguyễn Thị Hải	Linh	25/10/1999	4.0		3.0	3.5		4.0	4.0	4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0	19	3.79	120	2.47		
20	1711071286	Vũ Thị Mỹ	Linh	20/08/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	16	3.91	120	2.50		
21	1711071586	Nguyễn Hữu	Lương	26/09/1997	3.5		4.0	3.0			4.0	4.0	3.5		3.5	4.0	4.0			2.0	16	3.38	120	2.62		
22	1711071598	Nguyễn Khánh	Ly	14/10/1999	0.0		0.0	0.0			3.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0			0.0	16	0.38	89	1.96		Cảnh báo học tập mức 1
23	1711071269	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	27/07/1999	4.0		3.5	3.0			4.0	4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0	16	3.72	120	2.29		
24	1711070135	Tạ Ngọc	Mai	06/05/1999	3.5		4.0	3.0			4.0	4.0	3.0		3.0	4.0	4.0			2.5	16	3.38	110	2.24		
25	1711071566	Nguyễn Hoàng	Phi	15/06/1999	4.0		4.0	1.5			4.0	4.0	4.0		3.5	3.5	4.0			2.0	16	3.22	115	2.07		
26	1611071930	Nguyễn Đức	Phương	06/08/1998											2.5						2	2.50	101	1.84		
27	1711071252	Nguyễn Thị	Phương	21/08/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	4.00	120	3.26		
28	1711070760	Trần Thúy	Phương	13/11/1999	4.0		3.5	3.0			4.0	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			4.0	16	3.78	120	2.43		
29	1711071594	Mẫn Thị Thanh	Thanh	21/07/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	16	3.91	120	3.00		
30	1711071380	Dương Thị Phương	Thảo	07/01/1999	4.0		4.0	3.0			4.0	4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			4.0	16	3.81	120	2.47		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Đồ án xử lý nước cấp	Toán cao cấp 2	Đồ án xử lý nước thải	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Vật lý đại cương	Toán cao cấp 1	Thực tập Công nghệ môi trường	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án mạng lưới cấp thoát nước	Quản lý môi trường	Công trình thu nước - Trạm bơm	Đồ án xử lý khí thải	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Mạng lưới cấp thoát nước	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					1	2	1	2	3	3	2	1	1	2	2	1	2	2	2	3						
31	1711070527	Nguyễn Mạnh	Thắng	25/07/1999	3.5		3.0	3.5			4.0	4.0	3.5		3.0	3.5	4.0			2.5	16	3.38	120	2.23		
32	1711070957	Đỗ Thị	Thủy	01/09/1999	4.0		3.5	3.0	4.0		4.0	4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			3.0	19	3.61	120	2.30		
33	1711070543	Nguyễn Thị	Thuyết	11/08/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	4.00	120	2.72		
34	1711070349	Lê Vũ	Thương	21/10/1999	4.0		4.0	3.5			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	3.94	120	3.54		
35	1711070321	Trần Thùy	Trang	25/07/1999	4.0		4.0	3.0			4.0	4.0	3.5		3.5	4.0	4.0			3.0	16	3.59	120	3.13		
36	1711071485	Đặng Anh	Tuấn	20/05/1998	3.5		3.5	3.5			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	16	3.78	105	2.45		
37	1711070479	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	11/08/1999	4.0		4.0	3.5			4.0	4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0	16	3.81	120	3.24		
38	1711071444	Vũ Thị	Tươi	03/03/1999	4.0		4.0	3.5			4.0	4.0	4.0		3.5	3.0	4.0			3.5	16	3.72	120	2.72		
39	1711071600	Nguyễn Tiến	Vệ	12/06/1999	3.5		3.0	2.0			4.0	3.5	3.0		3.0	3.5	4.0		2.5	3.0	18	3.14	112	2.19		
40	1711071347	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/04/1999	4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	16	4.00	120	2.46		

Tổng hợp: Tổng số SV: 40 Số SV bị cảnh báo mức 1:01 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QM1 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Đồ án quy hoạch môi trường	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				2	2	2	3	2	3	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
1	1711101471	Nguyễn Duy Anh	28/02/1999					3.0	3.5	2.0	2.0			3.5	3.5	2.5	3.0			2.0			21	2.76	118	2.11		
2	1711100482	Nguyễn Kim Anh	05/08/1999					3.5		3.0	1.5			3.5	3.0	2.5	2.5			2.0			18	2.69	104	2.13		
3	1711100293	Nguyễn Thị Năm Anh	12/07/1999					2.5		4.0	3.0			4.0	4.0	3.0	3.5	3.5		3.5			20	3.45	120	3.00		
4	1711101257	Bùi Ngọc Bình	15/05/1996					3.5		3.5	3.0			4.0	3.0	2.0	3.0			3.0			18	3.08	120	3.18		
5	1711100406	Nguyễn Thanh Bình	29/10/1999	3.0				3.0		3.0	3.0			3.5	3.5	2.5	3.5			2.0			20	2.98	120	2.47		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Đồ án quy hoạch môi trường	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	2	3	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3							
6	1711100211	Nguyễn Minh	Châu	06/07/1999	3.0		0.0		3.0		3.0	2.5			3.5	4.0	4.0	3.0			2.0			22	2.86	111	2.59		
7	1711100195	Lê Thị Việt	Chinh	07/09/1999					3.5		3.0	3.0			4.0	4.0	3.0	4.0			3.5			18	3.44	120	2.84		
8	1711100263	Trần Văn	Cường	11/01/1999					3.0		3.0	3.0			4.0	4.0	4.0	3.5			4.0			18	3.56	120	2.87		
9	1711100478	Vũ Thị	Dung	19/04/1999					3.5		2.5	4.0			4.0	4.0	4.0	4.0			3.5			18	3.64	120	3.04		
10	1711100480	Hoàng Tùng	Dương	10/12/1999					3.0		2.5	3.0			3.5	4.0	3.5	3.5			2.0			18	3.11	115	2.44		
11	1711100504	Nguyễn Trung Minh	Đạo	24/04/1999					2.5		3.0	3.5			4.0	3.0	3.0	3.5			2.5			18	3.11	120	2.74		
12	1711100283	Giang Tiến	Đạt	26/09/1999	3.0	2.0			2.0		3.0	3.0		2.0	4.0	4.0	3.5	4.0		2.5	3.5			28	3.00	120	2.51		
13	1711100323	Lê Ngọc	Đạt	07/03/1999					2.5		2.0	2.0			3.5	4.0	2.5	3.0			3.0		2.0	21	2.64	115	2.16		
14	1711100503	Lê Thị Thu	Hà	09/10/1999					3.5		3.0	3.0			4.0	4.0	4.0	3.5			3.5			18	3.56	120	2.69		
15	1711100310	Vi Hoàng	Hải	16/11/1999					2.5		3.0	2.5			3.5	3.5	3.5	4.0			4.0			18	3.31	120	2.31		
16	1711100147	Trần Thị	Hạnh	03/04/1999					4.0		4.0	2.5			4.0	4.0	4.0	4.0			4.0			18	3.83	118	3.17		
17	1711100340	Quách Thùy	Hoan	06/03/1999		1.5		3.0	3.0		4.0	2.5		2.0	4.0	4.0	3.0	4.0	3.0		3.0			28	3.07	120	2.53		
18	1711100396	Vũ Tiến	Hoàng	30/08/1999					3.0		3.0	3.0			3.5	3.5	4.0	4.0			4.0			18	3.50	120	2.73		
19	1711100524	Đào Tuấn	Hùng	09/02/1999					3.5		4.0	2.5			4.0	4.0	3.5	4.0			3.0			18	3.58	120	2.73		
20	1711101393	Lại Thị Ngọc	Huyền	01/12/1999					3.5		4.0	4.0			4.0	4.0	3.5	4.0			4.0			18	3.86	120	3.16		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Đồ án quy hoạch môi trường	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	2	3	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
21	1711100267	Nguyễn Khánh	Hưng	28/10/1999					3.0		3.0	3.5			4.0	3.5	3.0	3.0			2.0			18	3.11	120	2.29		
22	1711100445	Nguyễn Thị Thúy	Hường	30/09/1999					2.5		4.0	2.5			4.0	4.0	4.0	4.0			3.0			18	3.56	120	2.70		
23	1711100125	Nguyễn An	Khanh	06/12/1999	3.0			3.5	2.0		3.5	3.0		3.0	4.0	3.5	3.0	2.5			2.5			26	3.08	120	2.45		
24	1711101260	Dương Ngọc Bảo	Lâm	06/12/1999					3.0		3.0	2.0			3.5	3.0	4.0	3.0			3.0			18	3.11	120	2.74		
25	1711100510	Nguyễn Hoài	Lâm	03/07/1999					3.5		3.5	3.5			4.0	4.0	4.0	4.0			3.0			18	3.69	120	2.68		
26	1711100244	Trần Thúy	Liễu	07/12/1999					3.0		3.5	2.5			4.0	4.0	4.0	3.0			4.0			18	3.53	120	3.02		
27	1711100444	Đỗ Thị Thùy	Linh	04/09/1999					3.5		3.5	3.5			4.0	4.0	3.0	4.0			3.5			18	3.58	120	2.84		
28	1711100385	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/06/1999					3.0		4.0	2.5	3.5		3.5	3.0	4.0	2.5			3.0			21	3.31	120	2.60		
29	1711100270	Nguyễn Thùy	Linh	24/12/1999					3.0		3.5	3.5			4.0	3.5	3.0	3.0			3.5			18	3.36	120	2.65		
30	1711100149	Nguyễn Phương	Nga	12/01/1999					4.0		4.0	3.5			4.0	3.5	4.0	4.0			3.5			18	3.83	120	3.36		
31	1711100347	Vũ Thị Hoàng	Nga	10/06/1999					4.0		4.0	4.0			4.0	4.0	4.0	4.0			3.5			18	3.94	120	3.05		
32	1711100341	Ngô Thị Bình	Nguyên	30/12/1999					3.0		4.0	3.5			4.0	4.0	3.5	4.0			4.0			18	3.75	120	3.37		
33	1711100164	Nguyễn Quang	Ninh	26/05/1999					3.0		3.0	2.0			4.0	3.5	3.5	4.0			3.0			18	3.25	120	2.63		
34	1711100422	Hoàng Thu	Phương	23/12/1999					3.0		3.0	2.5			4.0	3.0	3.0	2.5			2.5			18	2.94	120	2.27		
35	1711100888	Lê Thị Minh	Phương	24/08/1999					4.0		4.0	3.0			3.5	4.0	3.0	3.0			3.5			18	3.50	120	2.68		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Đồ án quy hoạch môi trường	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	2	3	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	3							
36	1711100288	Trương Thu	Phương	23/10/1999					3.0		4.0	3.0			4.0	3.5	3.0	4.0			2.0			18	3.33	120	2.78		
37	1711100136	Nguyễn Mạnh	Quang	15/08/1999					3.0		4.0	3.0			4.0	4.0	3.5	4.0			4.0			18	3.69	120	2.82		
38	1711100335	Nguyễn Vĩnh	Quang	08/07/1999					3.0		3.5	3.0			3.5	3.5	3.0	3.0	3.0		3.5	3.0		22	3.20	117	2.42		
39	1711101423	Hoàng	Quân	11/11/1999					2.0		3.0	1.5			4.0	3.0	2.0	3.0			2.5			18	2.61	112	2.45		
40	1711100260	Cầm Bảo	Sơn	11/12/1999					2.5		3.0	2.0			4.0	3.0	3.0	3.0			3.0			18	2.94	118	2.27		
41	1711100738	Phạm Quang	Thịnh	26/10/1999					3.5		3.0	3.0			3.5	4.0	2.0	3.0			2.5			18	3.00	120	2.44		
42	1711100492	Lê Thị	Tình	02/06/1999					4.0		4.0	3.0			3.5	4.0	4.0	4.0			4.0			18	3.83	120	3.14		
43	1711101039	Vũ Quỳnh	Trang	10/11/1999					4.0		4.0	3.0			3.5	4.0	4.0	3.0			4.0			18	3.72	120	2.90		
44	1711101059	Trần Quốc	Trung	24/10/1999					4.0		3.0	3.0			3.5	4.0	4.0	3.0			3.0			18	3.44	120	2.60		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QM2 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Độc học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tiếng Anh 3	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Xác suất thống kê	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
1	1711100708	Đặng Thị Quỳnh	Anh	13/07/1999						3.5	3.5	3.0	3.0			3.5	4.0		3.0		3.0			18	3.31	120	2.71		
2	1711100852	Nguyễn Hoàng	Anh	18/05/1999				2.5		2.5	3.0	2.0	3.0			3.5	3.0		2.5	0.0	2.0			23	2.41	115	2.17		
3	1711100791	Mai Ngọc	Ánh	02/04/1999						3.0	3.0	3.0	3.5			4.0	4.0		3.0		2.0			18	3.17	120	2.88		
4	1711100575	Phạm Hữu	Cường	05/02/1999						4.0	4.0	3.0	3.5			4.0	4.0		3.0		4.0			18	3.67	120	3.22		
5	1711100686	Vũ Thùy	Dung	12/10/1999						3.5	3.5	3.0	3.5			4.0	4.0		3.5		2.0			18	3.39	120	3.27		
6	1711100830	Lê Đức	Dũng	07/02/1999						3.5	4.0	3.0	4.0			4.0	2.5		2.5		2.5			18	3.22	120	3.33		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Độc học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tiếng Anh 3	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Xác suất thống kê	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
7	1711100719	Nguyễn Hải	Duy	27/05/1999			2.0		4.0	2.0	3.0	2.0	3.0			4.0	3.0		2.5		3.0			23	2.85	112	2.30		
8	1711100745	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	29/07/1999						4.0	4.0	3.5	4.0			4.0	3.5		4.0		4.0			18	3.89	120	3.49		
9	1711100652	Nguyễn Hải	Dương	18/06/1999						2.5	3.5	2.0	3.0			4.0	4.0		3.0		2.0	2.5		20	2.93	120	2.73		
10	1711100557	Nguyễn Thành	Đạt	08/05/1999						3.0	1.0	3.0	3.0			3.5	0.0		1.0		2.0			18	2.06	118	2.14		
11	1711100599	Trương Ngọc	Đạt	07/03/1999						3.0	3.0	2.0	3.0	4.0		3.5	4.0		2.0		3.0		2.0	24	2.92	120	2.63		
12	1711100801	Trần Mai	Hạnh	16/12/1999						3.5	3.0	2.5	3.5			4.0	3.5		2.0	3.0	2.0			20	2.98	120	2.59		
13	1711100771	Lê Bích	Hảo	26/11/1999			0.0			3.5	2.5	2.5	3.5			3.5	4.0		2.5		3.0			20	2.80	115	2.63		
14	1711100551	Vũ Thị Thanh	Hằng	26/11/1999					3.5	3.0	3.0	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0		2.0	4.0		23	3.07	120	2.53		
15	1711100784	Nguyễn Thị	Hiền	20/05/1999						4.0	4.0	2.5	4.0			4.0	4.0		3.5		2.0			18	3.53	120	3.17		
16	1711100553	Nguyễn Thu	Hiền	31/05/1999						3.0	3.0	2.5	3.0			3.5	3.0		2.0		2.0			18	2.72	120	2.67		
17	1711100829	Phùng Thị	Hợp	08/08/1999						3.5	3.0	2.0	3.0			4.0	4.0		2.0		2.5			18	2.97	120	2.59		
18	1711100607	Bùi Thanh	Huyền	09/07/1998						3.5	3.5	2.5	3.5			4.0	4.0		3.5		2.5			18	3.39	120	3.11		
19	1711100561	Xa Quang	Huỳnh	07/05/1999	0.0					3.0	3.0	2.5	3.0			3.5	3.5		2.0		1.5			20	2.45	115	2.07		
20	1711100715	Lã Xuân	Hưng	21/07/1999						2.5	2.5	2.5	3.0			4.0	3.5		3.0		3.0			18	2.97	120	2.55		
21	1711100741	Bùi Nhật	Lệ	21/11/1999						3.0	4.0	1.0	4.0			4.0	4.0		2.0		3.0			18	3.06	120	2.87		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Độc học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tiếng Anh 3	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Xác suất thống kê	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
22	1711100807	Nguyễn Thị Thùy	Linh	23/03/1998						2.5	4.0	3.0	3.5			4.0	4.0		3.0		3.5			18	3.36	120	2.99		
23	1711100621	Tô Thị Diệu	Linh	08/10/1999						3.5	3.0	2.0	3.0			4.0	4.0		2.0		3.0			18	3.03	120	2.96		
24	1711100754	Phạm Thị Thảo	Ly	17/04/1999						3.5	3.0	1.0	3.0			4.0	3.0		3.0		3.0	4.0	2.0	23	2.93	120	2.32		
25	1711100699	Nguyễn Thị	Nga	04/08/1999						3.0	2.5	2.0	4.0			4.0	4.0		2.0		2.5			18	2.94	120	2.70		
26	1711100580	Hoàng Thị	Nguyệt	24/12/1999						4.0	4.0	2.0	3.5			4.0	4.0		3.5		3.5			18	3.58	120	3.05		
27	1711100734	Đặng Thị	Nhàn	02/02/1999						4.0	4.0	2.0	3.0			3.0	4.0		4.0		3.5			18	3.50	120	2.80		
28	1711100615	Vũ Thị	Nhàn	22/10/1999		4.0	3.5			3.0	3.5	2.0	3.5			4.0	4.0		3.0		3.5	4.0	2.0	27	3.26	118	2.73		
29	1711100854	Trần Thị Hải	Ninh	07/07/1999						4.0	4.0	2.0	3.0			4.0	4.0		3.5		3.0			18	3.47	120	3.14		
30	1711100743	Đinh Thị Như	Quỳnh	02/02/1999						4.0	4.0	2.5	3.5			4.0	4.0		3.0		3.0			18	3.50	120	3.06		
31	1711100702	Nguyễn Thúy	Quỳnh	07/01/1999						4.0	2.5	2.5	3.5			4.0	4.0		2.0		3.0			18	3.17	120	2.57		
32	1711100827	Hoàng Hồng	Sơn	24/04/1999						3.0	3.5	2.0	3.5	2.5		3.5	3.0	3.0	2.0		2.5		1.5	26	2.65	117	2.18		
33	1711100712	Phạm Phương	Thảo	29/09/1999						3.0	3.0	2.0	4.0			4.0	3.5		2.0		2.0			18	2.89	120	2.64		
34	1711100660	Trần Thị Phương	Thảo	23/10/1999						4.0	3.0	2.0	3.5			3.5	3.0		3.5		2.5			18	3.19	117	2.70		
35	1711100818	Nguyễn Quang	Thắng	11/08/1999						3.0	3.0	1.0	3.5			3.5	3.0		2.5		2.0			18	2.69	113	2.09		
36	1711100556	Ngô Thu	Thủy	28/10/1999						4.0	3.5	3.0	4.0			4.0	4.0		4.0		3.0			18	3.72	120	3.44		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Độc học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tiếng Anh 3	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Xác suất thống kê	Tăng trưởng xanh	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
37	1711100750	Đinh Văn	Toàn	24/01/1999						2.5	2.0	1.5	3.0			3.0	2.0		2.5		2.0			18	2.33	103	2.30		
38	1711100646	Đào Thu	Trang	02/12/1999						4.0	4.0	3.0	3.5			4.0	4.0		3.0		3.0			18	3.56	120	3.17		
39	1711100810	Đinh Thị Kiều	Trang	02/02/1999						4.0	3.0	2.5	3.0			4.0	3.5		4.0		3.5			18	3.50	120	2.92		
40	1711100670	Nguyễn Thu	Trang	11/07/1999						4.0	2.5	2.0	3.5			4.0	3.5		3.5	4.0	3.0			20	3.38	120	2.78		
41	1711100598	Phạm Thị Thu	Trang	04/06/1999						4.0	4.0	3.5	4.0			4.0	3.0		4.0		4.0			18	3.83	120	3.35		
42	1711100765	Phạm Trung	Tuyền	07/02/1998			2.5			3.0	3.0	2.0	3.0			3.0	3.5		2.0		3.0			20	2.75	114	2.31		
43	1711100455	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	22/11/1999						3.5	3.5	2.5	4.0			4.0	4.0		4.0		3.0			18	3.58	120	3.38		
44	1711100671	Hoàng Thị	Yến	01/10/1999						3.0	2.5	2.5	3.0		1.0	3.0	3.5		2.0		2.0			20	2.50	113	2.19		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QM3 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3						
1	1711101245	Nguyễn Vũ Bảo	Anh	16/11/1999	3.0		3.0	1.5	3.5	3.5		4.0	2.5	3.5	3.0		2.5	2.5				24	2.96	116	2.16		
2	1711100999	Trịnh Minh	Anh	15/12/1999			3.5	1.5	2.5	3.5		4.0	3.0		4.0		3.0					18	3.19	120	2.69		
3	1711101152	Trịnh Quế	Anh	23/03/1999			2.5	3.0	4.0	3.5		4.0	3.0		4.0	3.5	1.5					21	3.24	120	2.76		
4	1711100861	Trần Đức	Chính	01/06/1999			4.0	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0		3.0		3.0					18	3.50	120	3.05		
5	1711101150	Trần Phạm Anh	Cường	20/09/1999			3.0	3.0	3.0	4.0		4.0	3.5		3.5		3.0					18	3.36	120	2.80		
6	1711101305	Phạm Đức	Duy	17/11/1997	4.0		3.0	3.0	2.0	4.0		4.0	4.0		3.0		2.0		3.0			22	3.18	120	2.55		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3						
7	1711100936	Hà Trung	Đức	29/11/1999			3.0	2.5	3.0	3.0	1.0	3.5	3.5		3.0		1.5		3.5	2.5	2.0	28	2.61	106	2.17		
8	1711101307	An Thị	Hà	12/07/1998			4.0	3.0	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		3.0					18	3.56	120	3.36		
9	1711101382	Trần Nguyệt	Hà	03/08/1999			3.0	2.5	2.5	3.5		4.0	4.0		3.5		1.5					18	3.08	120	2.64		
10	1711100945	Nguyễn Thanh	Hiền	24/04/1999			4.0	3.5	3.0	3.0		3.5	3.0	3.0	3.0		3.0	2.0				22	3.14	120	2.44		
11	1711101248	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/03/1999			4.0	3.0	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		3.0					18	3.56	120	2.88		
12	1711100891	Nguyễn Thu	Huyền	20/12/1999			3.5	4.0	4.0	3.5		3.5	4.0		3.0		3.0					18	3.53	120	3.18		
13	1711101235	Nguyễn Thị	Khuyên	26/08/1999			3.0	2.0	3.0	3.5		3.5	3.0		3.0		2.0					18	2.89	120	2.59		
14	1711101216	Nguyễn Tùng	Lâm	27/03/1999			3.0	1.5	3.0	3.0		3.0	3.0		3.0		2.0					18	2.72	120	2.38		
15	1711101130	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	22/12/1999	4.0		3.0	4.0	3.0	4.0		3.5	4.0		3.5		3.0		4.0			22	3.57	120	3.14		
16	1711101221	Nguyễn Thị Phương	Linh	06/05/1999			3.5	3.0	3.0	3.5		4.0	3.0		4.0		1.5					18	3.25	120	2.56		
17	1711101117	Hoàng Thị	Loan	05/09/1999			3.5	2.5	3.0	4.0		4.0	3.0		3.5		2.5					18	3.28	120	2.69		
18	1711101207	Nguyễn Khánh	Ly	02/07/1999			3.0	3.0	2.0	3.5		3.0	3.0		3.0		2.0		3.0			20	2.85	120	2.47		
19	1711100960	Nguyễn Đức	Mạnh	19/08/1999			2.5	3.0	2.5	3.0		3.0	3.0		3.0		3.0					18	2.86	120	2.51		
20	1711100234	Đỗ Anh	Minh	22/06/1999			3.0	2.0	2.5	3.0		3.0	3.0		3.0		2.5		4.0			20	2.90	120	2.33		
21	1711100946	Phan Gia	Minh	21/12/1999			3.0	3.0	3.5	3.5		3.0	3.0		4.0		2.5					18	3.22	120	2.50		
22	1711101028	Hoàng Văn	Nam	28/04/1999			3.0	3.0	2.0	3.5		3.0	2.5		3.5		2.0				2.5	21	2.81	120	2.34		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3						
23	1711100938	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	29/09/1999			3.0	2.5	3.5	3.5		4.0	2.0		2.0		2.0						18	2.78	120	2.61		
24	1711101282	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/11/1999			3.5	4.0	4.0	4.0		4.0	3.0		3.5		3.0						18	3.61	120	2.63		
25	1711101174	Nguyễn Thị	Nguyệt	03/10/1999			3.0	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0		4.0		3.0		4.0				20	3.55	120	3.20		
26	1711101119	Nguyễn Thanh	Nhung	12/12/1999			3.5	3.0	4.0	4.0		3.5	3.5		4.0		2.5						18	3.53	120	2.90		
27	1711100981	Đào Thị	Ninh	26/04/1999			3.0	3.0	3.5	4.0		4.0	3.0		4.0		2.0						18	3.33	120	2.85		
28	1711100970	Nguyễn Thu	Phương	03/09/1999			2.5	3.0	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		2.0						18	3.19	120	2.75		
29	1711101225	Ngô Thị Thanh	Quí	29/01/1999			3.5	3.0	4.0	3.5		3.5	3.0		3.5		3.0				3.0		21	3.33	120	2.71		
30	1711100941	Phạm Thị	Quỳnh	25/07/1999			3.0	3.0	4.0	3.5		4.0	3.0		3.5		1.5						18	3.19	120	2.54		
31	1711101255	Lê Văn	Tân	26/10/1999			3.0	2.5	3.0	3.5		3.0	3.0		3.0		2.5						18	2.94	118	2.53		
32	1711101293	Đinh Công	Thành	18/07/1999			4.0	2.5	3.5	4.0		4.0	3.5		4.0		3.0						18	3.61	120	2.93		
33	1711101040	Nguyễn Thu	Thảo	09/02/1999			4.0	3.0	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		4.0						18	3.67	120	3.09		
34	1711100400	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	28/02/1999			3.0	3.0	3.5	3.0		3.0	3.0		4.0		2.5						18	3.17	120	2.55		
35	1711101364	Chu Hoài	Thương	11/03/1999			3.0	2.0	3.5	3.0		3.5	3.0	3.5	3.0		3.0				3.0		23	3.04	118	2.40		
36	1711101229	Nguyễn Thị	Thương	16/02/1999			4.0	3.0	3.5	4.0		4.0	3.0		4.0		2.5						18	3.56	120	2.80		
37	1711101374	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/07/1999			4.0	2.5	4.0	4.0		4.0	3.5		3.0		2.5						18	3.44	120	2.66		
38	1711100986	Phạm Thị Thu	Trang	20/02/1999			4.0	2.5	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		3.5						18	3.56	120	3.12		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm toán môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3						
39	1711100902	Nguyễn Thị	Trâm	20/09/1999			3.0	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0		3.5		2.0					18	3.31	120	2.85		
40	1711101090	Bùi Quang	Trung	03/11/1998			3.0	3.5	3.0	4.0		4.0	3.0		3.0		3.0					18	3.28	120	2.47		
41	1711100928	Hứa Thị	Tú	21/10/1999			3.5	2.0	3.0	4.0		4.0	3.0		4.0		3.0					18	3.36	120	2.73		
42	1711100214	Ngô Quang	Tuân	10/03/1999		2.0	2.0	2.5	2.5	3.0		3.0	3.0		2.5		1.0					20	2.38	120	2.01		
43	1711101274	Lê Doãn	Vĩ	11/07/1999			0.0	0.0	0.0	3.5		3.5	0.0		0.0		0.0					18	0.78	74	2.05		Cảnh báo học tập mức 1
44	1711101369	Tô Thị Mai	Vinh	19/10/1999			4.0	4.0	3.5	3.5		4.0	4.0		3.5		3.0					18	3.69	120	2.97		

Tổng hợp: Tổng số SV: 44 Số SV bị cảnh báo mức 1: 1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7QM4 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kỹ năng mềm	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Tin học đại cương	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
1	1711101457	Trần Thị Nguyệt	Anh	15/11/1999				3.0	3.5	3.0		3.5		4.0	4.0		2.5				3.0				18	3.28	120	2.80		
2	1711101469	Nguyễn Minh	Chiến	19/09/1999				1.0	1.0	0.0		3.5		4.0	0.0		1.0				0.0				18	1.28	80	2.17		
3	1711101487	Phạm Đức	Chương	31/03/1997				3.5	3.0	2.5		4.0		4.0	4.0		3.5				4.0				18	3.53	120	2.51		
4	1711101517	Cao Thùy	Dương	28/09/1999				2.5	1.5	2.5		3.5	2.0	4.0	3.0		3.5				4.0			3.0	23	2.91	120	2.55		
5	1711101570	Nguyễn Thanh	Dương	07/04/1999				3.0	3.5	2.5		4.0		4.0	3.5		3.0	3.0			3.5				21	3.31	120	2.62		
6	1711101497	Nguyễn Thanh	Hằng	31/12/1999				4.0	4.0	3.0		3.5		4.0	4.0	3.5	4.0	3.5			3.5				23	3.72	120	2.76		
7	1711101585	Nguyễn Thị	Hoài	11/01/1999				3.0	4.0	2.5		4.0		4.0	4.0		4.0				4.0				18	3.72	120	2.92		
8	1711111042	Hồ Quang	Huy	08/02/1999	4.0			4.0	3.5	3.5		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				4.0				22	3.89	120	3.10		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kỹ năng mềm	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Tin học đại cương	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
9	1611100301	Bùi Thanh	Huyền	21/09/1998				4.0	4.0	3.0		4.0		4.0	4.0	4.0	4.0				4.0				20	3.90	120	3.65		
10	1611101155	Phạm Thu	Huyền	14/02/1998				4.0	4.0	3.0		4.0		4.0	4.0		4.0				4.0				18	3.89	120	3.67		
11	1711110417	Nguyễn Hoàng	Kiệt	05/08/1999	3.5			2.0	2.0	3.0	3.0	4.0		3.0	2.5	3.0	3.5		3.0		3.5	2.5			29	2.95	101	2.60		
12	1711101595	Nguyễn Thị	Lan	13/12/1999				2.5	3.5	2.5		3.5		3.5	3.0		4.0				3.0				18	3.25	118	2.68		
13	1711101553	Trần Thị	Lành	06/02/1999				4.0	3.0	3.0		3.5		4.0	4.0		3.5				4.0				18	3.58	120	3.12		
14	1711101515	Lê Ngọc	Lâm	02/06/1999				3.0		2.5		3.5		3.0	3.5		2.5		4.0		3.0				17	3.09	115	2.49		
15	1711101574	Nguyễn Thùy	Linh	17/06/1999				3.5	3.0	4.0		4.0		4.0	3.0		3.0				3.0				18	3.39	118	2.78		
16	1711101470	Bùi Đình	Lộc	15/09/1998	3.5		3.0	2.5	3.0	3.5		3.5		4.0	4.0	3.0	3.5				3.0				25	3.30	117	2.41		
17	1711101576	Phan Nga	My	05/01/1999				3.0	2.5	3.5		3.5		3.0	3.0		3.0				3.5		2.5		20	3.03	107	2.34		
18	1711070710	Lê Hải	Nam	16/12/1999			3.0	2.5	2.5	4.0		3.5		3.0	4.0	3.0	2.5				4.0	3.0			25	3.12	118	2.31		
19	1711101460	Trần Trọng	Quý	19/03/1999				3.0	2.0	3.5		3.5		3.0	3.5	3.0	3.5				4.0		3.5	3.0	25	3.18	120	2.49		
20	1711101486	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1999		4.0		4.0	3.5	3.0		4.0		4.0	4.0		4.0				3.0				20	3.73	120	3.13		
21	1711100402	Vũ Viết	Thành	06/02/1999				3.0	3.0	3.0		3.5		3.0	3.0		2.5				3.0				18	2.97	120	2.48		
22	1711100311	Mai Hương	Thảo	08/10/1999		3.5	3.5	2.5	3.0	2.5		3.5		4.0	2.5		3.5				3.0				23	3.17	120	2.58		
23	1711100148	Lê Thị	Thơ	20/02/1999				3.5	4.0	3.0		4.0		4.0	4.0		4.0				4.0				18	3.83	120	3.28		
24	1711101593	Nguyễn Thị	Thu	06/06/1999				2.5	2.5	2.5		4.0		4.0	3.0		3.0				3.0				18	3.03	120	2.43		
25	1711101582	Trịnh Thị Xuân	Thu	09/09/1999				3.0	4.0	3.5		3.5		3.5	4.0		4.0				3.5				18	3.67	120	2.84		
26	1711101584	Phạm Khắc	Thùy	02/06/1999			3.5	3.0	3.0	4.0		3.5		3.5	2.5		2.5				2.5				21	3.10	120	2.45		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Hóa học môi trường	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Kiểm toán môi trường	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kỹ năng mềm	Đồ án quy hoạch môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Biến đổi khí hậu	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Tin học đại cương	Tăng trưởng xanh	Sinh thái học	Hóa học đại cương	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
27	1711101597	Đỗ Thị	Thúy	05/10/1999			3.5	2.5	3.5	3.5		4.0		4.0	3.5		3.0				3.0				21	3.38	120	2.42		
28	1711101519	Nông Thị Thanh	Thư	12/10/1999				3.5	3.5	3.5		3.5		4.0	3.0		3.5				3.0				18	3.44	120	2.78		
29	1711100395	Nguyễn Minh	Thương	01/09/1998				3.0	3.0	3.5		4.0		4.0	2.5		3.5				3.0				18	3.31	120	2.51		
30	1711110880	Trần Vũ Hương	Trà	20/11/1999				3.5	4.0	2.5		4.0		4.0	3.5	4.0	3.5				3.0	3.0			22	3.52	116	2.78		
31	1711101534	Lâm Thị Huyền	Trang	17/10/1999				3.5	3.5	3.5		4.0		3.5	3.5		4.0				3.0		3.0		20	3.53	118	2.56		
32	1711101544	Phạm Đình	Tùng	08/11/1999				3.5	4.0	3.0		4.0		4.0	3.0		3.5	3.5			4.0				21	3.62	118	3.06		
33	1711101531	Lương Thị	Vân	18/09/1999				3.5	3.0	3.0		4.0		4.0	4.0		2.5			3.5	4.0				20	3.43	120	2.90		
34	1711101587	Nguyễn Tường	Vi	05/05/1999				3.5	4.0	3.0		4.0		4.0	4.0		4.0				4.0		0.0		20	3.45	120	2.91		
35	1711101557	Lương Phương	Vy	20/02/1999				2.5	4.0	2.5		4.0		4.0	4.0		3.0				4.0				18	3.50	120	2.60		
36	1711101614	Nguyễn Tường	Vy	01/03/1999				4.0	3.0	3.0		4.0		4.0	4.0		4.0				4.0				18	3.72	120	3.40		
37	1711101479	Lê Thị Ngọc	Yến	14/10/1999				4.0	4.0	3.5		4.0		4.0	4.0		3.5				4.0				18	3.86	120	3.23		
38	1711101603	Nguyễn Thị	Yến	27/08/1999	4.0	4.0		3.0	3.5	4.0		3.5		4.0	4.0		4.0				3.5				22	3.75	118	2.57		

Tổng hợp: Tổng số SV: 38 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7TĐ **Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Bản đồ học hiện đại	Cơ sở bản đồ	Quản lý dự án đo đạc - bản đồ	Thực hành GIS	Cơ sở vật lý ảnh viễn thám	Đại số	Tiếng Anh 3	Công nghệ Lidar	Bản đồ trong ngành tài nguyên và môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	4	2	3	3	3	2	3	3						
1	1711090075	Bùi Văn	Anh	23/06/1998	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	3.5	17	3.91	118	3.24		
2	1711090796	Tiêu Hoàng Minh	Anh	07/11/1999	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	17	4.00	118	3.66		
3	1711090053	Khổng Vũ Minh	Chiến	05/10/1999	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0	2.5	17	3.62	118	2.61		
4	1711090011	Nguyễn Gia	Chung	04/06/1999	3.5		3.0	4.0	3.0			2.5	3.0	17	3.18	118	2.15		
5	1711090546	Nguyễn Văn	Chung	05/11/1999	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	3.5	17	3.91	118	2.73		
6	1711090124	Trần Đức	Duy	04/10/1999	4.0		4.0	4.0	3.5			3.5	3.5	17	3.74	118	2.73		
7	1711091541	Ngô Quốc	Đạt	12/02/1999	3.0		4.0	4.0	3.0			2.0	2.0	17	2.94	98	2.07		
8	1711090509	Quách Thành	Đạt	01/12/1999	3.5		3.5	4.0	3.0			2.5	2.0	17	3.06	100	2.14		
9	1711091492	Vũ Tuấn	Đạt	12/10/1997	4.0		4.0	4.0	3.0			3.0	3.5	17	3.56	118	2.57		
10	1711090015	Đặng Văn	Hạnh	04/12/1999	3.5		4.0	4.0	3.0			3.5	4.0	17	3.65	118	3.08		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Bản đồ học hiện đại	Cơ sở bản đồ	Quản lý dự án đo đạc - bản đồ	Thực hành GIS	Cơ sở vật lý ảnh viễn thám	Đại số	Tiếng Anh 3	Công nghệ Lidar	Bản đồ trong ngành tài nguyên và môi trường	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	4	2	3	3	3	2	3	3						
11	1711090056	Bùi Thị	Hiền	07/08/1998	4.0		4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	17	4.00	118	3.27		
12	1711090066	Mai Đức	Hiếu	13/01/1996	3.5		4.0	4.0	3.0			3.0	3.5	17	3.47	116	2.44		
13	1711090009	Bùi Quốc	Khánh	02/09/1999	4.0	3.0	4.0	4.0	3.5			2.5	3.0	21	3.38	116	2.44		
14	1711091498	Nguyễn Khánh	Linh	19/09/1999	3.5	2.5	4.0	4.0	3.0			3.0	3.5	21	3.29	115	2.54		
15	1711091520	Phạm Như	Loan	01/03/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	2.5			3.5	3.0	21	3.31	118	2.66		
16	1711091548	Nguyễn Hữu Đông	Long	20/05/1999	3.0		3.5	4.0	2.5			3.0	3.0	17	3.15	118	2.24		
17	1711091437	Đỗ Văn	Lợi	25/02/1999	4.0		4.0	4.0	3.5		3.0	3.5	4.0	19	3.74	118	2.75		
18	1711091532	Lê Kim Tuấn	Minh	06/01/1999	4.0		4.0	4.0	3.0			3.5	3.0	17	3.56	118	2.49		
19	1711090591	Nguyễn Đình	Minh	24/03/1999	4.0		4.0	4.0	3.0			3.0	4.0	17	3.65	115	2.59		
20	1711090014	Lê Thị	Nga	20/05/1999	4.0		4.0	4.0	4.0			3.5	4.0	17	3.91	118	3.31		
21	1711091075	Phan Viết	Nghĩa	24/05/1999	4.0		4.0	4.0	3.5			3.5	3.0	17	3.65	118	2.88		
22	1711090432	Nguyễn Thị Hà	Ny	23/05/1997	3.5		4.0	4.0	3.0			3.5	3.5	17	3.56	121	2.39		
23	1711090029	Nguyễn Hoài	Phong	10/05/1999	4.0		3.5	4.0	3.0			3.0	3.5	17	3.50	115	2.21		
24	1711090037	Phạm Duy	Phương	11/11/1999	3.5		4.0	4.0	3.0			3.0	3.5	17	3.47	118	2.39		
25	1711091514	Vũ Trung	Thái	11/01/1998	3.5	2.0	4.0	4.0	3.0	3.5		3.0	3.0	24	3.17	118	2.37		
26	1711091537	Nguyễn Xuân	Thành	25/04/1998	4.0		4.0	4.0	3.5			3.5	3.5	17	3.74	118	2.77		
27	1711090039	Nguyễn Thị	Thảo	11/04/1999	3.5		4.0	4.0	3.0			4.0	2.0	17	3.38	118	2.23		
28	1711090030	Phạm Vũ	Thiên	04/05/1999	4.0		4.0	4.0	3.5			3.0	3.0	17	3.56	118	2.44		
29	1711090038	Phạm Đình	Tùng	23/10/1999	4.0	2.0	4.0	4.0	3.5			3.5	2.5	21	3.26	112	2.39		

Tổng hợp: Tổng số SV: 29 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2019-2020)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7TNN1 **Ngành: Quản lý tài nguyên nước** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	Toán cao cấp 2	Quản lý chất lượng nước	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Trắc địa đại cương	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Vật lý đại cương	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước mặt	Toán cao cấp 1	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước dưới đất	Quan trắc Tài nguyên nước	Phân tích đánh giá chất lượng nước	Mô hình toán trong tài nguyên nước mặt	Phân tích hệ thống tài nguyên nước	Dự báo tài nguyên nước	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2						
1	1711161620	Lê Đức Việt	Anh	27/12/1997						2.0		3.0	4.0								3.5	2.0	3.5		3.5	4.0	3.0		20	3.20	116	**2.79**		
2	1711160055	Nguyễn Thị Lan	Anh	21/10/1999						3.5		3.5									4.0	3.0			4.0	4.0	3.5		15	3.63	118	**2.78**		
3	1711160077	Phạm Hoàng	Anh	23/11/1999						3.0		3.5		3.0		3.0					3.5	2.5		3.0	4.0	4.0	3.5		23	3.28	116	**2.32**		
4	1711160005	Phí Hải	Bằng	25/08/1994						3.5		4.0									3.5	4.0			4.0	4.0	4.0		15	3.87	118	**3.13**		
5	1711160079	Thiều Thị Việt	Chinh	28/08/1999						2.0		2.0			3.5			3.0			3.0	2.0	3.0		4.0	4.0	4.0	3.0	24	3.10	118	**2.53**		
6	1711160017	Nguyễn Mạnh	Cường	12/09/1999						4.0		3.0									3.0	3.0			4.0	4.0	3.0		15	3.40	116	**2.34**		
7	1711160091	Nguyễn Phú	Cường	18/11/1999						2.5		3.0									3.5	3.5	3.5		4.0	4.0	3.5		17	3.44	118	**3.07**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	Toán cao cấp 2	Quản lý chất lượng nước	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Trắc địa đại cương	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Vật lý đại cương	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước mặt	Toán cao cấp 1	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước dưới đất	Quan trắc Tài nguyên nước	Phân tích đánh giá chất lượng nước	Mô hình toán trong tài nguyên nước mặt	Phân tích hệ thống tài nguyên nước	Dự báo tài nguyên nước	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2						
8	1711161559	Nguyễn Hoàng	Dũng	22/09/1999						2.0		3.5								3.5	2.0			4.0	4.0	3.5		15	3.23	118	**2.61**		
9	1711160042	Nguyễn Tuấn	Dũng	15/12/1999						3.0		3.0				3.0		2.5			3.0	3.0		3.5	4.0	3.0	3.0		22	3.09	113	**2.08**		
10	1711160065	Nguyễn Hữu	Duy	09/12/1999					2.0	1.5		3.0									3.0	2.0			3.0	2.0	3.0		17	2.47	118	**1.99**		
11	1711160218	Ong Đại	Dương	10/06/1999						1.0		3.0				3.0			2.0		3.0	2.0			3.5	1.5	3.0		20	2.50	112	**2.08**		
12	1711160759	Nguyễn Minh	Đức	19/03/1999					2.0	1.5		2.0				3.0				2.5	3.0	1.5			3.5	2.5	3.0		22	2.50	115	**2.11**		
13	1711160098	Cao Thái	Hà	20/12/1998						2.0		4.0									3.5	2.0			4.0	4.0	2.0		15	3.00	118	**2.81**		
14	1711160024	Chu Thị Thu	Hà	26/02/1999						3.0		3.5				3.0		3.0			2.0	3.0			3.5	3.5	3.5		20	3.13	108	**2.13**		
15	1711160088	Trần Thị Thu	Hà	02/02/1999						1.5		4.0									3.0	1.0			4.0	2.0	3.0		15	2.67	118	**2.64**		
16	1711160031	Nguyễn Hoàng	Hải	03/05/1999						2.5		4.0								3.0	3.0	3.0			4.0	3.5	3.5		17	3.32	118	**2.26**		
17	1711160106	Bùi Ngọc	Hằng	27/12/1999						2.0		3.0									2.5	2.0			4.0	4.0	3.0		15	2.93	118	**2.26**		
18	1711160006	Nguyễn Minh	Hằng	27/09/1999						1.5		3.0									3.0	2.0			4.0	3.5	3.5		15	2.97	118	**2.51**		
19	1711160259	Nguyễn Thị Minh	Hằng	10/09/1999						3.5		4.0									3.5	4.0			4.0	3.0	3.5		15	3.63	118	**2.73**		
20	1711160139	Nguyễn Chí	Hiếu	01/04/1999	3.0		3.0			2.5		3.0							1.0		3.0	1.0		0	3.5	2.0	3.0		24	2.33	108	**1.89**		
21	1711160158	Trần	Hùng	22/11/1999						3.5		4.0		3.0		4.0		3.5			3.0	4.0		3.5	4.0	3.0	4.0		25	3.60	118	**2.61**		
22	1711160052	Nguyễn Nhật	Huy	11/11/1999						0		3.0				3.5					3.0	1.0			2.5	3.0	3.0		18	2.47	108	**2.13**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	Toán cao cấp 2	Quản lý chất lượng nước	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Trắc địa đại cương	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Vật lý đại cương	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước mặt	Toán cao cấp 1	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước dưới đất	Quan trắc Tài nguyên nước	Phân tích đánh giá chất lượng nước	Mô hình toán trong tài nguyên nước mặt	Phân tích hệ thống tài nguyên nước	Dự báo tài nguyên nước	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2						
23	1711160094	Nguyễn Đình	Hưng	01/03/1997						2.0		3.5								3.0	3.0		3.5	4.0	3.0	3.5		17	3.21	118	**2.35**		
24	1711160012	Nguyễn Tuấn	Khanh	25/08/1999		3.0		2.0		3.0	2.5	4.0		2.0			0				2.0	1.5			3.5	3.0	3.0		28	2.38	118	**2.26**		
25	1711160016	Đoàn Thị Thùy	Linh	13/11/1999						3.5		4.0									4.0	4.0			4.0	3.0	3.5		15	3.70	118	**2.86**		
26	1711161588	Phạm Lê Quang	Linh	10/01/1999						1.0		4.0				3.0					3.0	2.0			4.0	3.0	3.5		18	2.97	118	**2.37**		
27	1711160251	Ngô Văn	Lộc	06/03/1999					1.5	2.0		3.5		3.0							3.0	3.0		3.0	3.0	4.0	3.0		22	2.91	111	**2.15**		
28	1711160003	Nguyễn Vân	Minh	17/10/1999						2.0		3.0								3.0	3.0	3.0		2.0	4.0	3.0	2.0		19	2.74	106	**2.10**		
29	1711160230	Phạm Thị Thúy	Nga	27/09/1999						3.5		4.0									3.5	3.5			3.5	4.0	3.5		15	3.63	118	**2.69**		
30	1711160165	Nguyễn Đình	Phong	25/01/1999						2.0		3.0									2.5	3.5			4.0	3.5	3.0		15	3.07	118	**2.67**		
31	1711160004	Trần Minh	Quang	10/12/1999				3.0		3.0		3.5				3.0			3.0	3.0	3.5	3.5			3.0	3.0	3.5		24	3.19	102	**2.31**		
32	1711160018	Tô Hải	Quỳnh	10/01/1999				3.5		3.5		3.5								3.0	4.0	3.0		3.0	4.0	3.0	4.0		21	3.48	118	**2.40**		
33	1711161613	Phạm Thị	Thế	05/01/1999						4.0		4.0									4.0	2.5			4.0	4.0	4.0		15	3.80	118	**2.82**		
34	1711160092	Đặng Anh	Tuấn	05/05/1999						2.0		3.0									2.5	3.0			3.0	2.5	3.5		15	2.83	116	**2.39**		
35	1711160001	Phan Thanh	Tùng	28/12/1998						3.5		3.5				3.0			3.0	3.0	2.0	3.0		3.0	4.0	2.5	3.0		24	3.04	113	**2.29**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 35 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 7
HỌC KỲ 7 (NĂM THỨ 4, NĂM HỌC 2019-2020)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH7TNN2 **Ngành: Quản lý tài nguyên nước** **Hệ: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Trắc địa đại cương	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Toán cao cấp 1	Dự báo tài nguyên nước	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3						
1	1711160087	Vũ Thế	Anh	21/09/1998			2.5		4.0		3.5		2.0	3.0		4.0	2.5	4.0			17	3.24	118	**2.33**		
2	1711160688	Đặng Văn	Diện	18/01/1999			1.0		3.5		3.5		3.5			3.0	3.5	2.0			15	2.80	116	**2.09**		
3	1711161146	Nguyễn Thành Đức	Hạnh	17/08/1999			3.5		4.0		4.0		4.0			4.0	2.0	4.0			15	3.67	118	**3.17**		
4	1711161292	Vũ Quang	Huy	15/01/1999			2.5		3.5		3.0		4.0			4.0	4.0	3.0			15	3.40	118	**2.48**		
5	1711161077	Cao Thị	Luyến	06/06/1999		3.5	2.0		4.0		2.0		2.0		3.0	3.5	2.5	3.5			19	2.92	114	**2.21**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Trắc địa đại cương	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Toán cao cấp 1	Dự báo tài nguyên nước	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3						
6	1711161366	Lê Trọng Tuấn	Minh	18/07/1999			2.0		3.5		3.0		1.0			4.0	2.0	3.5			15	2.77	118	**2.29**		
7	1711161475	Trần Trà	My	02/08/1999			2.5		2.0		2.0		2.0			4.0	2.5	3.5			15	2.70	112	**2.22**		
8	1711160769	Trịnh Thị Hồng	Nhung	19/10/1999			2.0		3.0		2.5		2.5			4.0	3.5	3.0	2.5	3.0	20	2.90	113	**2.00**		
9	1711160013	Nguyễn Ngọc	Thành	05/08/1999			2.5	4.0	3.0		3.0	3.0	2.5			4.0	3.0	3.5			19	3.18	108	**2.18**		
10	1711160329	Đỗ Phương	Thảo	27/02/1999		4.0	3.5		4.0		4.0		3.5			4.0	3.0	3.0			17	3.59	118	**2.50**		
11	1711161334	Phạm Thị	Thủy	12/10/1999		3.5	3.0		4.0		4.0		4.0			4.0	4.0	4.0			17	3.82	118	**2.75**		
12	1711161212	Nguyễn Thu	Thúy	03/06/1999			3.5		4.0		4.0		4.0			4.0	4.0	4.0			15	3.93	118	**3.36**		
13	1711161320	Vũ Thị Thủy	Tiên	18/04/1999			3.0		4.0		4.0		4.0			4.0	4.0	4.0			15	3.87	118	**2.97**		
14	1711021512	Cao Xuân	Tiến	12/10/1999	3.0		2.0		3.0	4.0	2.0		2.0	3.0		3.5	3.0	3.0			22	2.91	112	**2.25**		
15	1711160033	Hoàng Thùy	Trang	14/06/1999			2.5		2.5		3.5		2.0			3.5	3.0	4.0		2.0	18	2.89	115	**2.53**		
16	1711160020	Phùng Văn	Trường	27/11/1999			2.5	2.0	4.0		3.5		3.0			4.0	3.5	2.5		3.0	20	3.08	115	**2.30**		
17	1711161011	Trần Văn	Túc	01/01/1999			2.5		3.5		1.5		1.0			4.0	3.0	3.5	2.5	2.0	20	2.63	118	**2.31**		
18	1711160054	Lâm Văn	Tuyên	05/08/1999			2.5		3.0		2.5		1.0			4.0	2.5	3.0			15	2.67	110	**2.02**		
19	1711160036	Nguyễn Thị	Tuyết	25/06/1999			3.0		4.0		4.0		3.0			4.0	4.0	3.5			15	3.63	118	**2.78**		
20	1711160041	Trần Thị Ánh	Tuyết	17/06/1999			2.0		4.0		3.0		4.0			4.0	4.0	2.5			15	3.30	118	**2.69**		
21	1711160050	Đỗ Long	Xuyên	04/09/1999			2.0		3.5		4.0		3.0			4.0	4.0	3.5			15	3.43	118	**2.30**		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	Trắc địa đại cương	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	Toán cao cấp 1	Dự báo tài nguyên nước	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Địa lý tự nhiên	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	Truyền thông về Tài nguyên nước	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	Quy hoạch tài nguyên nước	Hóa học đại cương	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3						

Tổng hợp: Tổng số SV: 21 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0